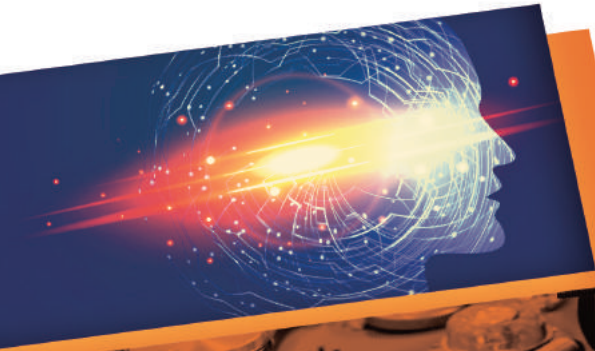


CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

NHỮNG Ý TƯỞNG TÁO BẠO

Cẩm nang về sở hữu trí tuệ
dành cho doanh nghiệp khởi nghiệp



NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG

MỤC LỤC

TỪ VIẾT TẮT	5
GIỚI THIỆU	6
Nội dung chính	7
“Tài sản trí tuệ” là gì?.....	7
Bằng độc quyền sáng chế	8
Bí mật kinh doanh.....	9
Quyền tác giả.....	9
Nhãn hiệu	10
Kiểu dáng công nghiệp.....	10
Các quyền sở hữu trí tuệ khác	10
Doanh nghiệp khởi nghiệp tạo ra tài sản trí tuệ và doanh nghiệp khởi nghiệp sử dụng tài sản trí tuệ.....	11
Hiểu rõ mức độ sẵn sàng về công nghệ (TRL)	12
Mô hình kinh doanh với Kế hoạch kinh doanh.....	14
BẢO VỆ THÀNH QUẢ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO	16
Bảo hộ độc quyền sáng chế	17
Đảm bảo bí mật kinh doanh của bạn được bảo vệ	22
Bảo hộ quyền tác giả	23
PHÂN BIỆT HÀNG HÓA TRÊN THỊ TRƯỜNG	24
Xác lập quyền đối với nhãn hiệu.....	25
Tên miền.....	28
Xác lập quyền đối với kiểu dáng công nghiệp	30
GIA NHẬP THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ	33
Nộp đơn đăng ký sáng chế ở các quốc gia khác	35
Nộp đơn đăng ký nhãn hiệu ở các quốc gia khác.....	38
Nộp đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp ở các quốc gia khác.....	41
Bảo hộ quyền tác giả ở các quốc gia khác	43
NHỮNG CHIẾN LƯỢC KHAI THÁC TÀI SẢN TRÍ TUỆ KHÁC	45
Chuyển giao quyền sử dụng	46
Chuyển nhượng quyền sở hữu	49

Tiếp cận tài chính	50
Tài trợ từ chính phủ.....	51
Bạn bè, gia đình và những kẻ ngốc (FFF)	52
Nhà đầu tư thiên thần	52
Quy đầu tư mạo hiểm và rủi ro	53
Gia tăng giá trị của doanh nghiệp khởi nghiệp	54
Phương pháp chi phí.....	56
Phương pháp thị trường	57
Phương pháp thu nhập	57
QUẢN TRỊ RỦI RO	59
Thất bại trong bảo hộ và bảo hộ sớm.....	60
Ngăn chặn rò rỉ thông tin.....	60
Thất bại trong nhận chuyển nhượng quyền sở hữu	61
Tránh các vụ kiện tụng	62
Phân tích khả năng tự do sử dụng (FTO).....	63
Tránh lãng phí thời gian và nguồn lực.....	65
KHAI THÁC CƠ SỞ DỮ LIỆU VỀ SỞ HỮU TRÍ TUỆ	67
Cơ sở dữ liệu sáng chế	68
Sử dụng cơ sở dữ liệu và phân tích toàn cảnh sáng chế.....	69
Cơ sở dữ liệu nhãn hiệu và kiểu dáng công nghiệp	70
Quyền tác giả.....	70
Tên miền	71
KIỂM TOÁN SỞ HỮU TRÍ TUỆ	72
PHỤ LỤC 1: ĐƠN VỊ CUNG CẤP DỊCH VỤ HỖ TRỢ	77
Các tổ chức tăng tốc trung gian	78
Các cơ sở ươm tạo	79
Văn phòng quản lý công nghệ (TMOs)	79
Chính phủ, các tổ chức phi chính phủ và các chương trình hỗ trợ quốc tế.	79
PHỤ LỤC 2: CÁC NGUỒN	81

TỪ VIẾT TẮT

BOIP	Cơ quan Sở hữu trí tuệ Benelux
ccTLD	Tên miền cấp cao nhất mã quốc gia
EUIPO	Cơ quan Sở hữu trí tuệ Liên minh châu Âu
FFF	Bạn bè, gia đình và những kẻ ngốc (Friends, Family, and Fools)
FTO	Khả năng tự do sử dụng
gTLD	Tên miền cấp cao nhất dùng chung
ICANN	Tập đoàn Internet cấp số và tên miền
OAPI	Tổ chức Sở hữu trí tuệ châu Phi
PCT	Hiệp ước Hợp tác Sáng chế
R&D	Nghiên cứu và phát triển
TLD	Tên miền cấp cao nhất
TRL	Mức độ sẵn sàng về công nghệ
UDRP	Chính sách thống nhất giải quyết tranh chấp tên miền
WIPO	Tổ chức Sở hữu trí tuệ Thế giới

GIỚI THIỆU



Nội dung chính

Một ý tưởng hay là khởi nguồn của một doanh nghiệp thành công. Ý tưởng đó phải trải qua một hành trình dài và khó khăn từ phòng nghiên cứu cho đến khi trụ vững trên thị trường trong khi những ý tưởng khác dù hay nhưng lại bị trùng lặp, không thu hút hoặc đòi hỏi chi phí sản xuất cao hơn mức giá chung của thị trường. Trong suốt hành trình này, hệ thống sở hữu trí tuệ¹ đóng một vai trò rất quan trọng. Vì thế tài sản trí tuệ của một doanh nghiệp cần phải gắn liền và hỗ trợ đầy đủ cho chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp đó.

Hệ thống sở hữu trí tuệ cho phép nhà sáng tạo kiểm soát thành quả đổi mới sáng tạo của mình. Quyền sở hữu trí tuệ giúp bảo vệ chủ thể sáng tạo trước những hành vi sao chép và tạo ra sự khác biệt để củng cố vị thế của mình trên thị trường. Chiến lược quản trị tài sản trí tuệ hiệu quả đóng vai trò quan trọng trong bất kỳ giai đoạn phát triển nào của doanh nghiệp từ thành lập, mở rộng đến tìm kiếm nhà đầu tư, duy trì mối quan hệ với đối tác và tuyển dụng nhân sự. Tài sản trí tuệ đóng vai trò quan trọng đối với doanh nghiệp khởi nghiệp, ngay cả khi doanh nghiệp đó bị doanh nghiệp khác mua lại hoặc không may lâm vào tình trạng phá sản. Hệ thống sở hữu trí tuệ cũng lưu trữ một nguồn tri thức khổng lồ về kỹ thuật và kinh doanh có giá trị đối với các quyết định trong suốt vòng đời kinh doanh của doanh nghiệp. Các doanh nghiệp khởi nghiệp cũng

nên nhận thức rằng, bên cạnh việc tăng cường năng lực cạnh tranh, hệ thống sở hữu trí tuệ còn có thể giúp doanh nghiệp quản trị rủi ro. Doanh nghiệp khởi nghiệp không quan tâm đến vấn đề sở hữu trí tuệ có thể dẫn tới xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của doanh nghiệp khác, không thể sử dụng tên miền nếu tên miền đó đã bị bên khác chiếm giữ, hoặc có thể đánh mất những tài sản quan trọng do có doanh nghiệp khác đã nộp đơn yêu cầu bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ sớm hơn. Những sai lầm đó có thể dẫn doanh nghiệp đến nguy cơ phá sản.

Ấn phẩm này hướng dẫn các doanh nghiệp khởi nghiệp sử dụng hệ thống sở hữu trí tuệ để duy trì năng lực cạnh tranh và nhận biết được những rủi ro có thể phát sinh nếu bỏ qua vấn đề này. Trọng tâm của ấn phẩm xoay quanh các doanh nghiệp khởi nghiệp đang cung cấp các giải pháp đổi mới sáng tạo dựa trên nền tảng công nghệ, tuy nhiên, các nguyên tắc chung cũng hữu ích đối với những doanh nghiệp khởi nghiệp không dựa trên nền tảng công nghệ nhưng có ý tưởng tiếp thị mới, hướng đến một thị trường ngách, hay cung cấp những dịch vụ mang tính sáng tạo. Như vậy, dù nhiều hay ít, hệ thống sở hữu trí tuệ đều mang lại lợi ích cho tất cả các doanh nghiệp khởi nghiệp.

“Tài sản trí tuệ” là gì?

Hiểu theo nghĩa rộng, tài sản trí tuệ là những sản phẩm do trí tuệ con người sáng tạo ra, được công nhận quyền

tài sản theo quy định của pháp luật và thuộc sở hữu của chủ thể sáng tạo nếu thỏa mãn các điều kiện theo quy định của pháp luật. Những điều kiện này đã được các quốc gia trên thế giới chấp nhận rộng rãi thông qua các điều ước quốc tế mặc dù có sự khác nhau trong việc giải thích và áp dụng.

Sản phẩm do trí tuệ con người sáng tạo ra bao gồm những ý tưởng về sản phẩm mới, phương pháp mới, kiểu dáng hấp dẫn, dấu hiệu kinh doanh mang tính phân biệt, và những sản phẩm sáng tạo như bản nhạc, bài hát, bức tranh và tác phẩm điêu khắc. Về bản chất, chúng đều có tính vô hình bởi vì con người không thể chạm, cầm nắm hoặc nhìn thấy ý tưởng, mặc dù chúng ta có thể chạm, cầm nắm hay trải nghiệm cách thức thể hiện của chúng. Tính vô hình của những tài sản ấy tạo ra cho chúng những lợi thế cũng như bất lợi nhất định. Bởi vì ý tưởng là vô hình nên rất khó để ngăn chặn chủ thể khác chiếm đoạt và sao chép; tuy nhiên, nhiều người có thể cùng lúc khai thác mà không làm cạn kiệt hay suy giảm chất lượng của ý tưởng. Lấy ví dụ đối với một bản nhạc, rất khó để ngăn những người khác sao chép bản nhạc mà người soạn nhạc viết ra nhưng nhiều người có thể tận hưởng bản nhạc ấy cùng một lúc. Pháp luật về sở hữu trí tuệ giúp hữu hình hóa các ý tưởng bằng việc cho phép chủ thể sáng tạo sở hữu những ý tưởng sáng tạo và sản phẩm sáng tạo của chính họ, miễn là đáp ứng những điều kiện theo quy định pháp luật.

Khi một ý tưởng đạt đến mức độ là nền tảng cho một sản phẩm hoặc dịch vụ có tiềm năng thương mại hóa, cần sớm tìm cách xem xét đến việc sử dụng công cụ sở hữu trí tuệ để tạo điều kiện đưa ý tưởng đó ra thị trường. Một số công cụ sở hữu trí tuệ quan trọng được mô tả ngắn gọn dưới đây.

Bằng độc quyền sáng chế

Bằng độc quyền sáng chế là sự độc quyền được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp cho một sáng chế có tính mới, có trình độ sáng tạo và có khả năng áp dụng công nghiệp. Bằng độc quyền sáng chế mang lại cho chủ sở hữu sự độc quyền hợp pháp và ngăn cấm người khác sản xuất, sử dụng, chào bán, bán hoặc nhập khẩu một sản phẩm hoặc quy trình dựa trên sáng chế được bảo hộ.

Bằng độc quyền sáng chế được cơ quan sáng chế quốc gia hoặc cơ quan sáng chế khu vực đại diện cho một nhóm quốc gia cấp. Bằng độc quyền sáng chế có hiệu lực trong một khoảng thời gian nhất định, thường tối đa là 20 năm kể từ ngày nộp đơn, với điều kiện chủ sở hữu bằng độc quyền sáng chế nộp phí duy trì hiệu lực đúng hạn. Bằng độc quyền sáng chế chỉ có hiệu lực trong phạm vi địa lý của một quốc gia hoặc vùng lãnh thổ nhất định. Để được cấp bằng độc quyền sáng chế, người nộp đơn có nghĩa vụ cung cấp một bản mô tả sáng chế một cách chi tiết, chính xác và hoàn thiện². Những tài liệu liên quan đến sáng chế (đơn đăng ký

sáng chế và/hoặc bằng độc quyền sáng chế được cấp) được công bố bởi các cơ quan sáng chế trên toàn thế giới, tạo thành nguồn dữ liệu quan trọng về thông tin sáng chế. Do đó, cơ sở dữ liệu sáng chế công khai và cơ sở dữ liệu sáng chế có thu phí là nguồn thông tin kỹ thuật quan trọng và thường đầy đủ, bởi nhiều sáng chế có liên quan không được công bố trong tài liệu khoa học.

Bí mật kinh doanh

Bí mật kinh doanh là bất kỳ thông tin nào có giá trị thương mại đối với doanh nghiệp nếu nó được giữ bí mật. Nói chung, bất kỳ thông tin nào cũng có thể được coi là bí mật kinh doanh, từ bí quyết kỹ thuật và danh sách khách hàng cho tới thông tin tài chính và chiến lược tiếp thị,... Bí mật kinh doanh thường được mô tả như một tảng băng trôi mà sáng chế là phần nổi của tảng băng đó. Một doanh nghiệp khởi nghiệp có thể nắm giữ một kho thông tin bí mật khổng lồ, một trong số đó có khả năng được cấp bằng độc quyền sáng chế, trong khi nếu được giữ bí mật, tất cả chúng đều có khả năng được bảo hộ dưới dạng bí mật kinh doanh. Một doanh nghiệp khởi nghiệp có những lý do mang tính chiến lược để lựa chọn giữ thông tin bí mật mặc dù chúng đủ điều kiện để được cấp bằng độc quyền sáng chế, lý do là khi nộp đơn đăng ký sáng chế, doanh nghiệp phải công bố thông tin. Và thông tin khi đã được tiết lộ trong trường hợp nộp đơn đăng ký sáng chế hay vì lý do nào khác thì không còn được coi là bí mật kinh doanh nữa.

Quyền tác giả

Quyền tác giả trao cho các tác giả, nhà soạn nhạc, lập trình viên, nhà thiết kế trang web và các nhà sáng tạo khác sự bảo hộ pháp lý đối với các tác phẩm văn học, nghệ thuật cũng như các loại hình sáng tạo khác - thường được gọi chung là "tác phẩm". Quyền tác giả bảo hộ nhiều loại tác phẩm gốc bao gồm sách, báo, tạp chí, bản nhạc, tác phẩm hội họa, tác phẩm nhiếp ảnh, điêu khắc, kiến trúc, phim, chương trình máy tính, trò chơi video và cơ sở dữ liệu gốc. Tuy nhiên, quyền tác giả chỉ bảo hộ hình thức thể hiện của một ý tưởng chứ không không bảo hộ bản thân ý tưởng hay khái niệm đó. Đây là một đặc điểm quan trọng. Nếu ý tưởng được thể hiện dưới một hình thức mới thì chưa chắc đã xâm phạm quyền tác giả. Quyền tác giả trao cho tác giả hay chủ thể sáng tạo nhiều độc quyền đối với tác phẩm của mình trong một khoảng thời gian nhất định tùy thuộc vào pháp luật của mỗi quốc gia. Ở hầu hết các quốc gia, quyền tác giả kéo dài suốt cuộc đời tác giả và năm mươi năm tiếp theo năm tác giả chết; một số quốc gia, trong đó có Mỹ và châu Âu quy định thời hạn bảo hộ lâu hơn. Những quyền hợp pháp này giúp tác giả kiểm soát việc khai thác thương mại đối với tác phẩm của mình theo nhiều cách khác nhau và nhận tiền nhuận bút, thù lao. Bên cạnh đó, quyền tác giả cũng quy định "quyền nhân thân" nhằm bảo vệ danh tiếng của tác giả và sự toàn vẹn của tác phẩm. Về cơ bản,

tác giả không thể chuyển nhượng quyền nhân thân của mình cho người khác³.

Nhãn hiệu

Bất kỳ dấu hiệu nào (bao gồm từ ngữ, tên gọi, chữ số, hình vẽ, hình ảnh, đường nét, màu sắc, nhãn hàng hoặc sự kết hợp của các dấu hiệu kể trên) có khả năng phân biệt hàng hóa hoặc dịch vụ đều có thể coi là nhãn hiệu. Ở hầu hết các quốc gia, khẩu hiệu quảng cáo hay tiêu đề đều có thể trở thành nhãn hiệu. Sự bảo hộ pháp lý dành cho nhãn hiệu được xác lập thông qua thủ tục đăng ký, ở một số quốc gia thì thông qua quá trình sử dụng. Để đăng ký nhãn hiệu, bước đầu tiên cần làm là nộp đơn đăng ký theo quy định tại cơ quan nhãn hiệu quốc gia hoặc cơ quan nhãn hiệu khu vực, nơi sẽ tiến hành thẩm định đơn theo quy định để ban hành quyết định bảo hộ hoặc từ chối bảo hộ nhãn hiệu. Thời hạn bảo hộ có thể khác nhau giữa các quốc gia nhưng nhìn chung, các nhãn hiệu đã đăng ký thường được bảo hộ trong thời hạn 10 năm, đồng thời, có thể được gia hạn không hạn chế số lần, mỗi lần 10 năm với điều kiện chủ sở hữu nhãn hiệu nộp phí gia hạn đúng thời hạn quy định trước khi văn bằng bảo hộ hết hạn⁴.

Kiểu dáng công nghiệp

Thuật ngữ “kiểu dáng công nghiệp” dùng để chỉ các yếu tố thẩm mỹ hoặc trang trí của sản phẩm. Kiểu dáng công nghiệp của sản phẩm có thể được bảo

hộ nếu đáp ứng một số điều kiện nhất định. Phạm vi bảo hộ kiểu dáng công nghiệp không bao gồm các yếu tố mang tính kỹ thuật hoặc chức năng của sản phẩm. Để đăng ký bảo hộ kiểu dáng công nghiệp, cần nộp đơn tại cơ quan sở hữu trí tuệ quốc gia hoặc cơ quan sở hữu trí tuệ khu vực. Thời hạn bảo hộ kiểu dáng công nghiệp có sự khác nhau giữa các quốc gia nhưng thường kéo dài tối thiểu 10 năm⁵.

Các quyền sở hữu trí tuệ khác⁶

“Mẫu hữu ích” hay còn được biết đến như “sáng chế ngắn hạn”, “sáng chế nhỏ” hoặc “sáng chế đổi mới” cũng là một đối tượng sở hữu trí tuệ. Ở nhiều quốc gia, sáng chế dựa trên sự cải tiến nhỏ từ sản phẩm gốc có khả năng được bảo hộ dưới dạng bằng độc quyền mẫu hữu ích. Ở Việt Nam, tương ứng với đối tượng này là sáng chế được cấp Bằng độc quyền giải pháp hữu ích.

“Giống cây trồng” là một đối tượng sở hữu trí tuệ. Ở nhiều quốc gia, các tổ chức, cá nhân chọn tạo hoặc phát hiện, phát triển giống cây trồng mới được bảo hộ bởi “quyền đối với giống cây trồng”.

“Thiết kế bố trí mạch tích hợp” cũng là một đối tượng sở hữu trí tuệ. Thiết kế bố trí mạch tích hợp nguyên gốc có thể được bảo hộ để ngăn chặn các hành vi sao chép của chủ thể khác.

Mặc dù sở hữu trí tuệ được phân chia thành các quyền riêng biệt, trên thực tế, chúng được kết hợp sử dụng cùng lúc

để bảo vệ và tiếp thị sản phẩm. Một ví dụ cụ thể là sản phẩm điện thoại thông minh. Bằng độc quyền sáng chế bảo hộ các chức năng của sản phẩm, từ công nghệ xử lý đến công nghệ chụp ảnh; nhãn hiệu bảo hộ biểu tượng và nhận diện thương hiệu của sản phẩm; kiểu dáng công nghiệp bảo hộ hình dáng và bề ngoài tổng thể của nó; bản quyền bảo vệ mã nguồn của phần mềm mà thiết bị sử dụng; và bí mật kinh doanh bảo vệ các chiến lược tiếp thị được triển khai để thương mại hóa thiết bị trên toàn cầu.

Doanh nghiệp khởi nghiệp tạo ra tài sản trí tuệ và doanh nghiệp khởi nghiệp sử dụng tài sản trí tuệ

Trong phạm vi của ấn phẩm này, cần phân biệt giữa doanh nghiệp khởi nghiệp tạo ra tài sản trí tuệ với doanh nghiệp khởi nghiệp sử dụng tài sản trí tuệ. “Doanh nghiệp khởi nghiệp sử dụng tài sản trí tuệ” là doanh nghiệp có ý tưởng kinh doanh cần áp dụng công nghệ để tồn tại. Trong khi đó, “doanh nghiệp khởi nghiệp tạo ra tài sản trí tuệ” lại sở hữu một tài sản trí tuệ cốt lõi và cần một ý tưởng kinh doanh để phát triển.

Doanh nghiệp khởi nghiệp sử dụng tài sản trí tuệ thường rất ít hoặc không thực hiện hoạt động nghiên cứu và phát triển, rất ít hoặc không tạo ra các nội dung và phần mềm thuộc sở hữu độc quyền. Đây thường là các doanh nghiệp khởi nghiệp trên Internet, doanh nghiệp phát triển ứng dụng hoặc các nền tảng giao dịch

trực tuyến, ví dụ như Airbnb hoặc Uber. Ngược lại, doanh nghiệp khởi nghiệp tạo ra tài sản trí tuệ lại phát triển ý tưởng kinh doanh dựa trên một giải pháp kỹ thuật đang được bảo hộ. Ví dụ điển hình là một công nghệ ở giai đoạn đầu, đã được cấp bằng độc quyền sáng chế, do doanh nghiệp khởi nghiệp tự phát triển hoặc nhận chuyển giao quyền sử dụng từ các trường đại học hoặc viện nghiên cứu.

Tuy nhiên trong thực tế, các doanh nghiệp khởi nghiệp không được phân loại một cách rõ ràng như vậy. Hầu hết các doanh nghiệp này đều vận hành liên tục, lặp đi lặp lại chu trình tạo ra và sử dụng tài sản trí tuệ. Để bắt đầu triển khai ý tưởng kinh doanh, doanh nghiệp sử dụng tài sản trí tuệ thường nhận chuyển giao quyền sử dụng hoặc mua lại công nghệ đang được bảo hộ của bên thứ ba. Doanh nghiệp cũng có thể ký hợp đồng với bên thứ ba để phát triển các giải pháp cho mô hình kinh doanh của riêng họ. Sau khi đạt được tiềm lực ban đầu, các doanh nghiệp khởi nghiệp sẽ bắt đầu nghiêm túc phát triển các giải pháp của mình và đăng ký quyền sở hữu trí tuệ cho chúng. Những đối tượng sở hữu trí tuệ này có thể là nhãn hiệu, thuật toán và bản quyền đối với giao diện người dùng,... Trong quá trình phát triển, doanh nghiệp có thể tạo ra các tài sản trí tuệ mới dựa trên cải tiến phần mềm hiện có, phát triển phần mềm mới của riêng mình hoặc thêm các tính năng mới. Theo thời gian, doanh nghiệp sẽ tích lũy được bí mật kinh doanh. Trên thực tế, các doanh nghiệp khởi nghiệp

NHỮNG Ý TƯỞNG TÁO BẠO

Cẩm nang về sở hữu trí tuệ dành cho doanh nghiệp khởi nghiệp

sử dụng tài sản trí tuệ thành công nhất như Airbnb, Uber và Alibaba đang tạo ra ngày càng nhiều tài sản trí tuệ và bắt đầu mua lại tài sản trí tuệ của các bên khác, đồng thời mở rộng danh mục bằng độc quyền sáng chế của họ để duy trì và tăng cường vị thế cạnh tranh.

Đối với các doanh nghiệp khởi nghiệp được đầu tư tài chính phù hợp để tạo ra tài sản trí tuệ, sau khi được thành lập, họ thường sẽ tiếp tục đầu tư vào nghiên cứu phát triển và tạo ra các tài sản trí tuệ mới.

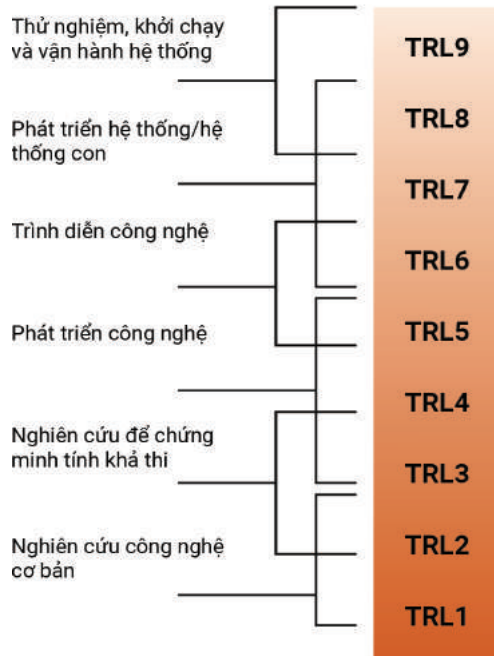
Hiểu rõ mức độ sẵn sàng về công nghệ (TRL)

TRL là công cụ đánh giá một công nghệ hoặc sản phẩm đã sẵn sàng cho thương mại hóa hay chưa (xem Hình 1). Công cụ này đầu tiên do Cơ quan Hàng không và Vũ trụ quốc gia (NASA) Hoa Kỳ tiến hành nghiên cứu để đánh giá độ chín muồi của các công nghệ vũ trụ. Tiêu chuẩn TRL hiện được sử dụng rộng rãi trong các lĩnh vực khác nhau, mặc dù có một số chuyên gia cho rằng công cụ này không thích hợp để áp dụng cho tất cả các loại công nghệ. Ủy ban châu Âu và khu vực công của Vương quốc Anh cùng với nhiều tổ chức khác đã điều chỉnh mô hình TRL này. Theo đó, mỗi công nghệ đều được đánh giá dựa trên một số thông số nhất định và sau đó được gán chỉ số xếp hạng TRL tương ứng. Chỉ số TRL bao gồm các cấp độ từ 1 đến 9 ứng với mức độ sẵn sàng tăng dần⁷.

Việc áp dụng chỉ số TRL cho công nghệ

hoặc sản phẩm giúp doanh nghiệp định vị bản thân trong chuỗi đổi mới sáng tạo. Một sản phẩm với chỉ số TRL thấp cần được cải tiến đáng kể trước khi sẵn sàng đưa ra thị trường. Từ đó, chủ doanh nghiệp có thêm yếu tố để cân nhắc khi phân bổ các khoản đầu tư cho kế hoạch phát triển trong tương lai. Tuy nhiên, cũng cần lưu ý rằng TRL chỉ là một chỉ số. Nó có thể giúp doanh nghiệp tiếp cận các nguồn vốn và hỗ trợ quá trình đưa ra quyết định nhưng thời gian cần thiết để đưa sản phẩm ra thị trường thành công còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác.

Hình 1. Mức độ sẵn sàng về công nghệ (TRL)



Nguồn: Cơ quan Hàng không và Vũ trụ quốc gia Hoa Kỳ

Ví dụ 1: Công ty TNHH Giải pháp Năng lượng Toàn Diện

Người sáng lập: TS. Đỗ Ngọc Chung
web: <https://toandien.com.vn/>



Công ty TNHH Giải pháp Năng lượng Toàn Diện (Doanh nghiệp Khoa học công nghệ số 39/DNKHCN) chuyên nghiên cứu, thiết kế các sản phẩm mới có ứng dụng thực tế. Tầm nhìn của Công ty là trở thành một trong những trung tâm nghiên cứu ứng

dụng giá trị lớn nhất tại Việt Nam và là một địa chỉ tin cậy để đánh giá, nuôi dưỡng, phát huy, biến các ý tưởng của các bạn trẻ thành sản phẩm có ứng dụng thực tế. Các sản phẩm của Công ty được người tiêu dùng chủ yếu là các bà nội trợ ưa chuộng bởi sự ưu việt, tiện dụng và đặc biệt là thân thiện với môi trường.

Quá trình phát triển từ sản phẩm đầu tiên đến các sản phẩm được cải tiến, sản phẩm mới

- Năm 2015: Sản phẩm Thiết bị làm rau giá sạch đa năng GV-102 đầu tiên của Công ty ra đời, được phát triển trên giải pháp kỹ thuật do TS. Đỗ Ngọc Chung là tác giả. Sản phẩm là kết quả của các Bằng độc quyền giải pháp hữu ích số 1577 cấp cho Thiết bị làm giá đỡ và Bằng độc quyền giải pháp hữu ích số 1423 cấp cho cơ cấu nén áp dụng cho dụng cụ làm giá đỡ và dụng cụ làm giá đỡ sử dụng cơ cấu nén này. Thiết bị làm rau giá sạch đa năng GV - 102 là bộ công cụ làm rau giá sạch tại nhà, với thiết kế, cấu trúc đơn giản, giúp khách hàng có thể tự làm rau giá sạch tại nhà, không cần sử dụng thuốc kích thích. GV-102 với cấu trúc thông minh, tối ưu, phù hợp với quá trình sinh trưởng và phát triển của cây rau giá, giúp rau giá tổng hợp được đầy đủ chất dinh dưỡng, hàm lượng glucose, các vitamin, khoáng chất cao.

- Năm 2017: Thiết bị làm rau mầm Happy là sản phẩm tiếp theo ra đời. Sản phẩm là kết quả của Bằng độc quyền giải pháp hữu ích số 2537 "Dụng cụ trồng rau mầm". Happy

là dụng cụ trồng rau mầm sử dụng cho gia đình, không cần dùng giá thể, không cần sử dụng điện. Thiết bị sử dụng công nghệ tưới nhỏ giọt, với thiết kế, cấu trúc, kích thước phù hợp, mỗi ngày chỉ cần bổ sung vào bình nước dự trữ 1-2 lần là có thể sử dụng được.

- Năm 2017: Tăm nguyên sinh TD ra đời. Sản phẩm là kết quả của Bằng độc quyền giải pháp hữu ích số 2190 cấp cho sản phẩm "Tăm xia răng". Tăm nguyên sinh là sản phẩm tăm xia răng với thành phần chính là nhựa nguyên sinh, không có hóa chất độc hại, với cấu trúc phù hợp, không gây xước lợi, chảy máu chân răng. Qua khảo sát, sản phẩm này được trên 95% người được sử dụng yêu thích và sử dụng lại.

- Năm 2017: Phễu thoát nước chống tràn TD ra đời. Sản phẩm là phễu thoát (thu nước) nhưng có khả năng chống tràn ngược, chống mùi hiệu quả. Sản phẩm này được sử dụng nhiều trong các gia đình trong khu vực có địa hình thấp, hay ngập lụt do mưa, những gia đình trong khu vực có triều cường.

- Năm 2019: Sản phẩm làm rau giá được nâng cấp, phát triển thành Thiết bị sản xuất giá đỗ công nghiệp. Thiết bị tự động hoàn toàn, với quy mô sản lượng công nghiệp, sử dụng cho các bếp ăn tập thể, công ty kinh doanh thực phẩm sạch, doanh trại quân đội, các hộ sản xuất rau sạch. Năm 2020, Công ty cũng đã nộp đơn xin đăng ký bảo hộ cho sự cải tiến này.

- Từ năm 2017-2021, Toàn Diện còn nghiên

cứu một số giải pháp liên quan đến lĩnh vực phòng cháy chữa cháy, than hoạt tính,... Hiện đã có bằng độc quyền, đang chuẩn bị phát triển, thương mại hóa.

Nhận thức về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ

Việc đăng ký bảo hộ các quyền sở hữu trí tuệ là rất cần thiết, Toàn Diện luôn nhận thức được điều này và triển khai kịp thời bởi sở hữu trí tuệ là công cụ hữu hiệu để bảo hộ thành quả sáng tạo, đồng thời, cũng giúp sản phẩm có được thương hiệu uy tín trên thị trường.

Toàn Diện nhận thức rất rõ về vai trò của sở hữu trí tuệ đối với các ý tưởng sáng tạo cũng như quá trình thương mại hóa các kết quả nghiên cứu. Hiện tại, Toàn diện đang có 10 tài sản trí tuệ được bảo hộ dưới dạng Bằng độc quyền giải pháp hữu ích hoặc Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp. Với việc trang bị đầy đủ các kiến thức về quyền sở hữu trí tuệ, Toàn Diện đã thành công trong công tác bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ của mình, giữ vững uy tín của công ty với nhờ việc luôn coi trọng sự an toàn cho người dùng.

Mô hình kinh doanh với Kế hoạch kinh doanh

Một doanh nghiệp thành công khi sản phẩm hoặc dịch vụ của doanh nghiệp đó được khách hàng đánh giá cao. Trong mô hình kinh doanh của mình, doanh nghiệp khởi nghiệp cần có những tiêu chí

để xác định, tạo ra và lan tỏa giá trị, kế hoạch doanh thu dự kiến, phân tích đối thủ cạnh tranh và thị trường mục tiêu⁸... Mặt khác, cần xem xét các yếu tố liên quan đến vận hành và tài chính. Khi đó, kế hoạch kinh doanh có chức năng mô tả chi tiết quá trình thực hiện mô hình kinh doanh trên thực tế. Vì kế hoạch kinh doanh là một tài liệu chiến lược tối quan trọng góp phần định hình tương lai doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp cần cẩn trọng đưa ra kế hoạch kinh doanh toàn diện. Tuy nhiên, hầu hết các doanh nghiệp ở giai đoạn đầu phát triển không có đủ dữ liệu để dự đoán chính xác những yếu tố quan trọng cần có trong kế hoạch kinh doanh của mình.

Do đó, doanh nghiệp khởi nghiệp ở giai đoạn đầu nên áp dụng những mô hình kinh doanh linh hoạt, tập trung tìm ra những giá trị cốt lõi mà doanh nghiệp cần kiểm định ở giai đoạn sau khi thành lập. Sau khi đã kiểm định những giá trị cốt lõi của mô hình kinh doanh và thu thập đầy đủ thông tin, dữ liệu về thị trường để đưa ra quyết định, chủ doanh nghiệp cần đầu tư thời gian để xây dựng kế hoạch kinh doanh hoàn chỉnh.

Kế hoạch kinh doanh cần trình bày rõ vai trò của sở hữu trí tuệ trong quá trình hiện thực hóa mô hình kinh doanh cũng như việc tích hợp chiến lược sở hữu trí tuệ vào kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp.

Ghi chú

1. Thuật ngữ “hệ thống sở hữu trí tuệ” dùng để chỉ: quyền sở hữu trí tuệ; quy trình cấp văn bằng bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ; các hệ thống quốc gia, khu vực và quốc tế có chức năng xử lý và cấp văn bằng bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ; và cơ sở dữ liệu sở hữu trí tuệ.
2. Xem WIPO (2018). *Inventing the Future: An Introduction to Patents for Small and Medium sized Enterprises*. Intellectual Property for Business Series, số 3. https://www.wipo.int/edocs/pubdocs/en/wipo_pub_917_1.pdf.
3. Xem WIPO (2006). *Creative Expression - An Introduction to Copyright and Related Rights for Small and Medium-sized Enterprises*. Intellectual Property for Business Series, số 4. https://www.wipo.int/edocs/pubdocs/en/sme/918/wipo_pub_918.pdf.
4. Xem WIPO (2017). *Making a Mark-An Introduction to Trademarks and Brands for Small and Medium-sized Enterprises*. Intellectual Property for Business Series, số 1. https://www.wipo.int/edocs/pubdocs/en/wipo_pub_900_1.pdf.
5. Xem WIPO (2019). *Looking Good-An Introduction to Designs for Small and Medium-sized Enterprises*. Intellectual Property for Business Series, số 2. https://www.wipo.int/edocs/pubdocs/en/wipo_pub_498_1.pdf.
6. Xem WIPO (2018). *Inventing the Future*, trang 12. https://www.wipo.int/edocs/pubdocs/en/wipo_pub_917_1.pdf
7. Xem https://www.nasa.gov/directorates/heo/scan/engineering/technology/technology_readiness_level
8. Có thể sử dụng mô hình Canvas để trình bày ý tưởng kinh doanh. Mô hình này bao gồm tất cả yếu tố cần thiết để xác định tuyên bố giá trị của sản phẩm hoặc của doanh nghiệp. Ví dụ, xem <https://www.strategyzer.com/canvas/business-model-canvas>.

BẢO VỆ THÀNH QUẢ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO



Sản phẩm hoặc quy trình sáng tạo do một doanh nghiệp khởi nghiệp tạo ra có thể mới trên thị trường, có thể giúp cải thiện hiệu quả của một sản phẩm hoặc dịch vụ sẵn có hoặc giảm thời gian hoặc chi phí sản xuất. Trong tất cả các trường hợp này, doanh nghiệp khởi nghiệp cần xây dựng một chiến lược sở hữu trí tuệ phù hợp và hỗ trợ kế hoạch kinh doanh của mình sớm nhất có thể. Một doanh nghiệp khởi nghiệp với danh mục tài sản trí tuệ hợp lý có thể bảo vệ lợi thế cạnh tranh, trì hoãn sự tham gia của đối thủ và tạo lập vị thế của mình trên thị trường.

Bảo hộ độc quyền sáng chế

Sau khi phát triển một giải pháp kỹ thuật nhằm giải quyết một vấn đề, doanh nghiệp khởi nghiệp nên cân nhắc đăng ký bảo hộ độc quyền sáng chế cho giải pháp đó. Điều kiện để được cấp bằng độc quyền sáng chế là giải pháp kỹ thuật phải có tính mới, có trình độ sáng tạo và có khả năng áp dụng công nghiệp. Nếu có chủ thể khác đã nộp đơn đăng ký sáng chế cho giải pháp trùng hoặc tương tự thì ý tưởng hoặc sản phẩm của doanh nghiệp sẽ không được coi là có tính mới và không có khả năng được bảo hộ. Vì vậy, việc tra cứu cơ sở dữ liệu sáng chế để kiểm tra sự tồn tại của các giải pháp tương tự là rất quan trọng.

Ngoài ra, chính hành động của các doanh nghiệp khởi nghiệp có thể đánh mất khả năng được cấp bằng độc quyền sáng chế của mình. Sáng chế nếu bị bộc lộ công khai trước khi nộp đơn sẽ có thể bị

mất tính mới và sáng chế được nộp đơn đăng ký khi đó sẽ không đáp ứng được điều kiện bảo hộ về tính mới. Trường hợp sáng chế vô tình bị bộc lộ công khai có thể xảy ra tại các cuộc triển lãm thương mại, trong bài báo trên tạp chí thương mại, hoặc trong bất kỳ cuộc thảo luận công khai nào với bên thứ ba. Vì thế, doanh nghiệp cần đặc biệt lưu ý giữ bí mật các sáng chế của mình trước khi nộp đơn đăng ký. Trong trường hợp cần bộc lộ thông tin, ví dụ như khi hợp tác với nhà cung cấp và khách hàng tiềm năng, cần có thỏa thuận bảo mật.

Doanh nghiệp khởi nghiệp nên cân nhắc nộp đơn đăng ký sáng chế sớm nhất có thể. Thời điểm nộp đơn là ngay khi doanh nghiệp nhận ra khả năng mình có một giải pháp kỹ thuật cho một vấn đề kỹ thuật hay nói cách khác là khi doanh nghiệp tạo ra một sáng chế và có đủ dữ liệu để chứng minh sáng chế đó có hiệu quả. Để đảm bảo tất cả chức năng và yếu tố đổi mới sáng tạo của sản phẩm đều được bảo vệ, có thể cần nộp nhiều đơn đăng ký sáng chế khác nhau cho một sản phẩm.

Một số doanh nghiệp khởi nghiệp có xu hướng chờ sản phẩm cuối cùng được hoàn thiện rồi mới nộp đơn đăng ký sáng chế. Đây là một chiến lược mang tính rủi ro cao. Các doanh nghiệp khởi nghiệp không có nghĩa vụ đưa sản phẩm ra thị trường trước khi yêu cầu bảo hộ cho sản phẩm đó. Ngược lại, chờ đợi cho đến giai đoạn cuối cùng của quá trình thương mại hóa có thể làm mất đi

những lựa chọn bảo hộ quan trọng. Các đối thủ cạnh tranh hoặc các bên thứ ba cũng có thể đang trong quá trình phát triển những giải pháp kỹ thuật trùng hoặc tương tự.

Cần đảm bảo đơn đăng ký sáng chế được soạn thảo chính xác và các điểm yêu cầu bảo hộ (phần xác định phạm vi bảo hộ) bao gồm đầy đủ các yếu tố quan trọng của sáng chế. Khi chuẩn bị hồ sơ đăng ký, doanh nghiệp khởi nghiệp nên xem xét về việc tự áp dụng công nghệ đó như thế nào và các đối thủ cạnh tranh có thể sử dụng nó như thế nào. Khi nộp đơn, doanh nghiệp khởi nghiệp cũng nên cân nhắc những cách khác nhau để áp dụng hoặc khai thác sáng chế. Việc bộc lộ rộng trong đơn đăng ký sáng chế có thể tạo cơ hội cải tiến khi thị trường phát triển. Trong khi đơn đăng ký sáng chế đang được xử lý, doanh nghiệp có thể điều chỉnh sản phẩm hoặc đăng ký bảo hộ thêm những đối tượng sở hữu trí tuệ mới dựa trên những thông tin đã bộc lộ ban đầu. Tuy nhiên, cần cân bằng giữa phạm vi thông tin được bộc lộ trong lần nộp đơn đầu tiên với thông tin được giữ bí mật. Hai hướng tiếp cận này đều mang lại lợi ích thương mại.

Để một sáng chế được cấp văn bằng bảo hộ ở Việt Nam, đơn đăng ký sáng chế phải được nộp tại Cục Sở hữu trí tuệ Việt Nam. Ngoài ra, để giải quyết các vấn đề kỹ thuật và xây dựng chiến lược sở hữu trí tuệ hiệu quả, doanh nghiệp khởi nghiệp nên tham vấn đại diện sở hữu công nghiệp trong quá trình chuẩn bị và

theo đuổi đơn đăng ký sáng chế đến khi văn bằng được cấp.

Đơn đăng ký sáng chế bao gồm một số thành phần quan trọng sau: mô tả sáng chế, mô tả văn tắt hình vẽ và tóm tắt sáng chế. Tuy nhiên, phạm vi bảo hộ được xác định trong phần yêu cầu bảo hộ. Dưới đây là quy trình xử lý đơn đăng ký sáng chế tại Việt Nam:

Sau khi tiếp nhận đơn đăng ký, Cục Sở hữu trí tuệ sẽ tiến hành các bước thẩm định đơn trước khi cấp hoặc từ chối cấp bằng độc quyền sáng chế theo quy trình sau:

1. Thẩm định hình thức

Cục Sở hữu trí tuệ tiến hành thẩm định hình thức để ra quyết định từ chối hay chấp nhận đơn hợp lệ. Thời hạn thẩm định hình thức là một tháng kể từ ngày nộp đơn.

Trong trường hợp đơn không hợp lệ, Cục Sở hữu trí tuệ ra thông báo dự định từ chối chấp nhận đơn trong đó nêu rõ các lý do, thiếu sót khiến cho đơn có thể bị từ chối chấp nhận và ấn định thời hạn hai tháng để người nộp đơn có ý kiến hoặc sửa chữa thiếu sót. Nếu người nộp đơn không sửa chữa thiếu sót hoặc sửa chữa thiếu sót không đạt yêu cầu hoặc không có ý kiến phản đối hoặc ý kiến phản đối không xác đáng thì Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định từ chối chấp nhận đơn.

Trong trường hợp đơn hợp lệ, Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định chấp nhận đơn

hợp lệ.

2. Công bố đơn

Tất cả đơn hợp lệ được Cục Sở hữu trí tuệ Việt Nam công bố trên Công báo sở hữu công nghiệp và công khai để bất kỳ bên thứ ba hoặc bên có quyền lợi liên quan có thể biết tới nội dung của đơn đăng ký sáng chế đó.

Đơn đăng ký sáng chế được công bố vào tháng thứ 19 kể từ ngày ưu tiên hoặc ngày nộp đơn nếu đơn không có ngày ưu tiên hoặc trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày chấp nhận đơn hợp lệ, tùy theo ngày nào muộn hơn; đơn đăng ký theo Hiệp ước Hợp tác Sáng chế (PCT) được công bố trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày chấp nhận đơn hợp lệ sau khi đơn đã vào giai đoạn quốc gia. Đơn đăng ký sáng chế có yêu cầu công bố sớm được công bố trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày Cục Sở hữu trí tuệ nhận được yêu cầu công bố sớm hoặc kể từ ngày chấp nhận đơn hợp lệ, tùy theo ngày nào muộn hơn.

3. Thẩm định nội dung

Trong thời hạn 42 tháng (đối với đơn yêu cầu cấp Bằng độc quyền sáng chế) hoặc 36 tháng (đối với đơn yêu cầu cấp Bằng độc quyền giải pháp hữu ích) kể từ ngày nộp đơn hoặc kể từ ngày ưu tiên trong trường hợp đơn được hưởng quyền ưu tiên, người nộp đơn đăng ký sáng chế hoặc bất kỳ người thứ ba nào đều có thể yêu cầu Cục Sở hữu trí tuệ thẩm định nội dung đơn với điều kiện phải nộp phí thẩm định nội dung đơn. Trường hợp

không có yêu cầu thẩm định nội dung nộp trong thời hạn quy định, đơn đăng ký sáng chế được coi như đã rút tại thời điểm kết thúc thời hạn đó.

Cục Sở hữu trí tuệ sẽ tiến hành thẩm định nội dung nếu có yêu cầu thẩm định nội dung. Thời hạn thẩm định nội dung không quá mười tám tháng, kể từ ngày công bố đơn nếu yêu cầu thẩm định nội dung được nộp trước ngày công bố đơn hoặc kể từ ngày nhận được yêu cầu thẩm định nội dung nếu yêu cầu đó được nộp sau ngày công bố đơn.

Mục đích của thẩm định nội dung là đánh giá khả năng được bảo hộ của đối tượng nêu trong đơn theo các điều kiện bảo hộ (tính mới, trình độ sáng tạo, khả năng áp dụng công nghiệp), qua đó xác định phạm vi bảo hộ tương ứng.

Sau khi hoàn thành thẩm định nội dung, Cục Sở hữu trí tuệ sẽ thông báo tới người nộp đơn hoặc đại diện của người nộp đơn về dự định cấp văn bằng hoặc dự định từ chối cấp văn bằng trong đó nêu rõ các lý do. Trong trường hợp nhận được Thông báo dự định từ chối cấp văn bằng, người nộp đơn hoặc đại diện của người nộp đơn trong vòng hai tháng có thể có ý kiến phản đối, bổ sung thêm các tài liệu, hoặc chỉnh sửa đơn đăng ký.

4. Cấp văn bằng bảo hộ và công bố

Nếu đối tượng nêu trong đơn đáp ứng được các yêu cầu về bảo hộ, và người nộp đơn nộp phí, lệ phí đầy đủ, đúng hạn thì Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định cấp văn bằng bảo hộ, ghi nhận vào Sổ đăng

NHỮNG Ý TƯỞNG TÁO BẠO

Cấm nang về sở hữu trí tuệ dành cho doanh nghiệp khởi nghiệp

ký quốc gia về sáng chế và công bố trên Công báo Sở hữu công nghiệp.

5. Khiếu nại

Người nộp đơn và mọi tổ chức, cá nhân có quyền, lợi ích liên quan trực tiếp đến quyết định hoặc thông báo liên quan đến việc xử lý đơn đăng ký sáng chế do Cục Sở hữu trí tuệ ban hành có quyền khiếu nại với Cục Sở hữu trí tuệ hoặc khởi kiện ra toà án theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ và pháp luật có liên quan.

6. Chấm dứt hiệu lực văn bằng bảo hộ

Bằng độc quyền sáng chế/Bằng độc quyền giải pháp hữu ích bị chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau đây:

- Chủ văn bằng bảo hộ không nộp lệ phí duy trì hiệu lực theo quy định;
- Chủ văn bằng bảo hộ tuyên bố từ bỏ quyền sở hữu công nghiệp;
- Chủ văn bằng bảo hộ không còn tồn tại mà không có người kế thừa hợp pháp.

7. Hủy bỏ hiệu lực văn bằng bảo hộ

- Văn bằng bảo hộ bị hủy bỏ toàn bộ hiệu lực trong các trường hợp sau đây:
 - + Người nộp đơn đăng ký không có quyền đăng ký và không được chuyển nhượng quyền đăng ký đối với sáng chế;
 - + Sáng chế không đáp ứng các điều kiện bảo hộ tại thời điểm cấp văn bằng bảo hộ.
- Văn bằng bảo hộ bị hủy bỏ một phần hiệu lực trong trường hợp phần đó

không đáp ứng điều kiện bảo hộ.

Ví dụ 2: Công ty Cổ phần Công nghệ Mới Nhật Hải (OIC)

Người sáng lập: TS. Lưu Hải Minh

web: <https://oicnanocurcumin.vn/>

Tài sản trí tuệ cốt lõi:

Tính đến tháng 12/2021, OIC đang có 90 nghiên cứu về lĩnh vực công nghệ nano, trong đó 50 đơn đăng ký các đối tượng sở hữu công nghiệp đã được nộp tại Cục Sở hữu trí tuệ Việt Nam, trong đó đã được cấp 11 văn bằng bảo hộ, bao gồm 2 bằng độc quyền sáng chế và 9 bằng độc quyền giải pháp hữu ích. OIC đã nộp 3 đơn đăng ký bảo hộ độc quyền sáng chế tại Hoa Kỳ và hiện đang trong giai đoạn thẩm định.



Sản phẩm

Công ty Cổ phần Công nghệ Mới Nhật Hải được thành lập từ năm 2009, tập trung nghiên cứu, sản xuất và thương mại hóa các sản phẩm từ công nghệ nano trong lĩnh vực y dược. Vào thời điểm năm 2011



khi Công ty bắt đầu định hướng rõ nét về công nghệ nano, trên thị trường đã có những sản phẩm chứa nano than hoạt tính lọc nước hay các loại nano bạc, đồng, sắt... sử dụng trong lĩnh vực nông nghiệp nhưng còn rất ít sản phẩm từ công nghệ nano trong lĩnh vực y dược.

Sau khi nghiên cứu kỹ thị trường và tình hình công nghệ, đội ngũ R&D của OIC đã nghiên cứu thành công hạt curcumin kích thước từ 20-50 nano mét. OIC đã làm nên điều khác biệt là chế tạo hạt nano curcumin tồn tại ở dạng dung dịch vi nhũ tương (hàm lượng curcumin trên 10%) thay vì dạng bột như nhiều sản phẩm đã có trên thị trường. Ngay sau khi nghiên cứu thành công hạt nano curcumin, Công ty đã nộp đơn đăng ký sáng chế và đã được Cục Sở hữu trí tuệ cấp bằng độc quyền sáng chế cho công nghệ lõi là Quy trình điều chế hệ vi nhũ tương Nano Curcumin, bằng độc quyền sáng chế số 16095 được cấp ngày 13/10/2016. Tiếp theo đó, mỗi nghiên cứu với hoạt chất mới hoàn thành OIC đều cân nhắc lựa chọn thời điểm phù hợp để tiến hành đăng ký xác lập quyền sở hữu trí tuệ. Đồng thời, khi mở rộng thị trường ra nước ngoài, Công ty cũng quan tâm đến

việc nộp đơn đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ở quốc gia đó, cụ thể là đã nộp 3 đơn đăng ký sáng chế tại Mỹ.

Ngay sau khi sở hữu bằng độc quyền sáng chế đầu tiên vào năm 2016, OIC tập trung vào thương mại hóa sản phẩm Nano Cucumin. Hệ thống của OIC bao gồm 20 nhà phân phối lớn, có mặt tại 50 tỉnh thành và các bệnh viện lớn trên cả nước. Trên thị trường quốc tế, OIC đã có mặt trên sàn thương mại điện tử Amazon.

Bên cạnh đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, chiến lược chia sẻ thông tin về công nghệ và sáng chế cũng giúp OIC nâng cao lợi thế cạnh tranh, xây dựng và duy trì mối quan hệ với các đối tác trong và ngoài nước. Một số công ty lớn về các hoạt chất thiên nhiên và những chuyên gia nano thường xuyên liên lạc, định kỳ gửi thông tin về công nghệ mới và đề xuất hợp tác để nghiên cứu hoặc phát triển một sản phẩm hoạt chất nano mới. OIC cũng hợp tác với nhiều viện/trường ở trong nước để thực hiện những dự án nghiên cứu ở quy mô lớn. Không chỉ dự định dùng ở mảng công nghệ nano trong lĩnh vực y dược, OIC đang nuôi ý tưởng mở rộng sang các lĩnh vực khác kết hợp giữa công nghệ nano với những công nghệ 4.0 như AI, IoT...

Bên cạnh đó, vấn đề đồng sở hữu cũng là một vấn đề đáng lưu tâm khi nộp đơn đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ. Trong trường hợp đồng sở hữu, các bên thường ngầm hiểu rằng sẽ phân chia đều

quyền sở hữu trí tuệ. Tuy nhiên trên thực tế, quyền đồng sở hữu cho phép mỗi bên đều có quyền đầy đủ đối với tài sản trí tuệ đó¹. Cùng nộp đơn là giải pháp công bằng nhất khi các bên không thể thống nhất ai là chủ sở hữu của tài sản trí tuệ. Trong thực tiễn, quản lý và khai thác tài sản trí tuệ đồng sở hữu là một công việc rất khó khăn, đặc biệt trong trường hợp bằng độc quyền sáng chế, khi quyền của mỗi bên cần được mô tả trong một thỏa thuận riêng về đồng sở hữu. Thiếu thỏa thuận rõ ràng về đồng sở hữu có thể dẫn đến xung đột về lợi ích và vi phạm hợp đồng. Vì thế, nên tham khảo ý kiến của luật sư sở hữu trí tuệ có kinh nghiệm trước khi nộp đơn đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo hình thức đồng sở hữu.

Đảm bảo bí mật kinh doanh của bạn được bảo vệ

Những thông tin bí mật, bao gồm chiến lược thị trường, phương pháp sản xuất và danh sách khách hàng dường như là những tài sản giá trị nhất của doanh nghiệp khởi nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp ở giai đoạn đầu. Do đó, bảo vệ những tài sản này dưới dạng bí mật kinh doanh theo quy định tại Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam và các văn bản khác có liên quan là một yếu tố quan trọng tạo nên thành công của doanh nghiệp. Doanh nghiệp khởi nghiệp cần có chiến lược nhận diện và bảo vệ bí mật kinh doanh của mình sớm

nhất có thể.

Bí mật kinh doanh không yêu cầu phải thực hiện đăng ký để có được sự bảo hộ. Tuy nhiên, để đáp ứng điều kiện bảo hộ, cần có một số biện pháp bảo mật để bảo vệ bí mật kinh doanh đó. Những biện pháp này gồm có:

- Hạn chế truy cập nguồn dữ liệu của doanh nghiệp chỉ trong phạm vi những người “cần phải biết”.

- Hạn chế bên thứ ba tiếp cận với nguồn dữ liệu doanh nghiệp. Ví dụ như kiểm soát sự tiếp cận tài sản và các khu vực quan trọng của doanh nghiệp như phòng thí nghiệm.

- Thiết lập quy trình để ngăn chặn thông tin quan trọng bị rò rỉ ra bên ngoài văn phòng và đặc biệt chú ý đến rủi ro thông tin bị truyền ra ngoài một cách dễ dàng qua không gian số.

- Kiểm soát việc tiếp cận đối với hệ thống tệp dữ liệu máy tính và hệ thống máy chủ, sử dụng mật khẩu bảo vệ và tường lửa.

- Ký kết thỏa thuận bảo mật thông tin với nhân viên, nhà cung cấp và đối tác.

- Ngăn chặn những chủ thể nhận thông tin mật tiết lộ hoặc sử dụng những thông tin này khi chưa được cho phép. Đào tạo nhân viên về chính sách bảo mật và thực hiện những biện pháp thực tế để bảo vệ bí mật kinh doanh.

- Ngoài ra, doanh nghiệp cần nhận thức được vấn đề bảo vệ bí mật kinh doanh

có thể khác nhau giữa các quốc gia cả về đối tượng được bảo hộ và thực thi.

Bảo hộ quyền tác giả

Không giống như quyền đối với nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp và độc quyền sáng chế, quyền tác giả tự động được xác lập mà không cần thực hiện thủ tục đăng ký. Quyền tác giả phát sinh ngay tại thời điểm tác phẩm được định hình. Tuy nhiên, thực tế cho thấy nên đăng ký quyền tác giả cho những đối tượng đáp ứng điều kiện bảo hộ quyền tác giả tại Cục Bản quyền tác giả thuộc Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch. Đăng ký quyền tác giả giúp xác định thời gian tạo ra tác phẩm và xác lập quyền sở hữu, từ đó, giúp chủ thể sáng tạo thực thi quyền tác giả và bảo vệ mình trước những khiếu nại về xâm phạm quyền tác giả. Doanh nghiệp khởi nghiệp nên sử dụng biểu tượng (©) hoặc những dấu hiệu tương tự trên tất cả các tác phẩm và tài liệu để thông báo cho bên thứ ba về quyền tác giả của mình và điều kiện thanh toán (nếu có). Đối với các tác phẩm số, thông tin về quyền tác giả (hoặc quyền liên quan) cần được đưa vào hệ thống siêu dữ liệu và sử dụng các mã định danh và định dạng chuẩn của ngành (nếu có) nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc thanh toán phí bản quyền và các khoản thanh toán khác.

Ghi chú

1. Xem Kim, S., V. Lipton (2012). "Joint Ownership of IP Around the World." In LES Nouvel/es. Licensing Executives Society International.

PHÂN BIỆT HÀNG HÓA TRÊN THỊ TRƯỜNG



Tập trung phát triển sản phẩm hay dịch vụ nhằm giải quyết một vấn đề hoặc cải tiến các giải pháp hiện có và đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ là chưa đủ. Doanh nghiệp khởi nghiệp còn cần thu hút khách hàng và cạnh tranh hiệu quả trên thị trường. Người tiêu dùng muốn có thể dễ dàng tìm thấy và tạo được mối liên hệ tới niềm tin dành cho các sản phẩm họ cần. Khi người tiêu dùng tìm thấy và yêu thích sản phẩm, họ sẽ cảm thấy gắn bó và có thể sẽ mua lại những sản phẩm đó.

Chính vì vậy, doanh nghiệp khởi nghiệp nên xem xét xây dựng bộ nhận diện đặc trưng cho sản phẩm của mình càng sớm càng tốt. Theo đó, doanh nghiệp nên chọn tên, biểu trưng hay những dấu hiệu khác giúp người tiêu dùng nhận biết và dễ dàng ghi nhớ. Kiểu dáng bên ngoài của sản phẩm cũng nên được thiết kế theo một hình dạng, hình thức riêng để thu hút người tiêu dùng. Tất cả những đối tượng này đều có thể được bảo hộ dưới dạng nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp, quyền tác giả và là những thành phần quan trọng đóng góp vào hiệu quả của hoạt động tiếp thị.

Trước khi quyết định lựa chọn một tên gọi thu hút hay tạo ra một kiểu dáng hấp dẫn, doanh nghiệp khởi nghiệp nên đảm bảo rằng các chủ thể khác chưa đăng ký tên gọi trùng hoặc tương tự cho các sản phẩm tương tự và không sử dụng cho kiểu dáng trùng hoặc tương tự. Cơ sở dữ liệu miễn phí về nhãn hiệu và kiểu dáng cho phép doanh nghiệp xác định có nhãn

hiệu hoặc kiểu dáng trùng hoặc tương tự đã được đăng ký trước hay không. Việc kiểm tra sẽ bảo đảm cho doanh nghiệp khởi nghiệp không phải lãng phí thời gian vào việc phát triển chiến lược tiếp thị cho sản phẩm với nhãn hiệu và thiết kế mà họ không có quyền sử dụng. Ngoài ra, việc kiểm tra như vậy còn bảo vệ doanh nghiệp trước rủi ro bị các bên thứ ba ngăn cản việc sử dụng nhãn hiệu hoặc kiểu dáng đó nếu họ cho rằng nhãn hiệu hay kiểu dáng của họ bị sao chép. Những sai lầm có thể dẫn đến hậu quả nghiêm trọng. Doanh nghiệp khởi nghiệp có thể bị buộc phải thiết kế lại sản phẩm hoặc xây dựng một chiến lược tiếp thị mới, trong một số trường hợp kể cả nhãn hiệu hay kiểu dáng chưa được đăng ký nhưng lại được sử dụng trên thị trường rồi. Do đó cần sớm thực hiện tra cứu trực tuyến. Phạm vi tra cứu nên bao gồm cả thị trường trong nước và các quốc gia khác mà doanh nghiệp dự định nhắm đến. Các doanh nghiệp khởi nghiệp ở Việt Nam có thể tra cứu thông tin sở hữu trí tuệ miễn phí thông qua các cơ sở dữ liệu quốc gia sẵn có trên cổng thông tin điện tử của Cục Sở hữu trí tuệ Việt Nam¹ và cơ sở dữ liệu của Tổ chức Sở hữu trí tuệ Thế giới (WIPO)² (Xem phần Sử dụng cơ sở dữ liệu sở hữu trí tuệ).

Xác lập quyền đối với nhãn hiệu

Quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu được xác lập trên cơ sở thực hiện thủ tục đăng ký và được cơ quan có thẩm quyền cấp văn bằng bảo hộ. Đối

với trường hợp nhãn hiệu nổi tiếng thì quyền có thể được xác lập không phụ thuộc vào thủ tục đăng ký mà dựa trên cơ sở sử dụng và nhãn hiệu đó trở nên nổi tiếng. Một số quốc gia, bao gồm Việt Nam có quy định về nhãn hiệu nổi tiếng. Tuy nhiên, đăng ký nhãn hiệu là biện pháp bảo vệ hiệu quả nhất và an toàn nhất để xây dựng thương hiệu, đạt được niềm tin và thiện chí của người tiêu dùng.

Nhìn chung, doanh nghiệp khởi nghiệp nên nộp đơn đăng ký nhãn hiệu tại Cục Sở hữu trí tuệ trước khi ra mắt sản phẩm để tránh chi phí tái định vị thương hiệu có thể phát sinh nếu nhãn hiệu không được chấp nhận bảo hộ. Quy trình đăng ký nhãn hiệu ở các quốc gia khác nhau có thể khác nhau³. Dưới đây là thông tin cơ bản về quy trình đăng ký nhãn hiệu tại Việt Nam. Các doanh nghiệp khởi nghiệp có thể tự làm thủ tục đăng ký hoặc thuê các đại diện sở hữu công nghiệp để thực hiện việc đăng ký nhãn hiệu. Danh sách các đại diện sở hữu công nghiệp được phép hành nghề ở Việt Nam được công bố trên cổng thông tin điện tử của Cục Sở hữu trí tuệ.

Sau khi tiếp nhận đơn đăng ký, Cục Sở hữu trí tuệ sẽ tiến hành các bước thẩm định đơn trước khi cấp hoặc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu theo quy trình sau:

1. Thẩm định hình thức

Cục Sở hữu trí tuệ tiến hành thẩm định

hình thức để ra quyết định từ chối hay chấp nhận đơn hợp lệ. Thời hạn thẩm định hình thức là một tháng kể từ ngày nộp đơn.

Trong trường hợp đơn không hợp lệ, Cục Sở hữu trí tuệ ra thông báo dự định từ chối chấp nhận đơn trong đó nêu rõ các lý do, thiếu sót khiến cho đơn có thể bị từ chối chấp nhận và ấn định thời hạn hai tháng để người nộp đơn có ý kiến hoặc sửa chữa thiếu sót. Nếu người nộp đơn không sửa chữa thiếu sót hoặc sửa chữa thiếu sót không đạt yêu cầu hoặc không có ý kiến phản đối hoặc ý kiến phản đối không xác đáng thì Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định từ chối chấp nhận đơn.

Trong trường hợp đơn hợp lệ, Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định chấp nhận đơn hợp lệ.

2. Công bố đơn

Đơn đăng ký nhãn hiệu được công bố trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày có Quyết định chấp nhận đơn hợp lệ.

3. Thẩm định nội dung:

Việc thẩm định nội dung được thực hiện trong thời hạn 09 tháng kể từ ngày công bố đơn. Mục đích của thẩm định nội dung là đánh giá khả năng được bảo hộ của đối tượng nêu trong đơn theo điều kiện bảo hộ (khả năng phân biệt), qua đó xác định phạm vi bảo hộ tương ứng.

Sau khi hoàn thành thẩm định nội dung, Cục Sở hữu trí tuệ sẽ thông báo tới người nộp đơn hoặc đại diện của người

nộp đơn về dự định cấp văn bằng hoặc dự định từ chối cấp văn bằng trong đó nêu rõ các lý do. Trong trường hợp nhận được Thông báo dự định từ chối cấp văn bằng, người nộp đơn hoặc đại diện của người nộp đơn trong vòng hai tháng có thể có ý kiến phản đối, bổ sung thêm các tài liệu, hoặc chỉnh sửa đơn đăng ký.

4. Cấp văn bằng bảo hộ và công bố

Nếu đối tượng nêu trong đơn đáp ứng được các yêu cầu về bảo hộ, và người nộp đơn nộp phí, lệ phí đầy đủ, đúng hạn thì Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu, ghi nhận vào Sổ đăng ký quốc gia về nhãn hiệu và công bố trên Công báo Sở hữu công nghiệp.

5. Khiếu nại

Người nộp đơn và mọi tổ chức, cá nhân có quyền, lợi ích liên quan trực tiếp đến quyết định hoặc thông báo liên quan đến việc xử lý đơn đăng ký nhãn hiệu do Cục Sở hữu trí tuệ ban hành có quyền khiếu nại với Cục Sở hữu trí tuệ hoặc khởi kiện ra toà án theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ và pháp luật có liên quan.

6. Chấm dứt hiệu lực văn bằng bảo hộ

Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu bị chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau đây:

- Chủ văn bằng bảo hộ không nộp lệ phí gia hạn hiệu lực theo quy định;
- Chủ văn bằng bảo hộ tuyên bố từ bỏ quyền sở hữu công nghiệp;

- Chủ văn bằng bảo hộ không còn tồn tại mà không có người kế thừa hợp pháp;

- Nhãn hiệu không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời hạn theo luật định;

- Không kiểm soát hoặc kiểm soát không hiệu quả việc thực hiện quy chế sử dụng nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận (trường hợp đăng ký nhãn hiệu tập thể hoặc nhãn hiệu chứng nhận).

7. Hủy bỏ hiệu lực văn bằng bảo hộ

- Văn bằng bảo hộ bị hủy bỏ toàn bộ hiệu lực trong các trường hợp sau đây:

+ Người nộp đơn đăng ký không có quyền đăng ký và không được chuyển nhượng quyền đăng ký đối với nhãn hiệu;

+ Nhãn hiệu không đáp ứng các điều kiện bảo hộ tại thời điểm cấp văn bằng bảo hộ.

- Văn bằng bảo hộ bị hủy bỏ một phần hiệu lực trong trường hợp phần đó không đáp ứng điều kiện bảo hộ.

Mặc dù được khuyến khích nộp đơn đăng ký nhãn hiệu sớm, các doanh nghiệp khởi nghiệp cần lưu ý pháp luật của hầu hết các quốc gia đều có quy định về nghĩa vụ sử dụng nhãn hiệu. Điều này có nghĩa một doanh nghiệp phải bắt buộc phải sử dụng nhãn hiệu của mình như trong đơn đăng ký. Tại Việt Nam, nếu doanh nghiệp “không sử dụng” nhãn hiệu trong vòng 5 năm liên tục trở lên mà không có lý do chính đáng thì

NHỮNG Ý TƯỞNG TÁO BẠO

Cẩm nang về sở hữu trí tuệ dành cho doanh nghiệp khởi nghiệp

quyền sở hữu nhãn hiệu có thể bị chấm dứt. Nghĩa vụ sử dụng là một thách thức khi chủ sở hữu nhãn hiệu mong muốn mở rộng ra thị trường quốc tế bởi một doanh nghiệp có thể mất quyền bảo hộ nhãn hiệu ở một thị trường cụ thể nếu nộp đơn đăng ký quốc tế quá sớm mà không thể gia nhập thị trường đó trong thời hạn quy định.

Sau đây là những điều “nên và không nên” khi sử dụng nhãn hiệu⁴:

Nên:

+ Sử dụng biểu tượng ® để biểu thị nhãn hiệu đã đăng ký.

+ Phân biệt nhãn hiệu với các chữ xung quanh bằng cách sử dụng chữ in hoa, phông chữ in đậm hay nghiêng hoặc đặt nhãn hiệu trong dấu ngoặc kép.

+ Sử dụng nhãn hiệu một cách nhất quán. Nếu nó được đăng ký với một cách phát âm cụ thể, thiết kế, màu sắc hoặc phông chữ cụ thể, hãy đảm bảo rằng nó luôn được sử dụng chính xác như đã đăng ký.

+ Thiết lập các quy trình và hướng dẫn rõ ràng và hợp lý nhất về việc sử dụng nhãn hiệu. Hướng dẫn đối tác nhận chuyển giao quyền, nhân viên, nhà cung cấp, nhà phân phối và người tiêu dùng cách sử dụng chúng. Đảm bảo rằng tất cả đối tượng liên quan tuân thủ các chính sách và nguyên tắc một cách nhất quán.

Không nên:

+ Không nên sửa đổi nhãn hiệu. Tránh

dùng dấu gạch nối, kết hợp từ hoặc viết tắt (ví dụ: “Bút máy MONTBLANC®”, nhãn hiệu không nên ghi là “Mont Blanc”)

+ Không nên sử dụng nhãn hiệu như một danh từ, chỉ nên sử dụng như một tính từ. (Ví dụ: “Khối đồ chơi LEGO®” chứ không phải “Legos.”)

+ Không sử dụng nhãn hiệu như một động từ. (Ví dụ “được chỉnh sửa bởi phần mềm ADOBE PHOTOSHOP®” chứ không phải “được photoshop.”)

+ Không sử dụng nhãn hiệu dưới dạng số nhiều. (Ví dụ: “kẹo TIC TAC®” chứ không phải “tic tacs.”)

Phần lớn những điều “nên và không nên” nêu trên sẽ đảm bảo một nhãn hiệu được duy trì và tránh bị mất khả năng phân biệt hay trở thành tên gọi chung.

Tên miền

Trong thế giới mà mọi thứ đều được kết nối với nhau như hiện nay, doanh nghiệp ít nhiều cần xuất hiện trên các nền tảng trực tuyến, cho dù doanh nghiệp kinh doanh sản phẩm kỹ thuật số hay sản phẩm vật lý. Tên miền có chức năng xác định địa chỉ cổng thông tin điện tử của doanh nghiệp, trở thành một dấu hiệu nhận diện quan trọng của doanh nghiệp bởi khách hàng thông qua tên miền để tìm thấy doanh nghiệp, tìm hiểu về sản phẩm và doanh nghiệp trên internet. Do đó, doanh nghiệp khởi nghiệp cần phải chú trọng đến hình ảnh trực tuyến và tên

miền của mình.

Tập đoàn Internet cấp số và tên miền (ICANN) chịu trách nhiệm quản lý kỹ thuật về hệ thống tên miền. Thông tin về đăng ký tên miền có thể được tìm thấy trên cổng thông tin điện tử của ICANN 5. Nhãn hiệu xuất hiện, được sử dụng và đóng vai trò nhận diện hoạt động kinh doanh trước tên miền hàng trăm năm. Do đó, nhãn hiệu là đối tượng sở hữu trí tuệ quan trọng được bảo hộ theo pháp luật quốc gia và các điều ước quốc tế. Ngược lại, tên miền là một đối tượng mới xuất hiện để đáp ứng nhu cầu nhận dạng trên internet của doanh nghiệp, và không có một hệ thống pháp luật tương đương nào quy định việc đăng ký tên miền được sử dụng. Chính sách thống nhất giải quyết tranh chấp tên miền (UDRP) được WIPO xây dựng để giải quyết những trường hợp đăng ký và sử dụng tên miền không trung thực. Trong khi nhãn hiệu có hiệu lực ở quốc gia hoặc vùng lãnh thổ mà nó được đăng ký, tên miền lại không có bất kỳ giới hạn nào về biên giới hoặc lãnh thổ giống như bản chất của internet. Kết quả là chủ sở hữu nhãn hiệu có thể bắt gặp tên miền tương tự hoặc giống với tên nhãn hiệu của họ. Thậm chí có trường hợp người sử dụng tên miền này đang kinh doanh sản phẩm trùng, tương tự hoặc hàng giả. Kể cả khi tên miền này không được sử dụng, thì doanh nghiệp sở hữu nhãn hiệu cũng không thể sử dụng tên miền này nữa.

Vì thế, doanh nghiệp khởi nghiệp nên

đăng ký tên miền sớm nhất có thể. Để làm điều này, bước đầu tiên là doanh nghiệp phải chọn được tên miền cấp cao nhất (TLD). TLD gồm những ký tự sau dấu chấm cuối cùng của tên miền (ví dụ “.int” trong www.wipo.int). Các tên miền cấp cao nhất dùng chung (gTLD) là “.com”, “.org” và “.net”. Một số gTLD mới hơn gồm “.online”, “.life” và “.app”. Tên miền cấp cao nhất mã quốc gia (ccTLDs) biểu thị các quốc gia: ví dụ như “.ch” biểu thị Thụy Sĩ, “.us” biểu thị Hoa Kỳ và “.vn” biểu thị Việt Nam.

Phần tên phía trước dấu chấm được gọi là tên miền cấp hai. Phần này dùng để nhận dạng doanh nghiệp và cần phải được làm nổi bật để khách hàng có thể ghi nhớ cổng thông tin điện tử của doanh nghiệp một cách dễ dàng hơn. Ưu tiên hàng đầu là dùng tên miền giống nhãn hiệu của doanh nghiệp. Tuy nhiên, nhãn hiệu này có thể đã bị chủ thể khác sử dụng làm tên miền, và do đó doanh nghiệp cần phải điều chỉnh tên miền. (Ví dụ, công ty đường ống Delta nhận thấy tên miền “delta.com” đã được chủ thể khác đăng ký, vậy họ phải điều chỉnh địa chỉ của mình thành “deltafaucet.com”, thậm chí là “delta.vn” hoặc “delta.online” nếu đáp ứng được điều kiện dùng những TLD này⁶).

Nếu doanh nghiệp chưa đăng ký nhãn hiệu, họ cũng có thể nghiên cứu để lựa chọn một nhãn hiệu chưa được đăng ký tên miền (hoàn toàn giống nhau hoặc khác nhau trong phạm vi chấp nhận được) rồi đăng ký cả hai.

“Chiếm đoạt tên miền” là hành động đăng ký tên miền trùng hoặc chứa một nhãn hiệu đã được đăng ký nhằm ngăn chặn chủ sở hữu nhãn hiệu sử dụng tên miền đó, tống tiền chủ sở hữu nhãn hiệu hoặc làm tổn hại hình ảnh thương hiệu. Nếu gặp phải tình huống này, doanh nghiệp có thể làm đơn khiếu nại theo quy trình UDRP. Nếu phát hiện hành vi đăng ký không trung thực, tên miền có thể được yêu cầu hủy bỏ hoặc chuyển giao. Trên toàn cầu, WIPO là đơn vị hàng đầu về giải quyết tranh chấp tên miền được chứng nhận bởi ICANN⁷.

Xác lập quyền đối với kiểu dáng công nghiệp

Như đã đề cập ở trên, những sản phẩm có thiết kế và đóng gói bắt mắt trở nên thu hút và dễ nhận biết hơn trên thị trường. Hiện nay, nhiều sản phẩm có chức năng tương đương cạnh tranh với nhau dựa trên sự hấp dẫn của thiết kế, sự kết hợp giữa nhãn hiệu và kiểu dáng giúp củng cố sự trung thành của khách hàng. Khi doanh nghiệp đưa sản phẩm ra thị trường, cần được xác lập quyền đối với kiểu dáng hấp dẫn và độc đáo của mình.

Để đáp ứng điều kiện bảo hộ ở Việt Nam, kiểu dáng công nghiệp phải có tính mới, tính sáng tạo và khả năng áp dụng công nghiệp. Cần lưu ý rằng kiểu dáng này chưa được bộc lộ công khai trước khi nộp đơn đăng ký. Việc bộc lộ công khai trước khi đăng ký có thể dẫn đến

kiểu dáng công nghiệp không được bảo hộ do không đáp ứng điều kiện về tính mới. Một số quốc gia, bao gồm Việt Nam có quy định về giai đoạn ân hạn trước khi nộp đơn đăng ký, trong giai đoạn đó, kiểu dáng công nghiệp có thể được bộc lộ mà không bị coi là mất tính mới. Tại Việt Nam, khoảng thời gian ân hạn là 6 tháng kể từ ngày kiểu dáng được bộc lộ công khai. Tuy nhiên, để an toàn thì nên hạn chế bộc lộ trước khi đăng ký. Quy trình đăng ký kiểu dáng công nghiệp bao gồm các bước dưới đây⁸.

1. Thẩm định hình thức

Cục Sở hữu trí tuệ tiến hành thẩm định hình thức để ra quyết định từ chối hay chấp nhận đơn hợp lệ. Thời hạn thẩm định hình thức là một tháng kể từ ngày nộp đơn.

Trong trường hợp đơn không hợp lệ, Cục Sở hữu trí tuệ ra thông báo dự định từ chối chấp nhận đơn trong đó nêu rõ các lý do, thiếu sót khiến cho đơn có thể bị từ chối chấp nhận và ấn định thời hạn hai tháng để người nộp đơn có ý kiến hoặc sửa chữa thiếu sót. Nếu người nộp đơn không sửa chữa thiếu sót hoặc sửa chữa thiếu sót không đạt yêu cầu hoặc không có ý kiến phản đối hoặc ý kiến phản đối không xác đáng thì Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định từ chối chấp nhận đơn.

Trong trường hợp đơn hợp lệ, Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định chấp nhận đơn hợp lệ.

2. Công bố đơn

Đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp được công bố trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày có Quyết định chấp nhận đơn hợp lệ.

3. Thẩm định nội dung

Việc thẩm định nội dung được thực hiện trong thời hạn 07 tháng kể từ ngày công bố đơn. Mục đích của thẩm định nội dung là đánh giá khả năng được bảo hộ của đối tượng nêu trong đơn theo các điều kiện bảo hộ (tính mới, tính sáng tạo, khả năng áp dụng công nghiệp), qua đó xác định phạm vi bảo hộ tương ứng.

Sau khi hoàn thành thẩm định nội dung, Cục Sở hữu trí tuệ sẽ thông báo tới người nộp đơn hoặc đại diện của người nộp đơn về dự định cấp văn bằng hoặc dự định từ chối cấp văn bằng trong đó nêu rõ các lý do. Trong trường hợp nhận được Thông báo dự định từ chối cấp văn bằng, người nộp đơn hoặc đại diện của người nộp đơn trong vòng hai tháng có thể có ý kiến phản đối, bổ sung thêm các tài liệu, hoặc chỉnh sửa đơn đăng ký.

4. Cấp văn bằng bảo hộ và công bố

Nếu đối tượng nêu trong đơn đáp ứng được các yêu cầu về bảo hộ, và người nộp đơn nộp phí, lệ phí đầy đủ, đúng hạn thì Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định cấp văn bằng bảo hộ, ghi nhận vào Sổ đăng ký quốc gia về kiểu dáng công nghiệp và công bố trên Công báo Sở hữu công nghiệp.

5. Khiếu nại

Người nộp đơn và mọi tổ chức, cá nhân có quyền, lợi ích liên quan trực tiếp đến quyết định hoặc thông báo liên quan đến việc xử lý đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp do Cục Sở hữu trí tuệ ban hành có quyền khiếu nại với Cục Sở hữu trí tuệ hoặc khởi kiện ra toà án theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ và pháp luật có liên quan.

6. Chấm dứt hiệu lực văn bằng bảo hộ

Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp bị chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau đây:

- Chủ văn bằng bảo hộ không nộp lệ phí gia hạn hiệu lực theo quy định;
- Chủ văn bằng bảo hộ tuyên bố từ bỏ quyền sở hữu công nghiệp;
- Chủ văn bằng bảo hộ không còn tồn tại mà không có người kế thừa hợp pháp.

7. Hủy bỏ hiệu lực văn bằng bảo hộ

- Văn bằng bảo hộ bị hủy bỏ toàn bộ hiệu lực trong các trường hợp sau đây:

+ Người nộp đơn đăng ký không có quyền đăng ký và không được chuyển nhượng quyền đăng ký đối với kiểu dáng công nghiệp;

+ Kiểu dáng công nghiệp không đáp ứng các điều kiện bảo hộ tại thời điểm cấp văn bằng bảo hộ.

- Văn bằng bảo hộ bị hủy bỏ một phần hiệu lực trong trường hợp phần đó không đáp ứng điều kiện bảo hộ.

Ghi chú

1. Xem https://ipvietnam.gov.vn/vi_VN/web/guest/tra-cuu-thong-tin
2. Xem <https://ipportal.wipo.int>.
3. WIPO (2017). Making a Mark, trang 44-45. www.wipo.int/edocs/pubdocs/en/wipo_pub_900_1.pdf.
4. Trong sách, trang 60-61.
5. Xem www.icann.org. Để có cái nhìn tổng quan, xem www.icann.org/en/system/files/files/domain-names-beginners-guide-06dec10-en.pdf.
6. “Delta” là thương hiệu của cả một công ty sản xuất vòi rửa bát và một hãng hàng không. Nhìn chung, cả hai đều có thể xác lập quyền sở hữu hợp pháp đối với tên miền <delta.com> nhưng hãng hàng không đã sử dụng tên miền đó nên công ty còn lại đổi thành <deltafaucet.com>.
7. Để biết thêm thông tin, hãy xem www.wipo.int/amc/en/domain/index.html.
8. WIPO (2019). Looking Good, trang 15-16. www.wipo.int/edocs/pubdocs/en/wipo_pub_498_1.pdf.

GIA NHẬP THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ



Những câu chuyện thành công thực sự trên toàn cầu đến từ các doanh nghiệp khởi nghiệp có thể gia nhập thị trường toàn cầu. Bản thân một số thị trường trong nước đã đủ lớn để các doanh nghiệp khởi nghiệp khai thác. Tuy nhiên, khi thị trường nội địa quá nhỏ cho sự phát triển của doanh nghiệp, cần nghĩ đến việc mở rộng phạm vi ra toàn cầu càng sớm càng tốt.

Một sai lầm phổ biến là giả định rằng một mô hình kinh doanh thành công trong nội địa sẽ tiếp tục thành công trên thị trường quốc tế. Một số mô hình kinh doanh, sản phẩm hoặc dịch vụ có thể chỉ hấp dẫn một số thị trường nhất định. Một doanh nghiệp khởi nghiệp phải cân nhắc xem có nên tham gia vào một thị trường mới không hoặc liệu có thể thay đổi các sản phẩm, dịch vụ để phù hợp hơn với thị trường mục tiêu đó. Đồng thời, doanh nghiệp cũng cần đảm bảo nguồn lực tài chính để theo đuổi chiến lược tăng trưởng toàn cầu.

Về bản chất, việc thâm nhập một thị trường mới cũng tương tự như việc bắt đầu một doanh nghiệp khởi nghiệp: doanh nghiệp cần đánh giá năng lực của mình, phát triển một mô hình kinh doanh cụ thể và kế hoạch tài chính hợp lý. Việc doanh nghiệp bắt đầu thâm nhập vào các thị trường mới sẽ tạo ra thách thức cho các doanh nghiệp bản địa, thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo và cả các hoạt động sao chép. Do đó, thực hiện bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ tại các thị trường mục tiêu là một điều kiện quan

trọng để thành công.

Các doanh nghiệp nên lưu ý rằng quyền sở hữu trí tuệ có tính lãnh thổ, chỉ có hiệu lực trong phạm vi lãnh thổ (quốc gia hoặc khu vực) đã được cấp văn bằng bảo hộ. Theo đó, các quyền sở hữu trí tuệ mà một doanh nghiệp khởi nghiệp đã bảo hộ ở một quốc gia hoặc khu vực có thể sẽ không có hiệu lực tại thị trường mà nó đang hướng tới.

Luật sở hữu trí tuệ ở quốc gia mục tiêu cũng có thể khác với quốc gia sở tại. Do đó, doanh nghiệp phải xác định càng sớm càng tốt, những quốc gia mà doanh nghiệp muốn hoạt động, xuất khẩu, hay nhập khẩu từ đó, để xác định các khu vực mà doanh nghiệp cần đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.¹

Công ước Paris đã tạo ra một cơ chế quan trọng cho việc nộp đơn đăng ký sáng chế, nhãn hiệu và kiểu dáng công nghiệp ở nhiều quốc gia.² Theo cơ chế này, ngày nộp đơn tại quốc gia hoặc vùng lãnh thổ đầu tiên được gọi là ngày ưu tiên. Các đơn đăng ký được nộp ở các quốc gia khác trong một khoảng thời gian nhất định sau đó (thời hạn ưu tiên), bởi cùng một người nộp đơn cho cùng một sáng chế, được coi là đã được nộp vào ngày ưu tiên. Thời gian ưu tiên kéo dài 12 tháng đối với bằng sáng chế và 6 tháng đối với nhãn hiệu và kiểu dáng công nghiệp.

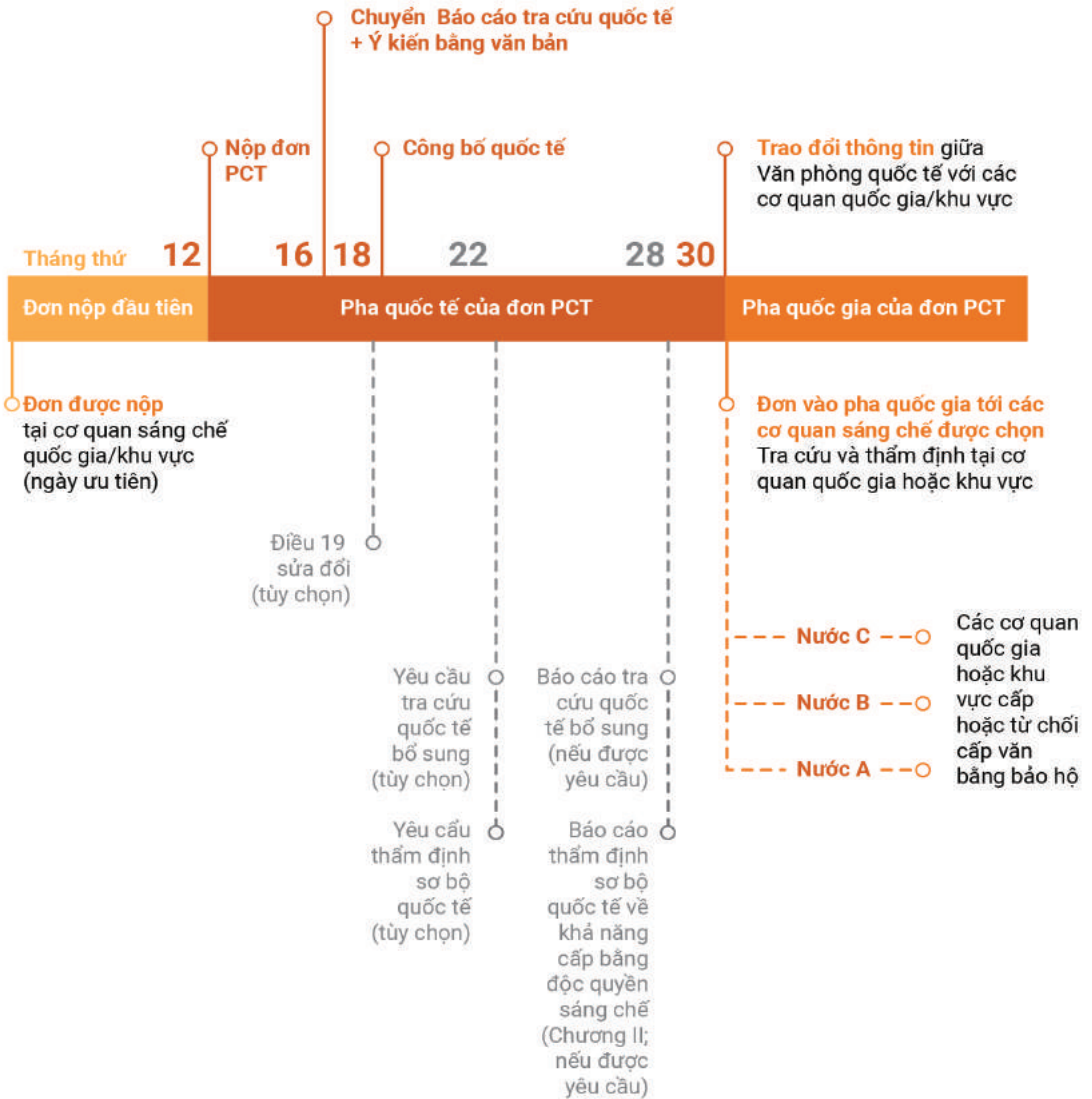
Nộp đơn đăng ký sáng chế ở các quốc gia khác

Thông thường, một doanh nghiệp khởi nghiệp sẽ nộp đơn đăng ký sáng chế ở quốc gia sở tại. Để được hưởng lợi từ Công ước Paris, doanh nghiệp muốn hoạt động ở nước ngoài cần nộp đơn đăng ký tại các quốc gia mà doanh nghiệp hướng đến trong vòng 12 tháng (trong thời gian ưu tiên).

Hiệp ước PCT do WIPO quản lý là cách thức hiệu quả, tối ưu về chi phí và thực hiện để doanh nghiệp đăng ký sáng chế tại nhiều quốc gia³. Hiệp ước PCT giúp doanh nghiệp đăng ký sáng chế đồng thời tại nhiều quốc gia bằng cách nộp một đơn đăng ký sáng chế “quốc tế” duy nhất thay vì nộp đơn riêng lẻ ở từng quốc gia hoặc vùng lãnh thổ. Các cơ quan sáng chế quốc gia và khu vực vẫn sẽ là cơ quan chịu trách nhiệm cấp văn bằng bảo hộ khi đơn vào giai đoạn quốc gia.

Đơn đăng ký sáng chế qua PCT có thể là đơn đăng ký quốc tế được nộp ngay từ đầu hoặc đơn quốc tế được nộp trong vòng 12 tháng kể từ khi đơn đăng ký sáng chế quốc gia đầu tiên được nộp.

Hình 2. Thủ tục đăng ký theo Hiệp ước Hợp tác Sáng chế



Các lợi ích

- Đơn PCT có hiệu lực ở tất cả các quốc gia/khu vực thành viên của Hệ thống PCT
- Các yêu cầu hình thức được thống nhất
- Nhận được thông tin về khả năng cấp bằng độc quyền sáng chế để hỗ trợ việc đưa ra quyết định chiến lược
- Trì hoãn nộp các chi phí đáng kể cho giai đoạn quốc gia đến 18 tháng

Quy trình nộp đơn đăng ký sáng chế theo Hiệp ước PCT (xem Hình 2):

1. Doanh nghiệp nộp đơn đăng ký sáng chế quốc tế ngay từ đầu hoặc nộp đơn đăng ký quốc tế trong vòng 12 tháng kể từ ngày nộp đơn sáng chế quốc gia/khu vực đầu tiên.
2. Đơn được công bố sau 18 tháng kể từ ngày ưu tiên trừ trường hợp người nộp đơn yêu cầu công bố sớm hơn. Việc công bố này đồng nghĩa với thông tin sáng chế được bộc lộ công khai, dòng thời gian này có nghĩa là các đơn đăng ký đều được giữ bí mật trong 18 tháng kể từ ngày ưu tiên.
3. Trong vòng 30 tháng kể từ ngày ưu tiên, “người nộp đơn phải chỉ định quốc gia thành viên của PCT mà họ muốn đăng ký bảo hộ; đơn đăng ký sẽ vào “pha quốc gia” ở các quốc gia tương ứng. Một doanh nghiệp khởi nghiệp nên xác định một cách cẩn trọng các quốc gia quan trọng đối với hoạt động kinh doanh của mình và thực hiện đăng ký sáng chế tại đó, bởi vì thành công về mặt thương mại của doanh nghiệp có thể phụ thuộc vào việc sáng chế của doanh nghiệp có được bảo hộ tại các thị trường đó hay không. Mặt khác, giai đoạn này thường đòi hỏi đầu tư lớn từ các doanh nghiệp khởi nghiệp vì chi phí sẽ gia tăng tương ứng với số lượng quốc gia được chỉ định. Ở mỗi quốc gia, các doanh nghiệp phải chịu các khoản phí khác nhau theo

quy định của các cơ quan sáng chế cũng như chi phí dịch thuật và chi phí luật sư tại từng quốc gia.

4. Hệ thống PCT là một hệ thống để nộp đơn và xử lý các đơn đăng ký sáng chế. Tuy nhiên, không hề tồn tại bằng độc quyền sáng chế toàn cầu hay bằng độc quyền sáng chế PCT. Bằng độc quyền sáng chế được cấp đơn lẻ ở từng quốc gia hoặc khu vực. Việc đưa ra quyết định cấp hoặc từ chối cấp bằng độc quyền sáng chế sẽ căn cứ vào pháp luật của từng quốc gia hoặc khu vực.
5. Hệ thống PCT cho phép các doanh nghiệp có nhiều thời gian hơn và thông tin hơn so với hệ thống sáng chế truyền thống dựa trên Công ước Paris.

Theo công ước Paris, doanh nghiệp khởi nghiệp có thể nộp đơn đăng ký tại quốc gia sở tại và sau đó (trong thời gian ưu tiên) nộp đơn ở các quốc gia khác.

Theo PCT, thay vì nộp đơn cho từng quốc gia mà doanh nghiệp muốn hoạt động, doanh nghiệp khởi nghiệp chỉ cần nộp một đơn quốc tế PCT duy nhất. Doanh nghiệp khởi nghiệp nhận báo cáo tra cứu quốc tế và có thể lựa chọn yêu cầu thẩm định sơ bộ quốc tế và tra cứu quốc tế bổ sung.

Hệ thống PCT cho phép các doanh nghiệp hoãn các quy trình và chi phí liên quan đến giai đoạn quốc gia và khu vực trong tối đa 30 tháng.^{4,5}

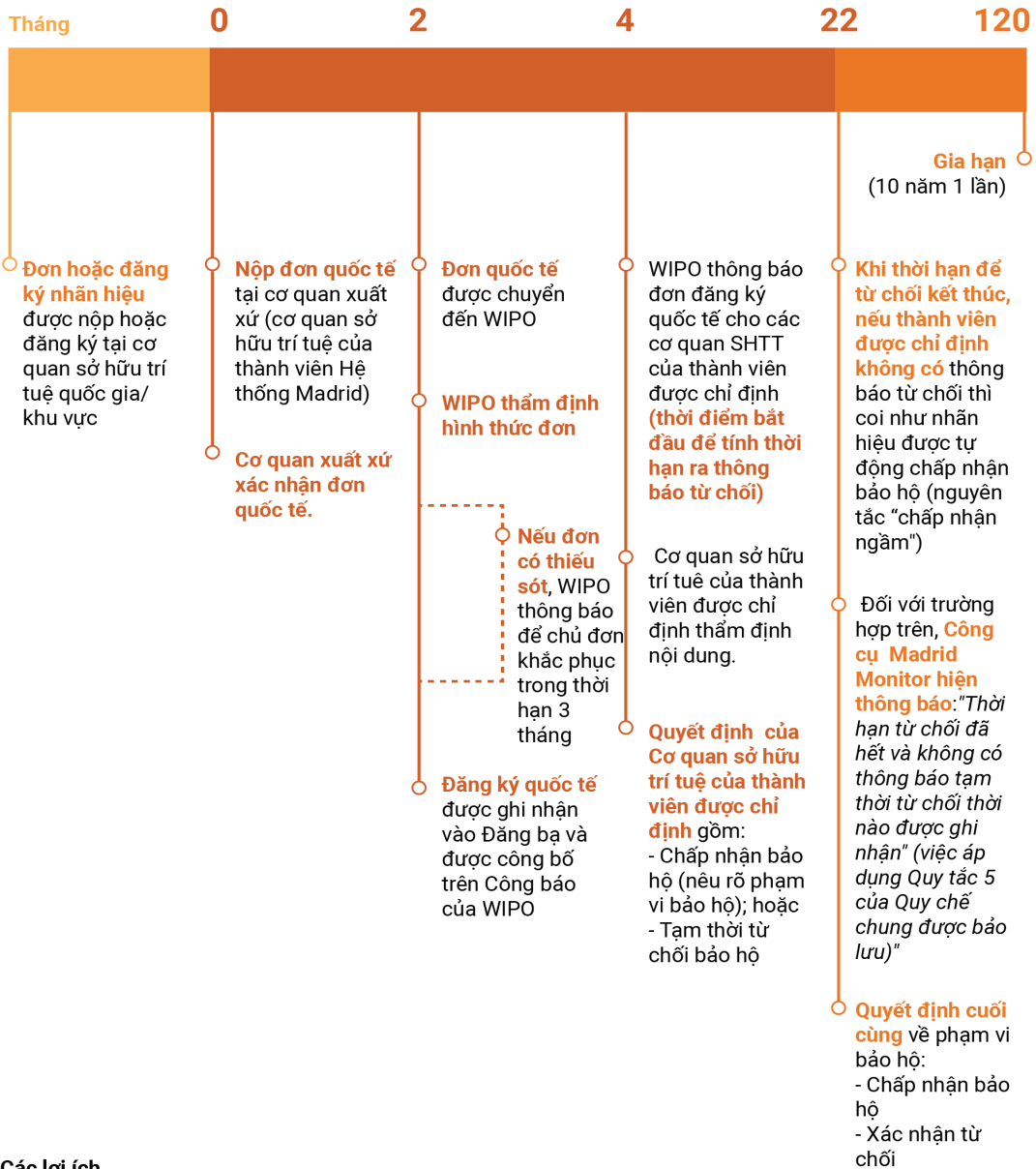
Khi một doanh nghiệp khởi nghiệp nộp đơn đăng ký quốc tế sáng chế để bảo vệ thành quả đổi mới sáng tạo về kỹ thuật trên các thị trường quốc tế, doanh nghiệp đó cũng nên cân nhắc đăng ký bảo hộ nhãn hiệu và kiểu dáng công nghiệp tại các thị trường đó.

Nộp đơn đăng ký nhãn hiệu ở các quốc gia khác

Để bảo hộ nhãn hiệu ở nước ngoài, doanh nghiệp khởi nghiệp có thể lựa chọn từ ba chiến lược nộp đơn dưới đây, tùy theo ngân sách và mục tiêu của mình:

- Lộ trình quốc gia: Nộp đơn riêng cho từng cơ quan nhãn hiệu quốc gia ở những nơi doanh nghiệp muốn được bảo hộ. Ở Việt Nam là Cục Sở hữu trí tuệ.
- Lộ trình khu vực: Nộp đơn đăng ký thông qua hệ thống đăng ký nhãn hiệu theo khu vực có hiệu lực pháp lý ở các quốc gia thành viên, ví dụ Tổ chức Sở hữu trí tuệ châu Phi (OAPI), Tổ chức Sở hữu trí tuệ khu vực châu Phi (ARIPO), Cơ quan Sở hữu trí tuệ Benelux (BOIP) và Cơ quan Sở hữu trí tuệ châu Âu (EUIPO).
- Lộ trình quốc tế: Nộp đơn thông qua Hệ thống Madrid.

Hình 3. Thủ tục đăng ký quốc tế nhãn hiệu theo Hệ thống Madrid



Các lợi ích

- Nộp đơn một lần bằng một ngôn ngữ để đăng ký tới 116 quốc gia- Thanh toán một lần phí bằng một loại tiền duy nhất
- Quản lý việc gia hạn và thay đổi thông qua một hệ thống trung tâm
- Có thể mở rộng việc bảo hộ nhãn hiệu sang các quốc gia khác thông qua việc chỉ định bổ sung

Hệ thống Madrid, do WIPO quản lý, là một giải pháp thuận tiện và tiết kiệm chi phí để đăng ký và quản lý nhãn hiệu trên toàn thế giới (xem Hình 3). Bằng cách nộp một đơn đăng ký duy nhất bằng một ngôn ngữ và trả một lần chi phí, chủ sở hữu nhãn hiệu có thể đăng ký bảo hộ ở nhiều thị trường. Hệ thống Madrid cũng cho phép sửa đổi, gia hạn hoặc mở rộng phạm vi lãnh thổ bảo hộ thông qua một hệ thống tập trung.

Theo Hệ thống Madrid, đơn đăng ký quốc tế phải dựa trên cơ sở đơn hoặc nhãn hiệu đã được đăng ký tại quốc gia/khu vực, được gọi là nhãn hiệu cơ sở. Nhãn hiệu cơ sở phải được nộp đơn hoặc đã được đăng ký trong lãnh thổ của nước thành viên của Hệ thống Madrid mà người nộp đơn có hoạt động kinh doanh, cư trú hoặc mang quốc tịch.

Đơn quốc tế trước tiên phải được nộp tại Cơ quan xuất xứ (nơi nhãn hiệu cơ sở được nộp đơn hoặc cấp giấy chứng nhận đăng ký, đối với Việt Nam là Cục Sở hữu trí tuệ). Cơ quan xuất xứ sẽ thẩm định, xác nhận đơn quốc tế và gửi cho WIPO. WIPO sẽ kiểm tra các yêu cầu về hình thức của đơn đăng ký, sau đó đơn sẽ được ghi nhận vào Đăng bạ quốc tế và được công bố trên Công báo WIPO về nhãn hiệu quốc tế (WIPO Gazette). Các cơ quan nhãn hiệu nơi doanh nghiệp muốn bảo hộ nhãn hiệu sẽ nhận được thông báo. Họ sẽ quyết định có chấp nhận bảo hộ nhãn hiệu hay không.

Nếu một doanh nghiệp khởi nghiệp nộp

đơn đăng ký quốc tế theo Hệ thống Madrid trong vòng sáu tháng kể từ khi nộp đơn đăng ký nhãn hiệu tại cơ quan nhãn hiệu quốc gia hoặc khu vực, doanh nghiệp đó có thể yêu cầu hưởng ngày nộp đơn đầu tiên là ngày ưu tiên. Điều này có nghĩa là, nếu đối thủ cạnh tranh nộp đơn đăng ký sau ngày ưu tiên đó cho một nhãn hiệu trùng hoặc tương tự tại thị trường mà doanh nghiệp khởi nghiệp cũng quan tâm thì doanh nghiệp khởi nghiệp có thể khẳng định đơn của mình đã được nộp trước đơn đăng ký của đối thủ cạnh tranh, dựa vào ngày nộp đơn đầu tiên.

Tuy nhiên, nếu bỏ lỡ khoảng thời gian sáu tháng đó, doanh nghiệp sẽ không thể yêu cầu hưởng quyền ưu tiên trong đơn đăng ký quốc tế và phải dựa vào ngày nộp đơn đăng ký quốc tế. Trong tình huống này, một đối thủ cạnh tranh đã nộp đơn trước ngày doanh nghiệp nộp đơn đăng ký quốc tế (nhưng sau ngày doanh nghiệp đó nộp đơn quốc gia hoặc đơn khu vực đầu tiên) sẽ được coi là đã nộp đơn trước và kết quả là doanh nghiệp khởi nghiệp có thể không được bảo hộ nhãn hiệu.

Nộp đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp ở các quốc gia khác

Nộp đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp ở các quốc gia khác

Để bảo hộ quyền đối với kiểu dáng công nghiệp ở nước ngoài, một doanh nghiệp khởi nghiệp có thể lựa chọn một trong ba chiến lược nộp đơn dưới đây, tùy theo mục tiêu và ngân sách của mình.

- Lộ trình quốc gia: Nộp một đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp cho từng cơ quan sở hữu trí tuệ tại quốc gia nơi doanh nghiệp muốn được bảo hộ. Tại Việt Nam, đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp được nộp tại Cục Sở hữu trí tuệ.

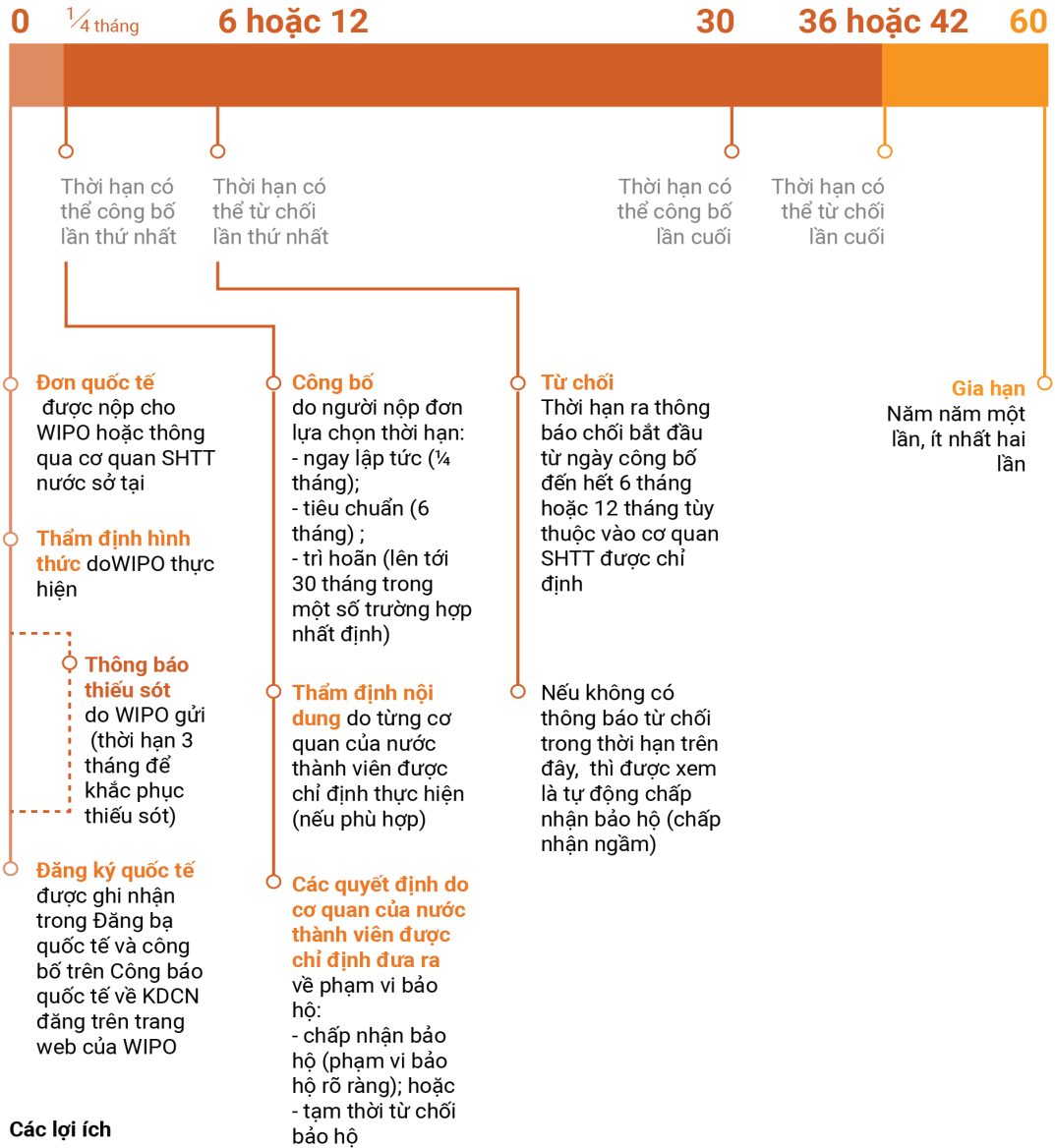
- Lộ trình khu vực: Nộp đơn đăng ký thông qua hệ thống đăng ký kiểu dáng công nghiệp khu vực có hiệu lực pháp lý ở tất cả các quốc gia thành viên, ví dụ OAPI, BOIP và EUIPO.

- Lộ trình quốc tế: Nộp đơn đăng ký quốc tế thông qua Hệ thống La Hay.

NHỮNG Ý TƯỞNG TÁO BẠO

Cẩm nang về sở hữu trí tuệ dành cho doanh nghiệp khởi nghiệp

Hình 4. Hệ thống La Hay



Các lợi ích

- Nộp đơn một lần bằng một ngôn ngữ để đăng ký cho tối đa 100 kiểu dáng công nghiệp cho các sản phẩm thuộc cùng một nhóm phân loại tới nhiều vùng lãnh thổ
- Thanh toán một danh mục phí bằng một loại tiền tệ duy nhất
- Điều chỉnh thời gian công bố đăng ký cho phù hợp với chiến lược kinh doanh
- Quản lý việc gia hạn và thay đổi thông qua một hệ thống tập trung

Hệ thống La Hay do WIPO quản lý, cho phép các doanh nghiệp khởi nghiệp xác lập, duy trì và quản lý quyền đối với kiểu dáng công nghiệp ở nhiều thị trường trên toàn thế giới thông qua một đơn đăng ký quốc tế duy nhất nộp cho WIPO, bằng một ngôn ngữ, trả một lần phí. Nhờ sử dụng một hệ thống tập trung, Hệ thống La Hay cũng đơn giản hóa đáng kể việc quản lý các kiểu dáng công nghiệp được bảo hộ sau này (xem hình 4).

Để đăng ký kiểu dáng công nghiệp, chủ đơn phải là công dân của một thành viên (quốc gia hoặc tổ chức liên chính phủ của Thỏa ước La Hay), cư trú, thường trú hoặc có cơ sở kinh doanh trong phạm vi lãnh thổ của một thành viên. Việt Nam gia nhập Thỏa ước La Hay về đăng ký quốc tế kiểu dáng công nghiệp vào năm 2019. Khác với hệ thống Madrid, hệ thống La Hay không yêu cầu phải dựa trên đơn đăng ký quốc gia hay khu vực nộp từ trước.

Đơn đăng ký quốc tế kiểu dáng công nghiệp được nộp trực tiếp cho WIPO. Khi nhận được đơn, WIPO tiến hành thẩm định hình thức. Nếu đơn thỏa mãn các yêu cầu, đơn sẽ được ghi nhận vào Đăng bạ Kiểu dáng quốc tế và công bố. Trong một khoảng thời gian nhất định, thành viên được chỉ định sẽ quyết định bảo hộ hoặc từ chối bảo hộ kiểu dáng công nghiệp theo quy định pháp luật của từng quốc gia.

Như đã đề cập ở trên, thời hạn hưởng quyền ưu tiên đối với đăng ký quốc tế

kiểu dáng công nghiệp là 6 tháng. Nếu doanh nghiệp khởi nghiệp đã nộp đơn tại một quốc gia hoặc vùng lãnh thổ và mong muốn mở rộng phạm vi bảo hộ sang các quốc gia hoặc vùng lãnh thổ khác, doanh nghiệp đó có thể nộp đơn quốc tế theo Thỏa ước La Hay trong vòng 6 tháng kể từ ngày nộp đơn đầu tiên và yêu cầu hưởng ngày ưu tiên là ngày nộp đơn đầu tiên. Trong thời hạn ưu tiên, doanh nghiệp được coi là có ngày nộp đơn sớm hơn các chủ thể khác nộp đơn kiểu dáng trùng hoặc tương tự sau ngày ưu tiên. Tương tự như sáng chế, sau khi giai đoạn hưởng quyền ưu tiên kết thúc và đơn được công bố, kiểu dáng không còn được coi là có tính mới và không có khả năng được bảo hộ tại các quốc gia/vùng lãnh thổ khác.

Bảo hộ quyền tác giả ở các quốc gia khác

Quyền tác giả tự động phát sinh ở tất cả các quốc gia thành viên của Công ước Berne⁶. Công ước Berne quy định một số vấn đề chung, nhưng nhiều vấn đề còn lại do các quốc gia thành viên tự quyết định. Do đó, chi tiết về bảo hộ quyền tác giả có thể khác nhau giữa các vùng lãnh thổ. Bởi vì quyền tác giả có tính chất lãnh thổ nên việc bảo hộ ở mỗi quốc gia sẽ theo luật pháp của quốc gia có liên quan.

Ghi chú

1. Chi tiết thông tin liên hệ của các cơ quan sở hữu trí tuệ quốc gia được đăng tải trên trang thông tin điện tử: www.wipo.int/directory/en/urls.jsp.
2. Công ước Paris năm 1883 do WIPO quản lý là điều ước quốc tế quan trọng đầu tiên về bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, trong đó có sáng chế.
3. PCT là một điều ước quốc tế với hơn 150 thành viên.
4. Có những trường hợp ngoại lệ. Đáng chú ý là cả Cơ quan Sáng chế châu Âu và Cơ quan Sở hữu trí tuệ Hàn Quốc đều cho phép 31 tháng.
5. Có một số trường hợp được giảm phí. Xem Câu hỏi thường gặp “Có các khoản giảm phí nào theo PCT?”, nguồn: www.wipo.int/pct/en/faqs/faqs.html.
6. Công ước Berne về bảo hộ các tác phẩm văn học và nghệ thuật. Nguồn: www.wipo.int/treaties/en/ip/berne.

NHỮNG CHIẾN LƯỢC KHAI THÁC TÀI SẢN TRÍ TUỆ KHÁC



Sau khi xác lập một hoặc nhiều quyền sở hữu trí tuệ, doanh nghiệp khởi nghiệp có thể sử dụng chúng một cách có chiến lược trong hoạt động kinh doanh của mình. Doanh nghiệp có thể trực tiếp sử dụng những tài sản trí tuệ này trong sản xuất hoặc tiếp thị các sản phẩm và dịch vụ, từ đó tăng cường năng lực cạnh tranh, như đã nêu ra ở những phần trước. Doanh nghiệp cũng có thể sử dụng tài sản trí tuệ để tạo thêm các dòng doanh thu, ổn định tài chính, thu hút đối tác, cộng sự và nhân viên, đồng thời gia tăng giá trị của doanh nghiệp. Chúng ta xem xét những cơ hội dưới đây.

Chuyển giao quyền sử dụng

Bên cạnh hoặc thay vì việc sử dụng tài sản trí tuệ trong hoạt động kinh doanh của chính mình, một doanh nghiệp khởi nghiệp có thể khai thác các tài sản trí tuệ bằng cách chuyển giao quyền sử dụng cho chủ thể khác. Tài sản trí tuệ là một tài sản vô hình và không giống như tài sản hữu hình hay tài sản vật chất, nó có khả năng nhân rộng. Tài sản trí tuệ có thể được nhiều người sử dụng, khai thác đồng thời mà không làm thay đổi bản chất hay chất lượng của nó.

Việc cho phép người khác sử dụng tài sản trí tuệ trong khi vẫn duy trì quyền sở hữu đối với chúng được gọi là li-xăng (hay chuyển giao quyền sử dụng). Đó là một thỏa thuận bằng hợp đồng trong đó một bên (bên chuyển giao) đồng ý cho

phép bên kia (bên nhận chuyển giao) sử dụng một tài sản trí tuệ thuộc sở hữu của mình để đổi lấy các quyền lợi khác, thường là các khoản thanh toán định kỳ (phí bản quyền).¹

Cơ chế này cho phép một doanh nghiệp khởi nghiệp có quyền sở hữu trí tuệ tạo ra được các nguồn doanh thu bổ sung bằng cách li-xăng một số tài sản trí tuệ của mình cho các bên thứ ba (xem Hình 5). Chủ thể nhận chuyển giao có thể thuộc cùng hoặc khác khu vực địa lý với điều kiện việc chuyển giao không làm tổn hại đến năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp chuyển giao quyền. Một doanh nghiệp khởi nghiệp thậm chí có thể hưởng lợi từ việc li-xăng công nghệ của mình cho các đối thủ cạnh tranh trực tiếp, bằng cách giới hạn lĩnh vực sử dụng hoặc thông qua cơ chế li-xăng chéo, giúp doanh nghiệp khởi nghiệp cũng có thể tiếp cận danh mục tài sản trí tuệ của đối thủ. Hầu hết các doanh nghiệp có hàm lượng tài sản trí tuệ cao sẽ sắp xếp danh mục tài sản trí tuệ của họ để xác định các tài sản mà họ sẵn sàng li-xăng, phân biệt với tài sản trí tuệ mang tính chiến lược cao không thể li-xăng.

Hình 5. Phân loại danh mục tài sản trí tuệ đơn giản

	<p>Trong bản mô tả đơn giản danh mục tài sản trí tuệ của một công ty:</p> <p>Hộp 1 bao gồm các tài sản trí tuệ mà công ty coi là công nghệ cốt lõi hoặc chiến lược và sẽ không li-xăng trừ trường hợp cho đối tác như khách hàng và nhà cung cấp.</p>
	<p>Hộp 2, 3, 4 sẽ sẵn sàng cho việc li-xăng.</p> <p>Hộp 2 bao gồm các công nghệ mà công ty cho rằng cốt lõi hoặc chiến lược nhưng đã quyết định li-xăng vì lợi ích cộng đồng (ví dụ, vì cứu sống mạng người).</p>
	<p>Hộp 3 bao gồm các tài sản trí tuệ không quan trọng và có thể được xem xét để li-xăng.</p>
	<p>Hộp 4 bao gồm các tài sản trí tuệ không có giá trị đối với công ty. Duy trì các tài sản trí tuệ này trong danh mục sẽ coi như mất chi phí. Vì thế công ty sẽ tìm cách để li-xăng hoặc bán các tài sản này. Nếu chúng không được thương mại hóa trong một thời hạn nhất định thì quyền SHTT đối với các tài sản trí tuệ đó cũng sẽ bị mất hiệu lực.</p>

Việc chuyển giao quyền sử dụng tài sản trí tuệ có thể được thực hiện theo nhiều cách khác nhau. Ví dụ, tài sản trí tuệ có thể được li-xăng cho một bên duy nhất, được gọi là li-xăng độc quyền. Trong nhiều trường hợp cấp li-xăng độc quyền, chủ sở hữu tài sản trí tuệ vẫn giữ lại quyền đối với tài sản trí tuệ, chẳng hạn như quyền sử dụng tài sản trí tuệ trong sản phẩm, dịch vụ của mình. Ngoài ra, một quyền sở hữu trí tuệ có thể được li-xăng cho nhiều bên hay là li-xăng không độc quyền. Theo thỏa thuận, các bên nhận chuyển giao quyền có thể chia sẻ các quyền của mình với các chủ thể khác, được gọi là li-xăng thứ cấp. Thông thường, phạm vi chuyển giao quyền được giới hạn trong một số lãnh thổ và lĩnh vực nhất định.

Hợp đồng li-xăng có thể được điều chỉnh linh hoạt cho phù hợp với nhu cầu của

các bên. Tuy nhiên, tùy thuộc mục tiêu và đối tượng, soạn thảo hợp đồng li-xăng chính xác là một công việc khó khăn. Trong những trường hợp như vậy, nên tham khảo tư vấn chuyên môn. Mặc dù các hợp đồng li-xăng có thể rất khác nhau, có một số vấn đề chung cần lưu ý như sau:

- Hầu hết pháp luật quốc gia, trong đó có Việt Nam, yêu cầu các thỏa thuận cấp phép phải thể hiện dưới dạng hợp đồng bằng văn bản
- Ở một số quốc gia, một số loại hợp đồng li-xăng phải được đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, ví dụ cơ quan sáng chế, ở Việt Nam là Cục Sở hữu trí tuệ
- Các điều khoản phạm vi chuyển giao và phí chuyển giao là trọng tâm của các hợp đồng li-xăng². Điều khoản phạm vi

chuyển giao quy định đối tượng chuyển giao và các giới hạn nếu có. Điều khoản phí chuyển giao đề cập quy định quyền lợi mà bên giao nhận được khi chuyển giao quyền cho bên nhận.

- Thời hạn của hợp đồng li-xăng không thể dài hơn thời gian bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với đối tượng li-xăng³.

- Nếu một hợp đồng li-xăng bao gồm nhiều lãnh thổ khác nhau, từng lãnh thổ này phải được nêu trong điều khoản phạm vi chuyển giao hoặc nếu cần, hoặc phải là đối tượng của các hợp đồng riêng biệt. Tất cả các quyền sở hữu trí tuệ là đối tượng của hợp đồng li-xăng phải được đăng ký thành công ở các quốc gia liên quan.

- Trong trường hợp nhãn hiệu được li-xăng, bên chuyển giao phải thiết lập các quy tắc rõ ràng để kiểm soát việc sử dụng nhãn hiệu được li-xăng và chất lượng của sản phẩm gắn với nhãn hiệu đó, để đảm bảo đáp ứng kỳ vọng của người tiêu dùng đối với các sản phẩm mang nhãn hiệu.

- Trong trường hợp người bên nhận chuyển giao cần cấp cho bên thứ ba quyền sử dụng tài sản trí tuệ, bên chuyển giao cần có quyền li-xăng thứ cấp trong hợp đồng li-xăng, khi đó, bên nhận chuyển giao trở thành bên chuyển giao quyền đối với bên nhận li-xăng thứ cấp.

Cần chú ý rằng một số nghĩa vụ của các bên đối với nhau sẽ vẫn tồn tại sau khi hợp đồng chấm dứt. Các quyền này phụ

thuộc vào đối tượng chuyển giao và nội dung của hợp đồng. Tuy nhiên, một hợp đồng được soạn thảo kỹ lưỡng sẽ có các điều khoản như: cho phép bên giao thu phí chuyển giao đã tới hạn; bên nhận bán các sản phẩm còn tồn kho; nghĩa vụ bảo mật, kiểm toán sau khi hợp đồng chấm dứt. Khi tài sản trí tuệ thuộc sở hữu chung, khả năng li-xăng phụ thuộc vào pháp luật quốc gia và thỏa thuận giữa các bên. Cần chú ý đánh giá liệu một đồng chủ sở hữu duy nhất có quyền đơn phương chuyển giao quyền cho chủ thể khác hay không. Trong nhiều trường hợp, đồng chủ sở hữu phải thông báo hoặc được sự đồng ý của các đồng chủ sở hữu còn lại. Thông thường, hợp đồng li-xăng nên hạn chế chuyển giao quyền cho đối thủ cạnh tranh của một trong các đồng chủ sở hữu.

Trong trường hợp li-xăng là mô hình kinh doanh chính của một doanh nghiệp khởi nghiệp và chuyển giao quyền sử dụng là nguồn thu nhập chính của doanh nghiệp, doanh nghiệp có thể không bán sản phẩm hoặc dịch vụ mà chỉ cung cấp quyền sử dụng công nghệ thông qua các hợp đồng li-xăng. Bluetooth hoặc Dolby là những ví dụ về mô hình kinh doanh dựa trên li-xăng. Dolby chuyển giao công nghệ của mình cho các nhà sản xuất thiết bị gốc (OEM) để sử dụng trong các sản phẩm giải trí tiêu dùng.

Một ví dụ tương tự là các doanh nghiệp thu lợi từ phí bản quyền, thường là chuyển giao quyền sử dụng phần mềm cho bên thứ ba. Tùy thuộc vào mô

hình kinh doanh, đối tượng sở hữu trí tuệ và lĩnh vực, một doanh nghiệp khởi nghiệp dựa vào li-xăng thực hiện số lượng thỏa thuận cao (nhiều thỏa thuận với giá trị nhỏ mỗi ngày) hoặc thấp (một thỏa thuận với giá trị lớn hàng năm) và tùy theo hồ sơ của doanh nghiệp, doanh nghiệp có thể cần thiết lập các quy trình trước li-xăng phù hợp để phát triển kinh doanh, đàm phán và quản lý dòng tiền, cũng như các chiến lược li-xăng phù hợp và các thỏa thuận tiêu chuẩn.

Một doanh nghiệp khởi nghiệp cũng có thể cần phải tìm và tiếp cận những tài sản trí tuệ cần thiết cho hoạt động kinh doanh của mình. Dưới đây là một số ví dụ minh họa.

- Một trường đại học sở hữu một tài sản trí tuệ. Trường đại học đó thành lập một doanh nghiệp spin-off để phát triển và thương mại hóa tài sản trí tuệ đó. Trường hợp lý tưởng nhất là doanh nghiệp spin-off có thể sở hữu tài sản trí tuệ đó nhưng trường đại học không sẵn sàng hoặc không thể chuyển nhượng quyền sở hữu đó cho doanh nghiệp. Do đó, doanh nghiệp khởi nghiệp cần phải được nhận chuyển giao quyền sử dụng.

- Đảm bảo khả năng tự do sử dụng (FTO)⁴. Trong tình huống này, doanh nghiệp khởi nghiệp cần có quyền sử dụng tài sản trí tuệ của bên thứ ba để phát triển và thương mại hóa các sản phẩm hoặc dịch vụ của chính mình. Khả năng tự do vận hành có thể được bảo đảm thông qua li-xăng. Khi nhận

chuyển giao quyền, cần cẩn thận xem xét nhu cầu của doanh nghiệp khi doanh nghiệp đó phát triển lên hay có khả năng bị bán cho doanh nghiệp khác. Nếu các tình huống dự phòng không được lường trước, doanh nghiệp khởi nghiệp có thể cần phải thỏa thuận lại các điều khoản trong hợp đồng chuyển giao, điều này có thể gây tốn kém hoặc thậm chí không thể thực hiện được.

Chuyển nhượng quyền sở hữu

Chuyển nhượng là bán tài sản trí tuệ. Chủ sở hữu chuyển quyền sở hữu tài sản trí tuệ cho chủ thể khác, thường là để đổi lại giá trị vật chất nhưng không phải lúc nào cũng vậy (việc chuyển nhượng có thể chỉ mang tính danh nghĩa, nếu được phép). Khi việc chuyển nhượng được hoàn tất, bên nhận chuyển nhượng có toàn quyền định đoạt đối với tài sản trí tuệ được chuyển nhượng. Quá trình chuyển nhượng phải tuân theo quy định của từng quốc gia và có thể cần đăng ký với cơ quan đăng ký quốc gia để có hiệu lực thực thi trước các bên thứ ba. Nếu các quyền sở hữu trí tuệ đồng dạng được chuyển nhượng ở nhiều khu vực pháp lý đang được chuyển nhượng, các bên cần lưu ý tính chất quốc gia của quyền sở hữu trí tuệ và việc bán tài sản phải tuân theo luật hiện hành ở mỗi lãnh thổ tài phán được đề cập. Cần lưu ý rằng có thể thực hiện một cách tiếp cận kết hợp giữa chuyển nhượng và chuyển giao quyền sử dụng. Ví dụ, hãy xem xét một công nghệ được bảo hộ bởi hai bằng

sáng chế riêng biệt ở hai quốc gia khác nhau. Một doanh nghiệp khởi nghiệp có thể sở hữu sáng chế ở nước A thông qua việc chuyển nhượng nhưng lại chỉ được khai thác sáng chế đó ở Quốc gia B theo hợp đồng li-xăng.

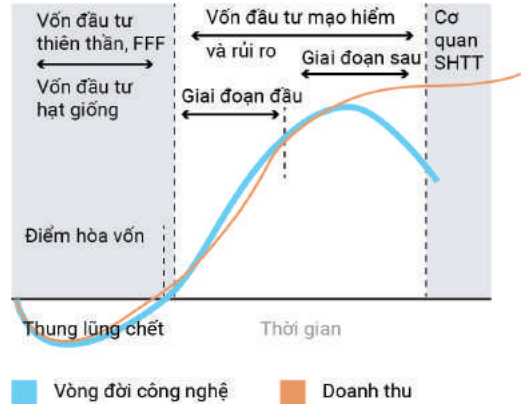
Tiếp cận tài chính

Cho đến khi một doanh nghiệp khởi nghiệp có thể tạo ra đủ doanh thu để duy trì hoạt động của mình, doanh nghiệp đó cần nguồn vốn. Bất kỳ doanh nghiệp mới thành lập nào cũng cần phải tiêu tiền trước khi có thể kiếm được tiền. Đây chính là “thung lũng chết” khét tiếng mà doanh nghiệp khởi nghiệp bắt buộc phải vượt qua. Bởi vì doanh nghiệp khởi nghiệp không thể tạo ra đủ doanh thu từ khi mới thành lập nên cần phải có nguồn vốn đủ để trang trải chi phí cho đến khi doanh nghiệp đó có thể tự duy trì hoạt động bền vững. Trong một số trường hợp, những người sáng lập doanh nghiệp phải tự góp vốn cho doanh nghiệp.

Tuy nhiên, hầu hết các trường hợp yêu cầu nguồn vốn lớn. Do đó, nhiều doanh nghiệp khởi nghiệp tìm kiếm nhiều nguồn vốn khác nhau ở giai đoạn mới thành lập hoặc trong quá trình phát triển của doanh nghiệp. Trong quá trình đó, các bên cấp vốn thường cần đảm bảo rằng doanh nghiệp đã thực hiện nghiên cứu toàn cảnh sở hữu trí tuệ và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ của mình. Một số nguồn vốn được tóm tắt dưới đây và các giai đoạn huy động vốn của doanh

nh nghiệp được minh họa trong Hình 6.

Hình 6. Các giai đoạn huy động vốn



Biểu đồ tổng quát trên mô tả hệ sinh thái đầu tư vào doanh nghiệp khởi nghiệp truyền thống. Thực tiễn huy động vốn có sự khác nhau giữa các quốc gia.

Lưu ý rằng các nguồn vốn trước khi doanh nghiệp có doanh thu (trong khi doanh nghiệp vượt qua thung lũng chết) thường đến từ “bạn bè, gia đình và những kẻ ngốc” (FFF), các nhà đầu tư thiên thần và tài trợ của chính phủ.

Hầu hết các nhà đầu tư mạo hiểm thích đầu tư vào các doanh nghiệp đã có dòng tiền dương (kiếm được nhiều thu nhập hơn số tiền họ chi tiêu). Một số quỹ đầu tư mạo hiểm giai đoạn đầu, thường là trong lĩnh vực công nghệ cao, có đầu tư trong giai đoạn trước khi có doanh thu.

Thông thường, một doanh nghiệp khởi nghiệp sẽ trải qua nhiều giai đoạn huy động vốn, từ vốn đầu tư thiên thần đến vốn đầu tư mạo hiểm. Càng về sau, số

tiền đầu tư càng cao hơn nhiều so với giai đoạn trước.

Cần lưu ý rằng, trong giai đoạn đầu, đường doanh thu (màu cam) dường như vận động cùng vòng đời công nghệ (màu xanh lam). Bài học căn bản ở đây là, nếu một doanh nghiệp khởi nghiệp không tiếp tục đổi mới sáng tạo mà chỉ dựa vào công nghệ ban đầu thì doanh thu của doanh nghiệp cũng giảm khi công nghệ đó già đi.

Tài trợ từ chính phủ

Các công nghệ được phân loại TRL 4 hoặc thấp hơn thường không có khả năng nhận được tài trợ từ các nhà đầu tư truyền thống vì mang những rủi ro về kinh doanh và công nghệ. Ngoài ra, có thể chưa tồn tại pháp nhân để có thể nhận các nguồn vốn. Các công nghệ đó thường đang trong quá trình nghiên cứu và phát triển trong phạm vi của một tổ chức lớn hơn như trường đại học. Tại thời điểm này, nguồn vốn cần thiết để nâng cao mức độ sẵn sàng công nghệ thường sẽ đến từ ngân sách nghiên cứu của trường đại học hoặc chính phủ.

Tuy nhiên, có những ngoại lệ đối với quy tắc chung này. Một số chính phủ đã thiết lập các cơ chế tài trợ nhỏ để thúc đẩy hoạt động khởi nghiệp, cung cấp các khoản tài trợ hoặc cho vay dài hạn để giúp các doanh nghiệp khởi nghiệp phát triển và kiểm định các công nghệ hoặc mô hình kinh doanh của họ một

cách độc lập. Hiếm khi xảy ra hơn, một nhà đầu tư thiên thần có thể sẵn sàng cung cấp một khoản vốn nhỏ để tài trợ cho quá trình kiểm định và R&D.

Các khoản tài trợ nghiên cứu chính thức có thể đặt ra các điều kiện về quyền sở hữu và quyền sử dụng đối với các tài sản trí tuệ được tạo ra từ nguồn tài trợ đó (tài sản trí tuệ được tạo ra trong phạm vi tài trợ). Do đó, cơ quan nhà nước hoặc trường đại học nơi tiến hành nghiên cứu có thể có yêu cầu quyền đối với tài sản được tạo ra từ khoản tài trợ, dẫn đến hạn chế khả năng khai thác tự do của doanh nghiệp khởi nghiệp. Trường hợp doanh nghiệp sử dụng nguồn lực của trường đại học (phòng nghiên cứu, nguyên vật liệu, nguồn nhân lực) hoặc đã ký hợp đồng việc làm với trường đại học, trường đại học hoặc chủ thể tài trợ cho nghiên cứu có thể có yêu cầu toàn bộ hoặc một phần quyền đối với tài sản trí tuệ được tạo ra. Điều này phụ thuộc vào quy định của pháp luật và của trường đại học⁵; do đó, doanh nghiệp cần tìm hiểu kỹ quy định pháp luật và của trường đại học.

Tài trợ của các dự án hợp tác, tập đoàn và các chương trình nghiên cứu quốc tế cũng có thể quy định các điều khoản tương tự, dẫn đến hạn chế trong sử dụng và khai thác các tài sản trí tuệ được tạo ra từ nguồn kinh phí được tài trợ. Ngoài ra, dự án có thể yêu cầu các đối tác tham gia dự án chia sẻ tài sản trí tuệ thuộc sở hữu riêng với các bên còn lại. Nếu mô hình kinh doanh đòi hỏi doanh nghiệp khai thác tài sản trí tuệ được tạo

ra trong khuôn khổ hợp tác nhưng phải dựa vào tài sản trí tuệ thuộc sở hữu của một bên thứ ba, doanh nghiệp khởi nghiệp cần lưu ý kiểm tra khả năng tự do sử dụng.

Các doanh nghiệp khởi nghiệp cũng có thể hưởng lợi từ các cơ chế hỗ trợ đổi mới sáng tạo của chính phủ, ví dụ như ở Việt Nam có Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025” (Đề án 844), Dự án “Hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp có tính đổi mới sáng tạo” (ADB Ventures), Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa 2017; một số chế độ thuế cho phép các doanh nghiệp khấu trừ chi phí R&D trong tờ khai thuế, từ đó giảm chi phí. Các chương trình khác, như Hợp sáng chế cho phép doanh nghiệp hưởng ưu đãi về thuế đối với doanh thu tạo ra từ tài sản trí tuệ.

Bạn bè, gia đình và những kẻ ngốc (FFF)

Ở bất kỳ giai đoạn nào, các doanh nghiệp khởi nghiệp đều có thể tiếp cận nguồn vốn phi tổ chức từ bạn bè hoặc gia đình. Thông thường, đây là các khoản cho vay nhỏ, không có thỏa thuận chính thức và có thể không được hạch toán trong sổ sách của doanh nghiệp. Nếu có sử dụng nguồn vốn FFF, doanh nghiệp nên cẩn thận lưu lại thông tin về dòng vốn này để tránh các nghĩa vụ về thuế và pháp lý tiềm ẩn trong tương lai.

Nếu khi thành lập và ở giai đoạn đầu,

doanh nghiệp dựa vào vốn tự thân, quyền sở hữu trí tuệ có thể trở thành một vấn đề nếu có nhiều hơn một người đồng sáng lập. Cần phân chia quyền sở hữu trí tuệ càng sớm càng tốt. Điều này có thể được thể hiện trong thỏa thuận đồng sáng lập. Ví dụ: một người đồng sáng lập có thể góp vốn trong khi người kia cung cấp tài sản trí tuệ hoặc kiến thức kỹ thuật để tạo ra tài sản trí tuệ mới. Nên chuyển tất cả các quyền sở hữu tài sản trí tuệ cho doanh nghiệp và các đơn đăng ký nên được nộp dưới tên của doanh nghiệp thay cho cá nhân đồng sáng lập.

Nhà đầu tư thiên thần

Các nhà đầu tư thiên thần là những cá nhân đầu tư bằng tiền của chính họ, khác với các nhà đầu tư mạo hiểm - người quản lý quỹ của các nhà đầu tư thứ ba. Nhà đầu tư thiên thần có xu hướng đầu tư vào các lĩnh vực mà họ có kinh nghiệm chuyên môn hoặc có quan tâm. So với các quỹ đầu tư mạo hiểm, họ thường đầu tư số tiền nhỏ hơn nhưng sớm hơn. Bên cạnh vốn, nhà đầu tư thiên thần tốt còn chia sẻ kiến thức chuyên môn và hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp trong việc phát triển sản phẩm, kinh doanh, và sau đó là gọi vốn và quản trị. Giống như các quỹ đầu tư mạo hiểm, các nhà đầu tư thiên thần thường đổi khoản đầu tư của mình lấy cổ phần của doanh nghiệp. Do đó, họ quan tâm đặc biệt đến doanh nghiệp mà họ hỗ trợ, mặc dù không nhất

thiết phải liên quan đến tài sản trí tuệ doanh nghiệp đó tạo ra. Các nhà đầu tư thiên thần hiếm khi quan tâm đến việc sở hữu các tài sản trí tuệ cốt lõi của doanh nghiệp; nếu nhà đầu tư có yêu cầu như vậy, doanh nghiệp phải phản hồi một cách thận trọng. Ngược lại, các nhà đầu tư thường yêu cầu doanh nghiệp khởi nghiệp chuyển nhượng các quyền sở hữu trí tuệ liên quan cho doanh nghiệp mới, trong trường hợp chúng thuộc về một tổ chức khác như trường đại học hoặc một cá nhân như nhà đồng sáng lập.

Quyỹ đầu tư mạo hiểm và rủi ro

Các quỹ đầu tư mạo hiểm có tính định chế hơn so các nhà đầu tư thiên thần. Họ quản lý nguồn vốn của các nhà đầu tư khác, cá nhân có giá trị tài sản ròng cao hoặc quỹ của quỹ. Nhìn chung, các nhà đầu tư trong quỹ đầu tư mạo hiểm được gọi là “thành viên góp vốn”. Hầu hết các quỹ đầu tư mạo hiểm tập trung vào một lĩnh vực nhất định và có xu hướng đầu tư ở một số giai đoạn nhất định. Thông thường, số lượng đầu tư (được gọi là “phiếu chi trung bình”) khác nhau giữa các quỹ. Bởi vì các quỹ đầu tư mạo hiểm là quỹ đầu tư có tổ chức và có trách nhiệm ủy thác đối với các thành viên góp vốn nên các thủ tục thẩm định và quyết định đầu tư cần nhiều thời gian hơn so với nhà đầu tư thiên thần.

Khi các chủ doanh nghiệp thuyết trình với nhà đầu tư mạo hiểm cần từng bước chứng tỏ rằng lĩnh vực hoạt động và số

tiền doanh nghiệp đang gọi đáp ứng các tiêu chí đầu tư của quỹ. Một doanh nghiệp khởi nghiệp về ứng dụng dành cho thiết bị di động mong muốn gọi số vốn 500.000 USD thường sẽ không thành công khi gọi vốn từ quỹ đầu tư mạo hiểm trong lĩnh vực khoa học đời sống vì các quỹ này không bao giờ đầu tư ít hơn 2 triệu USD.

Các nhà khởi nghiệp gọi vốn không chỉ khi các dự án của công ty chưa tạo ra nguồn thu nhập mà cả khi công ty đã tạo ra dòng tiền dương (điều này dẫn đến bán cổ phần công ty) nhằm thúc đẩy tăng trưởng, thâm nhập thị trường mới, hoặc tung sản phẩm mới ra thị trường. Mục đích cuối cùng là gia tăng giá trị của công ty. Thông thường, cổ phần của các nhà sáng lập sẽ giảm đáng kể qua các vòng huy động vốn. Giá định ở đây là khi giá trị của công ty tăng lên, giá trị của mỗi cổ phiếu trong công ty cũng tăng theo. Nếu công ty hoạt động tốt và giá trị tổng thể của công ty đó tăng lên thì tỷ lệ cổ phần nhỏ hơn cũng tương đương với giá trị lớn hơn.

Để minh họa cho điều này, hãy tưởng tượng một nhà sáng lập nắm giữ 80% cổ phần trong một công ty khởi nghiệp được định giá 1 triệu USD. Giá trị vốn chủ sở hữu của người đó tương đương với 800.000 USD. Sau nhiều vòng đầu tư, giá trị của công ty tăng lên tới 500 triệu USD và cổ phần của người giảm xuống còn 10%. Tuy nhiên, giá trị vốn chủ sở hữu đã tăng lên đến 50 triệu USD.

Gia tăng giá trị của doanh nghiệp khởi nghiệp

Như đã trình bày ở trên, tài sản trí tuệ là một tài sản và có thể tạo ra giá trị. Giá trị này tạo điều kiện thuận lợi cho việc giao dịch thương mại và đồng thời tạo cơ sở cho việc gia tăng giá trị của doanh nghiệp. Trong nền kinh tế tri thức ngày nay, tài sản vô hình chiếm tỷ trọng lớn hơn, và tài sản hữu hình ngày càng chiếm tỷ trọng nhỏ hơn trong tổng giá trị của doanh nghiệp. Điều này đặc biệt đúng với các doanh nghiệp khởi nghiệp bởi nhiều doanh nghiệp chỉ dựa vào một ý tưởng đổi mới sáng tạo - một tài sản vô hình - và hầu như không có tài sản vật chất nào. Do đó, giá trị của những doanh nghiệp khởi nghiệp chính là giá trị của đổi mới sáng tạo cùng với kiến thức của những chủ thể sáng tạo.

Tuy nhiên, việc định giá tài sản trí tuệ thường rất phức tạp, khó khăn và đặc biệt là một thách thức đối với doanh nghiệp khởi nghiệp bởi lẽ tài sản trí tuệ của doanh nghiệp có thể vẫn chưa được hoàn thiện, vẫn còn đang trong giai đoạn nghiên cứu và phát triển, hoặc đang trong quá trình đăng ký bảo hộ. Giá trị của một tài sản trí tuệ cũng không ổn định. Nó thay đổi liên tục dưới sự tác động của nhiều yếu tố, bao gồm việc đăng ký sáng chế, kiểm định công nghệ, nhu cầu nhận chuyển giao của đối tác, nhu cầu đối với công nghệ, hoặc khả năng bị thay thế của công nghệ... Tương tự, thông báo từ chối đơn đăng ký sáng

chế, hay thách thức pháp lý đối với hình thức sở hữu hay sự xuất hiện của một sản phẩm khác nhưng có tính cạnh tranh, hay một rào cản pháp lý mới có thể làm giảm giá trị tài sản trí tuệ.

Mặc dù vậy, việc định giá nên được gắn với tiềm năng trong tương lai càng xa càng tốt. Đầu tiên, cần đặc biệt lưu ý về sự khác biệt trong giá trị tiềm năng của tài sản trí tuệ được doanh nghiệp khởi nghiệp thương mại hóa và khi được li-xăng cho một tập đoàn lớn. Trong trường hợp thứ nhất, tài sản trí tuệ có giá trị thấp hơn do những rủi ro gắn liền với doanh nghiệp khởi nghiệp. Tuy nhiên, nếu doanh nghiệp khởi nghiệp thành công trong các giai đoạn phát triển tiếp theo và kiểm định mô hình kinh doanh thì giá trị tài sản trí tuệ của công ty đó sẽ tăng lên, thậm chí cao hơn mức có được thông qua hoạt động li-xăng.

Cần nhắc các đặc điểm trên, việc định giá tài sản trí tuệ ở giai đoạn đầu phục vụ nhiều mục đích, bao gồm:

- Tính toán tỷ lệ vốn chủ sở hữu của bên góp tài sản trí tuệ cho doanh nghiệp khởi nghiệp (so với bên góp vốn). Ví dụ, đơn đăng ký bảo hộ bằng độc quyền sáng chế được định giá 100.000 USD và một bên khác sẵn sàng đầu tư số tiền tương đương vào doanh nghiệp. Trên cơ sở này, mỗi bên sẽ sở hữu 50% vốn chủ sở hữu của công ty khởi nghiệp, với điều kiện những yếu tố khác không ảnh hưởng đến cấu trúc vốn chủ sở hữu.

- Thu hút nhà đầu tư. Một doanh nghiệp

khởi nghiệp đang tìm kiếm vốn đầu tư cần được định giá để các nhà đầu tư tiềm năng có thể xác định chắc chắn khoản đầu tư của họ sẽ mua được bao nhiêu phần trăm vốn chủ sở hữu. Vậy nên, việc định giá tài sản trí tuệ có thể làm gia tăng giá trị của công ty đó, cho phép các nhà sáng lập tăng vốn chủ sở hữu của mình với cùng một khoản vốn đầu tư nhận được. Cho ví dụ, một nhà đầu tư sẵn sàng đầu tư 100.000 USD vào một công ty khởi nghiệp đang ở giai đoạn đầu. Nếu công ty khởi nghiệp đó được định giá 500.000 USD, nhà đầu tư sẽ nhận được 20% số vốn chủ sở hữu. Tuy nhiên, nếu nhà sáng lập có thể định giá doanh nghiệp khởi nghiệp ở mức 1 triệu USD dựa trên cơ sở định giá tài sản trí tuệ, các chủ sở hữu sẽ gia tăng số vốn cổ phần nắm giữ của chính họ và các nhà đầu tư sẽ nhận được 10% số vốn chủ sở hữu cho cùng một khoản đầu tư.

- Một công ty khởi nghiệp có thể sẽ muốn nhận chuyển giao quyền đối với tài sản trí tuệ thuộc sở hữu của bên thứ ba, ví dụ như trường đại học. Khi đó, giá trị của tài sản trí tuệ được chuyển giao sẽ ảnh hưởng đến chi phí thành lập của doanh nghiệp đó. Vì thế, công ty khởi nghiệp có thể thương lượng với chủ sở hữu quyền sở hữu trí tuệ một thỏa thuận khác (nhận chuyển giao quyền sau); gọi vốn từ nhà đầu tư (để có thể nhận chuyển giao), hoặc kế hoạch thanh toán phí chuyển giao chậm (phí chuyển giao sẽ được tích lũy lại và được thanh toán sau khi doanh nghiệp khởi nghiệp đã tạo

được dòng tiền dương).

- Tài sản trí tuệ cũng cần được định giá khi nó được bán, li-xăng, sử dụng như tài sản thế chấp cho một khoản vay hoặc để yêu cầu hưởng ưu đãi về thuế dành cho thương mại hóa tài sản trí tuệ (tại những quốc gia có chính sách tài khóa ưu đãi). Bên cạnh đó, một công ty có thể định giá toàn bộ danh mục tài sản trí tuệ của mình và thống kê là tài sản trong hệ thống kế toán để tính giá trị của công ty.

Bảng 1. Kích hoạt định giá TSTT

Phân loại	Kích hoạt định giá
Giao dịch	Li-xăng, Nhượng quyền, Mua hoặc bán TSTT, Mua bán & Sát nhập; bán bớt tài sản, Công ty thương mại hóa quyền SHTT, Liên doanh hoặc Liên minh chiến lược, Quyền góp TSTT
Thực thi quyền SHTT	Tính toán tổn thất khi quyền SHTT bị xâm phạm
Việc sử dụng trong nội bộ	Đầu tư vào Nghiên cứu và Phát triển Quản lý nội bộ TSTT Huy động vốn chiến lược và/hoặc gọi vốn chủ sở hữu/vốn quan hệ nhà đầu tư
Những mục đích sử dụng khác	Báo cáo tài chính Phá sản/đóng cửa công ty Tối ưu hồ sơ thuế Bảo hiểm cho TSTT

Có nhiều phương pháp định giá tài sản trí tuệ khác nhau⁶. Dưới đây là một số phương pháp phổ biến.

Phương pháp chi phí

Phương pháp chi phí căn cứ vào chi phí để tạo ra một tài sản trí tuệ tương tự (hoặc trùng) bằng nguồn lực nội bộ hoặc bên ngoài. Phương pháp này tính toán tất cả những chi phí trực tiếp, chi phí cơ hội và chi phí hao mòn. Kết quả cuối cùng về giá trị của tài sản trí tuệ là tất cả chi phí phát sinh trong quá trình phát triển, điều chỉnh lạm phát để cho giá trị hiện tại và điều chỉnh để bù đắp chi phí cho sự lỗi thời của tài sản đó.

Quá trình tính toán chi phí lỗi thời của một tài sản trí tuệ cần xem xét các khía cạnh chức năng, công nghệ và kinh tế. Lỗi thời về chức năng là chi phí vận hành

phát sinh thêm để sử dụng tài sản trí tuệ này thay cho các giải pháp thay thế tiên tiến khác. Lỗi thời về công nghệ xảy ra khi sự phát triển của công nghệ khiến một tài sản trí tuệ trở nên không còn giá trị. Ví dụ, bằng độc quyền sáng chế cho những phiên bản tiếp theo của ổ đĩa mềm của máy tính đời sau sẽ không có giá trị vì những công nghệ siêu việt hơn đã tồn tại trên thị trường. Sự lỗi thời kinh tế xuất hiện khi việc sử dụng một tài sản trí tuệ trong trạng thái tốt nhất của nó không tạo được ra tỷ suất hoàn vốn như mong đợi.

Phương pháp chi phí có hai biến thể. Phương pháp chi phí sao chép xem xét chi phí để tạo một bản sao của tài sản trí tuệ. Phương pháp chi phí thay thế xem xét chi phí sản xuất một tài sản trí tuệ tương tự cùng chức năng.

Phương pháp thị trường

Phương pháp thị trường so sánh tài sản trí tuệ với giá thực tế được trả cho một sản phẩm tương tự trong các điều kiện tương tự. Để sử dụng phương pháp này, cần có một thị trường đang hoạt động, một tài sản trí tuệ giống hệt, hoặc một nhóm tài sản trí tuệ tương tự. Nếu những tài sản này không hoàn toàn tương đương thì phải có biến kiểm soát khác biệt.

Việc định giá dựa trên hệ thống này sẽ chính xác hơn khi có nhiều thông tin về bản chất và phạm vi quyền được chuyển giao, bao gồm chi tiết về điều khoản, hoàn cảnh giao dịch (thỏa thuận li-xăng chéo, thỏa thuận li-xăng được thống nhất trong khuôn khổ giải quyết tranh chấp, ...)

Tuy nhiên, theo định nghĩa, tài sản trí tuệ là độc nhất. Rất khó tìm được một tài sản trí tuệ giống hoặc có độ tương đương cao. Hơn nữa, kể cả khi thành công tìm thấy những giao dịch liên quan đến tài sản trí tuệ tương đương thì việc có được thông tin chính xác về những giao dịch này là vô cùng khó vì chúng thường là những thông tin bảo mật.

Phương pháp thu nhập

Phương pháp thu nhập định giá một tài sản trí tuệ dựa trên những giá trị kinh tế mà tài sản đó được kỳ vọng tạo ra, được điều chỉnh theo giá trị hiện tại, là phương pháp định giá tài sản trí tuệ phổ biến nhất hiện nay.

Để ứng dụng phương pháp này, cần dự

đoán dòng doanh thu (chi phí tiết kiệm) được tạo ra bởi một tài sản trí tuệ trong phần thời gian hữu ích còn lại của nó, trừ đi các chi phí liên quan trực tiếp tới tài sản trí tuệ đó; đánh giá rủi ro; và cuối cùng là điều chỉnh về giá trị hiện tại bằng cách áp dụng tỷ lệ chiết khấu hoặc tỷ suất vốn hóa.

Một danh mục tài sản trí tuệ được quản lý tốt thể hiện một công ty khởi nghiệp nghiêm túc và trân trọng tài sản trí tuệ của mình và có hành động bảo vệ chúng. Điều này tạo niềm tin cho các cộng sự tiềm năng. Nó phản ánh môi trường làm việc thuận lợi, nơi các kết quả đổi mới sáng tạo được tôn trọng và bảo vệ, vì vậy việc liên doanh sẽ bền vững.

Chủ đề về cộng tác và sở hữu trí tuệ đang dần trở nên nổi cộm hơn trong bối cảnh “đổi mới sáng tạo mở”. Những doanh nghiệp thực hiện đổi mới sáng tạo mở tích cực thu hút những cộng sự từ bên ngoài để cải tiến sản phẩm, dịch vụ của mình và khuyến khích các ý tưởng từ bên ngoài tổ chức. Trước đây, đổi mới sáng tạo thường chỉ diễn ra trong môi trường khép kín; trong lòng các tổ chức và ít khi có đầu vào từ bên ngoài.

Ngày nay, việc các doanh nghiệp tìm kiếm đầu vào từ bên ngoài đã phổ biến hơn. Những doanh nghiệp nhỏ gia tăng tìm kiếm cơ hội tham gia các dự án lớn hơn và thể hiện sự sáng tạo, tiến bộ của mình thông qua hoạt động quản trị sở hữu trí tuệ để thu hút sự hợp tác của các công ty lớn. Mặc dù những mô hình

đổi mới sáng tạo mở có thể tạo ra nhiều cơ hội, doanh nghiệp khởi nghiệp cần thận trọng chú ý tới quyền sở hữu tài sản trí tuệ và những thỏa thuận li-xăng bởi đây có thể là những điều kiện hợp tác. Các bên cố gắng thu hút sự cộng tác thường yêu cầu đối tác của mình chuyển nhượng quyền sở hữu hoặc cấp quyền li-xăng phạm vi rộng. Điều này có thể không phù hợp với mô hình kinh doanh hoặc mong muốn của doanh nghiệp khởi nghiệp.

Ghi chú

1. Xem Trung tâm Thương mại Quốc tế và WIPO (2005). Trao đổi Giá trị, Thương lượng Giấy phép Công nghệ trong Các Thỏa thuận - Sách Hướng dẫn Đào tạo. www.wipo.int/edocs/pubdocs/en/licensing/906/wipo_pub_906.pdf; và WIPO (2015). Cấp phép Công nghệ thành công. www.wipo.int/edocs/pubdocs/en/licensing/903/wipo_pub_903.pdf.
2. Xem WIPO Green, Licensing Checklist. www3.wipo.int/wipogreen/docs/en/wipogreen_licensingchecklist_061216.pdf.
3. Tuy nhiên, bí mật thương mại có thể tồn tại mãi mãi. Một thỏa thuận có thể kéo dài hơn các đối tượng sở hữu trí tuệ trong đó, đặc biệt nếu các dịch vụ đang được cung cấp.
4. Để biết thêm thông tin về FTO, hãy xem phần Quản trị rủi ro liên quan đến sở hữu trí tuệ.
5. Để biết thêm về sự hình thành, hãy xem WIPO. “Chính sách về Sở hữu trí tuệ cho các trường đại học.” www.wipo.int/about-ip/en/university_research/ip_policies/index.html# toolkit.
6. Xem WIPO. IP PANORAMA. Mô-đun 11 về Định giá SHTT. www.wipo.int/export/sites/www/sme/en/Documents/pdf/ip_panorama_11_learning_points.pdf; và Bộ phận hỗ trợ về sở hữu trí tuệ châu Âu. “Bản tin - Định giá Sở hữu trí tuệ.” https://intellectual-property-helpdesk.ec.europa.eu/ip-business_en.

QUẢN TRỊ RỦI RO



NHỮNG Ý TƯỞNG TÁO BẠO

Cẩm nang về sở hữu trí tuệ dành cho doanh nghiệp khởi nghiệp

Sự thành công của một doanh nghiệp khởi nghiệp phụ thuộc rất nhiều vào việc nhận biết những rủi ro của việc xem nhẹ hệ thống sở hữu trí tuệ hay biết cách sử dụng quyền sở hữu trí tuệ để tăng cường năng lực cạnh tranh. Thất bại trong bảo vệ các thành quả đổi mới sáng tạo quan trọng của doanh nghiệp sẽ khiến doanh nghiệp đánh mất cơ hội đối với các quyền sở hữu trí tuệ đã nêu ở các phần trên, đánh mất cơ hội củng cố và mở rộng hoạt động kinh doanh. Thiếu hiểu biết về cách hoạt động của hệ thống sở hữu trí tuệ sẽ khiến doanh nghiệp bị khiếu kiện và phải chịu các chi phí không cần thiết. Doanh nghiệp khởi nghiệp nên ưu tiên tích hợp quản trị rủi ro về sở hữu trí tuệ vào chiến lược kinh doanh tổng thể của mình. Một số rủi ro quan trọng được mô tả dưới đây.

Thất bại trong bảo hộ và bảo hộ sớm

Như đã thảo luận ở trên, một doanh nghiệp khởi nghiệp dựa trên công nghệ được thành lập để đưa ra thị trường một sản phẩm hoặc dịch vụ đổi mới sáng tạo, đôi khi là một sản phẩm hoặc dịch vụ duy nhất. Đổi mới sáng tạo thường là nguồn giá trị chính hoặc duy nhất. Đối với các doanh nghiệp khởi nghiệp như vậy, một trong những rủi ro lớn nhất là tài sản bị một bên thứ ba chiếm mất vì đã không thực hiện việc bảo hộ quyền, từ đó làm sụp đổ cả mô hình kinh doanh. Do đó, mọi doanh nghiệp khởi nghiệp nên hành động để bảo vệ thành quả đổi mới sáng

tạo của mình và ngăn chặn hành vi chiếm đoạt của chủ thể khác. Các hành động quản trị rủi ro có thể bao gồm:

- Sớm đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ;
- Tuân thủ các mốc thời gian và thời hạn của việc đăng ký; soạn thảo các yêu cầu bảo hộ sáng chế chính xác để ngăn chặn hành vi gian lận;
- Xác lập quyền sở hữu trí tuệ ở tất cả các thị trường có liên quan; và
- Bảo vệ tất cả các kết quả cải tiến sau đó.

Vi quyền sở hữu trí tuệ mang tính lãnh thổ nên chiến lược bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ của một doanh nghiệp khởi nghiệp cần bao gồm tất cả các thị trường mà doanh nghiệp đó quan tâm. Khi đã được bảo hộ, doanh nghiệp phải tiếp tục duy trì hiệu lực bằng cách nộp đầy đủ các khoản phí liên quan.

Ngăn chặn rò rỉ thông tin

Các doanh nghiệp khởi nghiệp cũng phải chịu rủi ro trong việc giữ bí mật các tài sản trí tuệ tiềm năng cho đến khi nộp đơn đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ. Như đã lưu ý trước đó trong ấn phẩm này, nếu thành quả đổi mới sáng tạo hoặc kiểu dáng sản phẩm của một doanh nghiệp bị bộc lộ công khai (kể cả với một số ít người), nó sẽ bị coi là mất tính mới và không đáp ứng điều kiện bảo hộ (trừ trường hợp việc

công bố được diễn ra trong giai đoạn ân hạn). Nếu điều này xảy ra, nó có thể ngay lập tức làm đình trệ hoạt động của doanh nghiệp. Tương tự như vậy, bí mật kinh doanh đã được bộc lộ cũng không được bảo hộ trừ trường hợp việc tiết lộ xảy ra trong khuôn khổ của một thỏa thuận bảo mật. Do đó, các doanh nghiệp khởi nghiệp nên ưu tiên chuẩn bị và thực hiện các thỏa thuận bảo mật và nguyên tắc bảo mật với nhân viên và với các bên thứ ba, bao gồm nhà cung cấp, đối tác và khách hàng.

Thất bại trong nhận chuyển nhượng quyền sở hữu

Nhân viên, nhà cung cấp thứ ba hoặc nhà thầu có thể đóng góp hoặc chịu trách nhiệm về các thành quả đổi mới sáng tạo. Doanh nghiệp khởi nghiệp không nên mặc định rằng mình có quyền sở hữu tất cả kết quả làm việc của nhân viên hoặc nhà thầu. Trong các trường hợp đó, cần nghiên cứu cụ thể các quy định pháp luật.

Ở một số quốc gia, khi sáng chế được tạo ra trong khuôn khổ hợp đồng lao động, pháp luật sẽ tự động công nhận quyền sở hữu thuộc về người sử dụng lao động. Tuy nhiên, xét đến việc nhiều doanh nghiệp khởi nghiệp có thể hoạt động xuyên quốc gia và pháp luật của các quốc gia có thể khác nhau, các doanh nghiệp nên quy định các điều khoản liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ trong các thỏa thuận lao động. Cần

thận trọng phân tích việc tài sản trí tuệ sẽ được sử dụng như thế nào trong hiện tại và trong tương lai khi công ty phát triển. Luôn xem xét pháp luật quốc gia, vì có thể tồn tại những quy định cho phép người lao động tạo ra thành quả đổi mới sáng tạo quyền từ chối đầu tiên hoặc quy định người sử dụng lao động có nghĩa vụ đền đáp đối với người lao động...

Với những lý do tương tự, khi chuẩn bị hợp đồng với các bên thứ ba, doanh nghiệp khởi nghiệp cần làm rõ vấn đề quyền sở hữu đối với tài sản trí tuệ. Khi nhà thầu tạo ra sản phẩm có trình độ sáng tạo, hợp đồng nên có điều khoản yêu cầu nhà thầu chuyển nhượng quyền sở hữu cho doanh nghiệp đối với tất cả các sản phẩm cần thiết cho sự thành công của mối quan hệ liên doanh. Trong trường hợp không có quy định như vậy, đặc biệt đối với công việc sáng tạo như phát triển phần mềm, thiết kế trang web và nhiếp ảnh, quyền sở hữu thường được mặc định thuộc về nhà thầu trừ khi sản phẩm đó được chính thức chuyển nhượng cho doanh nghiệp. Một lần nữa, các doanh nghiệp khởi nghiệp nên lường trước, nghiên cứu pháp luật quốc gia và, phân định quyền sở hữu đối với các tài sản trí tuệ trong tất cả các thỏa thuận lao động và hợp đồng với bên ngoài. Hợp đồng phải nêu rõ rằng tất cả các kết quả đổi mới sáng tạo do nhân viên tạo ra hoặc bên thứ ba được ủy thác tạo ra sẽ được chuyển nhượng cho doanh nghiệp.

Cũng có thể xảy ra trường hợp khi một doanh nghiệp khởi nghiệp có nhiều nhà đồng sáng lập, tất cả đều đóng góp vào việc tạo ra và phát triển ý tưởng sản phẩm ban đầu. Nếu một trong số họ rời đi mà không chuyển nhượng quyền sở hữu cho doanh nghiệp thì doanh nghiệp có thể ở trong tình thế không còn sở hữu tài sản trí tuệ mà nó cần để tiếp tục hoạt động kinh doanh của mình nữa.

Tương tự như cách một công ty khởi nghiệp thuê nhân viên hoặc ký hợp đồng với bên thứ ba, các công ty lớn hơn ký hợp đồng với các công ty nhỏ hơn để làm một số công việc nhất định. Điều này thường xuyên xảy ra trong các môi trường đổi mới sáng tạo mở, nơi các công ty lớn thường yêu cầu các công ty nhỏ hơn có chuyên môn giải quyết các vấn đề kỹ thuật cụ thể. Khi đó, công ty khởi nghiệp đang ở vị trí của một nhà thầu. Trước khi thực hiện công việc, công ty khởi nghiệp nên làm rõ với công ty lớn về việc ai có quyền sở hữu trí tuệ đối với kết quả của công việc. Một thỏa thuận có thể sẽ trở nên đặc biệt phức tạp nếu công ty khởi nghiệp phát triển một giải pháp mới (tài sản trí tuệ được tạo ra trong phạm vi hợp đồng) dựa vào sử dụng tài sản trí tuệ của bên thứ ba (tài sản trí tuệ được tạo ra trước khi thực hiện hợp đồng). Trong trường hợp như vậy, cần thiết phải làm rõ những quyền nào được phân chia cho ai và những hạn chế đối với việc sử dụng tài sản trí tuệ được tạo ra. Đây là những vấn đề phức tạp cần được nghiên cứu kỹ lưỡng và

đàm phán từ đầu.

Mục đích của công ty khởi nghiệp là đảm bảo rằng nó có các quyền rõ ràng đối với tài sản trí tuệ mà nó tạo ra. Nếu không thể có quyền sở hữu, công ty khởi nghiệp nên có quyền sử dụng tài sản trí tuệ đó cho các mục đích đã thỏa thuận. Đối với tài sản vật chất, mục tiêu là làm rõ việc ai sở hữu nó.

Tránh các vụ kiện tụng

Những vụ kiện tốn kém và có thể làm sụp đổ các doanh nghiệp khởi nghiệp thiếu hụt nguồn lực để có thể đối chọi lại những luật sư tranh tụng hiếu chiến. Khởi kiện là phương pháp được các công ty lớn (hoặc bất cứ đối thủ cạnh tranh nào có đầy đủ nguồn lực) đặc biệt ưu tiên để hạ gục một công ty khởi nghiệp trẻ tiềm năng. Đồng thời, các doanh nghiệp khởi nghiệp cũng phải đối mặt với rủi ro từ các “thực thể không thực hành” (thường được gọi bằng một cái tên đầy châm biếm “chơi khăm bằng sáng chế”) có mô hình kinh doanh dựa trên việc tìm kiếm những công ty nhỏ sử dụng công nghệ độc quyền của bên thứ ba và đe dọa khởi kiện trừ khi họ đề nghị cấp li-xăng.

Những rủi ro như vậy có thể được giảm thiểu hoặc ngăn chặn bằng cách kiểm tra các quyền của bên thứ ba và đảm bảo rằng chúng không bị xâm phạm. Tất cả các quyền sở hữu trí tuệ đang được bảo hộ đều có thể tra cứu được (thường là 18 tháng sau khi nộp đơn đối với các đơn đăng ký sáng chế) nên các công ty

khởi nghiệp có thể dễ dàng kiểm tra và xác nhận rằng họ không sử dụng công nghệ, chỉ dẫn thương mại và kiểu dáng thuộc sở hữu của chủ thể khác. Tương tự như vậy, các công ty khởi nghiệp nên đảm bảo không xâm phạm quyền tác giả hoặc truy cập bất hợp pháp các bí mật kinh doanh của chủ thể khác. Mọi sai lầm có thể dẫn đến những vụ kiện tụng tốn kém, khiến một công ty mất nhiều thời gian hoặc bị ảnh hưởng đến danh tiếng.

Phân tích khả năng tự do sử dụng (FTO)

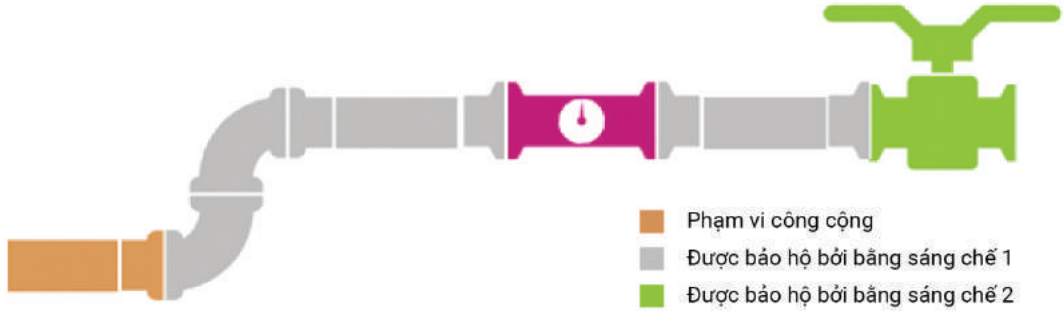
Một công ty khởi nghiệp có thể có quyền sở hữu tài sản trí tuệ đối với những đổi mới sáng tạo của mình; nhưng bản thân những quyền này chưa đủ để thương mại hóa sản phẩm. Lý do là hầu hết các quyền sở hữu trí tuệ, đặc biệt là sáng chế, là quyền “ngăn cấm”¹. Chủ sở hữu bằng độc quyền sáng chế không có quyền tự động sử dụng và khai thác sáng chế được nêu trong bằng độc quyền sáng chế của mình. Bằng độc quyền sáng chế chỉ trao cho chủ sở hữu quyền ngăn cấm người khác sử dụng sáng chế đang được bảo hộ. Theo đó, một công ty khởi nghiệp có thể cần quyền đối với những tài sản trí tuệ khác để đưa sản phẩm của mình ra thị trường.

Ví dụ, hãy tưởng tượng một công ty khởi nghiệp muốn thương mại hóa một trạm sạc sáng tạo kiểu mới cho xe máy điện. Thiết kế của sản phẩm bao gồm một

cáp sạc có thể rút gọn lại. Tại thị trường nơi doanh nghiệp sẽ sản xuất hoặc bán sản phẩm, một công ty đang sở hữu bằng độc quyền sáng chế cho hệ thống rút gọn. Do đó, để bán bộ sạc sáng tạo với dây cáp có thể rút vào, doanh nghiệp khởi nghiệp cần sự cho phép của công ty kia. Nếu doanh nghiệp khởi nghiệp đưa ra thị trường sản phẩm của mình mà không được phép, rất có thể công ty sở hữu bằng độc quyền sáng chế về hệ thống rút gọn kia sẽ có biện pháp can thiệp. Họ có thể yêu cầu doanh nghiệp khởi nghiệp ngừng sử dụng cáp hoặc bồi thường thiệt hại cho việc sử dụng trái phép tài sản trí tuệ của họ.

Để tránh các trường hợp như vậy, các doanh nghiệp khởi nghiệp cần tra cứu về quyền sở hữu trí tuệ của bên thứ ba có khả năng ngăn cản quá trình đưa ra thị trường sản phẩm của mình tại thị trường mục tiêu. Đó được gọi là phân tích FTO.² Để hiểu cách thức hoạt động của FTO trong thực tế, hãy xem xét ví dụ giả định sau đây về phân tích FTO ở một quốc gia nhất định.

Hình 7. Một ví dụ về phân tích FTO) Sản phẩm A, các thành phần của nó và các bằng độc quyền sáng chế bảo hộ các thành phần đó



- Một doanh nghiệp khởi nghiệp muốn sản xuất và bán sản phẩm A. Họ muốn kinh doanh sản phẩm của mình dưới tên “Jambu.”

- Sản phẩm được cấu tạo từ bảy thành phần riêng biệt.

- Doanh nghiệp có hai đơn đăng ký sáng chế đang trong quá trình xử lý năm trong số bảy thành phần (màu xám và màu hồng trong hình).

- Trình kết nối (màu cam) là một thành phần quan trọng thuộc tài sản công cộng.

- Van (màu xanh lá cây) nằm trong bằng độc quyền sáng chế của một bên thứ ba.

- Nhãn hiệu được đề xuất sử dụng là “Jambu” đã được cấp độc quyền cho một công ty khác, cho một loại sản phẩm khác.

Trong ví dụ này, doanh nghiệp khởi nghiệp gặp vấn đề là van (màu xanh lá cây) đã được bảo hộ độc quyền

sáng chế cho một bên thứ ba. Doanh nghiệp có các lựa chọn sau:

- Loại bỏ van đang được bảo hộ khỏi sản phẩm cuối cùng.

- Áp dụng một thiết kế khác để tránh sử dụng “van” đang được bảo hộ.

- Mua lại bằng độc quyền sáng chế hoặc yêu cầu nhận li-xăng từ chủ sở hữu bằng độc quyền sáng chế để sử dụng công nghệ “van” đó.

- Đánh giá hiệu lực của bằng độc quyền sáng chế đó.

Sản phẩm dường như sẽ không hoạt động được nếu không có bộ phận “van” đó, vì vậy phương án đầu tiên có thể không khả thi. Nếu doanh nghiệp khởi nghiệp không thể thiết kế một thành phần “van” thay thế, doanh nghiệp có thể tiếp cận chủ sở hữu bằng độc quyền sáng chế để yêu cầu mua lại hoặc đề nghị cấp li-xăng. Tuy nhiên, nếu chủ sở hữu bằng sáng chế không muốn bán hoặc li-xăng hoặc mức giá đưa ra quá

cao so với khả năng của doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp có thể buộc phải từ bỏ dự án, hoặc cố gắng hủy bỏ hiệu lực văn bằng bảo hộ sáng chế nhưng cũng tốn kém và không chắc chắn. Những kết quả này có thể gây tổn hại nghiêm trọng cho một doanh nghiệp khởi nghiệp sau khi đầu tư lượng lớn thời gian và nguồn lực để phát triển và thương mại hóa sản phẩm.

Mặc dù vấn đề FTO thường được đề cập đến trong lĩnh vực sáng chế, tuy nhiên những đối tượng sở hữu trí tuệ khác cũng có nhiều thách thức liên quan tới FTO. Ví dụ, doanh nghiệp khởi nghiệp trong ví dụ trên mong muốn đặt tên cho sản phẩm là “Jambu”. Thế nhưng doanh nghiệp này phát hiện ra rằng tên “Jambu” đã được cấp độc quyền và sử dụng cho một sản phẩm khác. Trong trường hợp này, doanh nghiệp vẫn có thể được sử dụng tên này bởi nhãn hiệu có thể cùng tồn tại trong một vùng lãnh thổ cho những loại sản phẩm khác nhau, trừ phi nhãn hiệu cho một trong hai sản phẩm được đánh giá là “nhãn hiệu nổi tiếng” (trong trường hợp này sẽ có một số sự hạn chế).

Hãy cùng hình dung một ví dụ khác, một doanh nghiệp khởi nghiệp muốn sản xuất phần cứng nhưng cần một phần mềm đang được bảo hộ quyền tác giả để chạy phần cứng đó, hoặc để tương thích với những hệ thống khác. Hay một doanh nghiệp khởi nghiệp phát triển một ứng dụng trên điện thoại di động nhưng cần sử dụng giao diện lập trình ứng dụng (API), hoặc những bộ công

cụ phát triển phần mềm (SDK). Đối với quyền tác giả, giấy phép nguồn mở cho phần mềm có thể bị ràng buộc với các nghĩa vụ hợp đồng nhằm ngăn doanh nghiệp khai thác thương mại những mã nguồn gốc, hoặc bộc lộ công khai mã nguồn của mình.

Một doanh nghiệp khởi nghiệp cần thực hiện phân tích FTO trong từng khu vực địa lý mà sản phẩm của nó được dự định thương mại hóa. Bởi vì quyền sở hữu trí tuệ chỉ có giá trị pháp lý trong phạm vi quốc gia hoặc khu vực mà nó được đăng ký, bảo hộ, kết quả phân tích FTO ở các quốc gia là khác nhau.

Với tất cả những lý do đã được nêu trên, doanh nghiệp khởi nghiệp nên phân tích FTO sớm nhất có thể ở mọi thị trường mà doanh nghiệp quan tâm, nên thực hiện phân tích này trước khi phân bổ những nguồn lực quan trọng cho phát triển một sản phẩm. Những doanh nghiệp khởi nghiệp bỏ qua vấn đề này thường phải trả nhiều tiền hơn cho việc tiếp cận công nghệ, phải đối mặt với những rủi ro kiện tụng và bị ảnh hưởng danh tiếng. Khi doanh nghiệp khởi nghiệp không đủ nguồn lực để thực hiện phân tích FTO một cách toàn diện ở tất cả các thị trường quan tâm, doanh nghiệp đó cần lựa chọn ưu tiên (thị trường, đặc điểm, hoặc chủ sở hữu bằng độc quyền sáng chế gắn với rủi ro cao nhất...).

Tránh lãng phí thời gian và nguồn lực

Nhiều doanh nghiệp khởi nghiệp mắc sai lầm khi “rơi vào lưới tình” với ý tưởng của mình mà không kiểm tra liệu rằng ý tưởng này có thực sự mới hay không; họ đơn thuần mặc định rằng không một ai khác có cùng ý tưởng hay ý tưởng tương tự. Thiếu sót này có thể dẫn sản phẩm và cả doanh nghiệp đi đến thất bại. Nếu chủ thể khác đã có ý tưởng sản phẩm trùng hoặc tương tự và đã có biện pháp bảo hộ quyền của họ trên thị trường mà doanh nghiệp khởi nghiệp này đang quan tâm, thì doanh nghiệp khởi nghiệp sẽ không thể thâm nhập những thị trường này nữa. Vì vậy, những doanh nghiệp khởi nghiệp phải cố gắng hiểu rõ bối cảnh cạnh tranh. Việc này sẽ cung cấp cho doanh nghiệp những thông tin cần thiết và giúp họ tránh những sự cố bất đáng tiếc và tốn kém. Một doanh nghiệp khởi nghiệp hiểu rõ bối cảnh cạnh tranh có thể tập trung những kế hoạch nghiên cứu và phát triển vào các lĩnh vực có nhiều cơ hội, chuyển hướng hoặc tái cấu trúc quá trình phát triển nếu cần, điều chỉnh mô hình kinh doanh, định vị các đối tác và đối thủ cạnh tranh tiềm năng, hay đơn giản là từ bỏ ý tưởng.

Những cơ sở dữ liệu công khai là những nguồn thông tin quan trọng hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp đưa ra quyết định và tránh sai lầm. Một số cơ sở dữ liệu sáng chế chứa các đơn đăng ký sáng chế và văn bằng bảo hộ độc quyền sáng chế đã được cấp, cũng như cơ sở dữ liệu nhãn hiệu và kiểu dáng, được tiếp cận miễn

phí. Những cơ sở dữ liệu này là nguồn thông tin quan trọng về kỹ thuật, pháp lý và kinh doanh.

Ghi chú

1. Cần lưu ý rằng trong một phân tích FTO đối với bằng độc quyền sáng chế, yêu cầu bảo hộ (một phần của tài liệu sáng chế) xác định phạm vi bảo hộ của bằng độc quyền sáng chế. Các tài liệu được bộc lộ cho mục đích phân tích FTO không được bộc lộ ở nơi nào khác.
2. Xem thêm “IP and Business: Launching a New Product: freedom to operate.” Trích từ W/PO Magazine, September 2005. www.wipo.int/wipo_magazine/en/2005/05/article_0006.html.

KHAI THÁC CƠ SỞ DỮ LIỆU VỀ SỞ HỮU TRÍ TUỆ



Khi doanh nghiệp khởi nghiệp nộp đơn đăng ký sáng chế, nhãn hiệu hay kiểu dáng công nghiệp, cơ quan sở hữu trí tuệ quốc gia hoặc khu vực sẽ công bố đơn sau một khoảng thời gian nhất định, cụ thể phụ thuộc vào đối tượng sở hữu trí tuệ và pháp luật quốc gia. Tại Việt Nam, Cục Sở hữu trí tuệ sẽ công bố đơn trên Công báo sở hữu công nghiệp sau khi có quyết định chấp nhận đơn hợp lệ trong thời hạn được nêu ở phần đầu của ấn phẩm này. Cơ sở dữ liệu về sáng chế, nhãn hiệu và kiểu dáng công nghiệp cung cấp những thông tin quan trọng về pháp lý, kỹ thuật và kinh doanh được tiếp cận miễn phí nếu có kết nối Internet. Những cơ sở dữ liệu này là nguồn tài nguyên hữu ích cho các doanh nghiệp khởi nghiệp trong suốt vòng đời kinh doanh về các vấn đề từ khai thác đến quản lý rủi ro.

Cơ sở dữ liệu sáng chế

Để được cấp bằng độc quyền sáng chế, người nộp đơn cần bộc lộ thông tin đủ chi tiết về sáng chế để người có chuyên môn trong lĩnh vực có thể hiểu được. Thông tin này sẽ được lưu trữ trong cơ sở dữ liệu sáng chế:

- Chứa những thông tin chi tiết về các giải pháp kỹ thuật.
- Thường là một nguồn duy nhất, chứa thông tin không có sẵn ở nơi khác. Bao phủ hoạt động khoa học và kỹ thuật trong các lĩnh vực ở phạm vi rộng.
- Phân loại theo hệ thống phân loại

sáng chế quốc tế, thuận lợi cho tra cứu.

Doanh nghiệp khởi nghiệp có thể tham khảo các cơ sở dữ liệu miễn phí sẵn có trên trang thông tin trực tuyến của Cục Sở hữu trí tuệ¹ hay Cơ sở dữ liệu sáng chế của Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới PATENTSCOPE². Những nguồn cơ sở dữ liệu nêu trên chứa cơ sở dữ liệu bằng độc quyền sáng chế cấp quốc gia và cấp khu vực. Ngoài ra, còn có các cơ sở dữ liệu do các tổ chức mang tính khu vực cung cấp như Espacenet hay bởi các tổ chức tư nhân như Google Patents và Lens.org. Những nhà cung cấp dịch vụ thương mại tư nhân cũng cung cấp các cơ sở dữ liệu có thu phí và có chức năng tìm kiếm và phân tích phức tạp. Các nhà cung cấp này bao gồm Derwent Innovation, Questel Orbit, PatBase, TotalPatentOne, Ambercite, PatSeer, PatSnap, WIPS Global và East Linden. Các doanh nghiệp khởi nghiệp có thể truy cập vào các cơ sở dữ liệu miễn phí nêu trên hoặc với mức phí ưu đãi tùy thuộc vào từng quốc gia theo chương trình Thông tin sáng chế chuyên ngành (ASPI) của WIPO³. Việt Nam chưa nằm trong danh sách này. Tuy nhiên, Cục Sở hữu trí tuệ Việt Nam có cung cấp dịch vụ tư vấn tra cứu sở hữu trí tuệ miễn phí. Việt Nam cũng đã thiết lập mạng lưới TISC (Technology and Innovation Support Centers - mạng lưới các trung tâm hỗ trợ công nghệ và đổi mới sáng tạo) do WIPO khởi xướng trên phạm vi toàn cầu. Hoạt động của mạng lưới nhằm thúc đẩy khai thác

thông tin sở hữu công nghiệp và xác lập quyền sở hữu trí tuệ. Thông tin chi tiết về mạng lưới có thể tham khảo trên trang thông tin trực tuyến của WIPO⁴.

Tìm hiểu thông tin trong cơ sở dữ liệu sáng chế giúp các doanh nghiệp khởi nghiệp:

Tránh trùng lặp trong hoạt động nghiên cứu và phát triển.

Đánh giá khả năng được cấp bằng độc quyền sáng chế.

Tránh xâm phạm sáng chế của bên thứ ba.

Đánh giá khả năng cạnh tranh và giá trị đặc biệt của các sáng chế.

Khai thác các công nghệ được mô tả trong các đơn đăng ký sáng chế chưa được cấp văn bằng, các bằng sáng chế không có hiệu lực ở một số quốc gia hoặc không còn hiệu lực.

Thu thập thông tin về các hoạt động đổi mới sáng tạo và định hướng tương lai của các đối thủ cạnh tranh.

Cải thiện việc lập kế hoạch cho các quyết định kinh doanh liên quan đến li-xăng, đối tác công nghệ, hay sáp nhập và mua lại.

Sử dụng cơ sở dữ liệu và phân tích toàn cảnh sáng chế

“Lập bản đồ sáng chế” hay “phân tích toàn cảnh bằng sáng chế” là tra cứu và phân tích một cách có hệ thống các bằng sáng chế hiện có trong một lĩnh

vực công nghệ nhất định. Phương pháp biểu đồ mô tả toàn cảnh một lĩnh vực công nghệ, các giải pháp kỹ thuật đang tồn tại và doanh nghiệp dẫn đầu hoặc mới nổi trong lĩnh vực đó. Nó dựa vào phương pháp tìm kiếm tối ưu sử dụng các thuật ngữ và từ khóa tìm kiếm, kỹ hiệu phân loại sáng chế từ hệ thống Phân loại bằng sáng chế quốc tế (IPC) hoặc Phân loại sáng chế hợp tác (CPC), và một chuỗi các công cụ tìm kiếm. Đây là một quá trình lặp lại. Khi bộ dữ liệu liên quan được hoàn thành, các lĩnh vực sáng chế được phân tích, minh họa, cung cấp những thông tin định tính và định lượng tạo nên lợi thế cạnh tranh cho các doanh nghiệp khởi nghiệp, viện nghiên cứu cũng như các công ty đa quốc gia. Loại thông tin được sử dụng để phân tích, trình bày hoặc tính toán rất đa dạng, phụ thuộc vào mục tiêu của việc phân tích toàn cảnh.

Phân tích sáng chế có thể cung cấp một khối lượng thông tin lớn, bao gồm:

- Xu hướng công nghệ trong lĩnh vực mục tiêu. Với nhịp độ thay đổi nhanh chóng của thế giới hiện nay, một số công nghệ sớm bị lỗi thời trong khi những công nghệ khác bùng nổ như trí tuệ nhân tạo, được thúc đẩy bởi sự gia tăng các nguồn dữ liệu lớn. Nếu các công ty có thể xác định vị trí công nghệ của họ trên đường cong công nghệ S5 và xu hướng phát triển của các công nghệ mục tiêu, họ sẽ có chiến lược thương mại hoá và nghiên cứu và phát triển tập trung. Những thông tin này giúp xác định đỉnh điểm của các

hoạt động sáng chế, những khu vực tồn tại nhiều đối thủ cạnh tranh có thể hạn chế gia nhập thị trường (đại dương đỏ) và những lĩnh vực có ít hoạt động sáng chế (đại dương xanh) nơi hoạt động cạnh tranh ít căng thẳng hơn. Các doanh nghiệp khởi nghiệp có xu hướng tìm kiếm những cơ hội tiềm năng nhất trong những khu vực gần như chưa được khai thác, được gọi là “khoảng trắng”. Có một số loại phân tích và dịch vụ tập trung xác định các “khoảng trắng” này.

- Các chủ thể quan trọng trong lĩnh vực. Phân tích dữ liệu bằng sáng chế giúp xác định những doanh nghiệp dẫn đầu, doanh nghiệp mới gia nhập, những đối tác và đối thủ tiềm năng cũng như sự tiến triển trong hoạt động sáng chế của họ theo thời gian. Phương pháp này có thể làm nổi bật mối quan hệ giữa những nhà đầu tư quan trọng, kết nối của họ với nhiều chủ thể khác, và cả quan hệ hợp tác, thường được thể hiện qua việc nộp đơn đăng ký cùng nhau. Thông tin này mô tả các mối quan hệ hợp tác giữa các chủ thể, bao gồm giới học thuật, doanh nghiệp khởi nghiệp và công ty spin off. Bên cạnh đó, thông tin về nhà sáng chế cũng hé mở những mối liên hệ trong quá khứ và hiện tại, cũng như hợp tác và cùng tiến hành nghiên cứu.

Cơ sở dữ liệu nhãn hiệu và kiểu dáng công nghiệp

Trước khi đầu tư thời gian, nguồn lực và lựa chọn một nhãn hiệu hoàn hảo có thể

truyền đạt tất cả những giá trị mà doanh nghiệp tin tưởng ở sản phẩm của mình, doanh nghiệp khởi nghiệp cần thực hiện tra cứu thông tin nhãn hiệu. Việc này giúp đảm bảo rằng chưa có nhãn hiệu nào trùng hoặc tương tự đã được chủ thể khác đăng ký hoặc sử dụng cho những sản phẩm trùng hoặc tương tự. Doanh nghiệp có thể bắt đầu với bước đơn giản nhất là tìm kiếm qua Internet để kiểm tra nhãn hiệu dự định của họ có đang được sử dụng hay không. Sau đó, có thể tra cứu với cơ sở dữ liệu nhãn hiệu của các cơ quan nhãn hiệu quốc gia và khu vực hoặc Cơ sở dữ liệu nhãn hiệu toàn cầu của WIPO⁶. Tốt hơn hết, doanh nghiệp có thể tìm kiếm sự hỗ trợ của một đại diện sở hữu công nghiệp. Kiểu dáng công nghiệp cũng vậy, cần kiểm tra xem có kiểu dáng trùng hoặc tương tự nào đã được đăng ký hay không. Cơ sở dữ liệu kiểu dáng toàn cầu quản lý bởi WIPO là một nguồn dữ liệu hữu ích⁷.

Quyền tác giả

Việc tra cứu quyền tác giả khó thực hiện hơn vì không phải tất cả các quốc gia đều yêu cầu đăng ký quyền tác giả và việc đăng ký quyền tác giả là tự nguyện. Tuy nhiên, doanh nghiệp có thể tra cứu trực tuyến, tập trung vào những doanh nghiệp có năng lực cạnh tranh hoặc những ý tưởng kinh doanh có thể liên quan đến những tác phẩm đã được đăng ký quyền tác giả, từ đó xác định trách nhiệm hoặc cơ hội liên quan đến

các tài sản trí tuệ tiềm năng. Như đã đề cập từ trước, quyền tác giả bảo hộ hình thức thể hiện thay vì bản thân ý tưởng. Do đó, hoàn toàn có thể tạo ra những tác phẩm gốc độc lập dựa trên tác phẩm đã được đăng ký quyền tác giả. Ví dụ đối với lập trình phần mềm, cùng một kết quả có thể đạt được bằng nhiều cách khác nhau nên có thể viết nên mã mới mà không xâm phạm quyền của bên thứ ba. Cũng tương tự, đôi khi doanh nghiệp có thể nhận li-xăng để phát triển một ý tưởng dựa trên một tác phẩm đã tồn tại. Doanh nghiệp sẽ có lợi thế cạnh tranh nếu tác phẩm mới dễ sử dụng, thực tế và thu hút hơn, hoặc được phân phối ra thị trường một cách hiệu quả hơn.

Tên miền

Như đã đề cập ở phần trên, doanh nghiệp khởi nghiệp nên kiểm tra xem liệu tên miền mong muốn có còn sử dụng được không⁸. Nếu không, doanh nghiệp phải chọn tên miền khác hoặc mua lại tên này từ người đang dùng nếu họ sẵn sàng bán lại. Doanh nghiệp cũng có thể điều chỉnh tên miền hoặc đăng ký dưới các gTLD khác, bao gồm gTLD mới, thường có khả năng sẵn sàng cao hơn, và cả ccTLD. (Để hiểu thêm về tên miền, xem phần Phân biệt hàng hóa trên thị trường).

Ghi chú

1. <http://ipvietnam.gov.vn>
2. www.wipo.int/patentscope/en/
3. www.wipo.int/asp/
4. <https://www.wipo.int/tisc/en/search/>
5. Đường cong S công nghệ là một minh họa trên đồ thị về vòng đời của một công nghệ cụ thể, trong đó thể hiện sự bắt đầu, tăng trưởng, trưởng thành và bão hòa của công nghệ đó.
6. Xem WIPO. Global Brand Database. www.wipo.int/reference/en/b_randdb.
7. Xem WIPO. Global Design Database. www.wipo.int/reference/en/designdb.
8. Xem ICANN. Domain Name Registration Data Lookup. <https://lookup.icann.org/lookup>.

KIỂM TOÁN SỞ HỮU TRÍ TUỆ



Kiểm toán sở hữu trí tuệ¹ là rà soát có hệ thống các tài sản trí tuệ một doanh nghiệp đang sở hữu, sử dụng hay tiếp nhận. Kiểm toán sở hữu trí tuệ giúp các doanh nghiệp đánh giá và quản trị rủi ro, khắc phục các vấn đề, thực hiện quản lý tài sản trí tuệ một cách tốt nhất. Thông qua rà soát các tài sản trí tuệ, thỏa thuận liên quan, chính sách và quy trình một cách toàn diện, kiểm toán sở hữu trí tuệ giúp các doanh nghiệp:

- Kiểm kê hoặc cập nhật các tài sản trí tuệ;
- Phân tích cách thức các tài sản này đang được sử dụng hay không được sử dụng;
- Xác nhận doanh nghiệp hay các chủ thể khác đang sở hữu những tài sản trí tuệ mà doanh nghiệp đang sử dụng; và
- Xác định việc sử dụng tài sản trí tuệ của doanh nghiệp có xâm phạm quyền của chủ thể khác không và các chủ thể khác có đang xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của doanh nghiệp mình hay không.

Một danh mục kiểm toán sở hữu trí tuệ đơn giản được giới thiệu trong Bảng 2. Doanh nghiệp có thể sử dụng thông tin này để xác định chiến lược dành cho từng tài sản trí tuệ để đạt được mục tiêu kinh doanh².

Kiểm toán sở hữu trí tuệ vừa là một quy trình bảo vệ chung vừa là một công cụ đặc lực trong những trường hợp cụ thể khi doanh nghiệp cần tìm hiểu tình trạng các tài sản trí tuệ của mình. Sau

đây là một ví dụ. Một doanh nghiệp khởi nghiệp đã phát triển một sản phẩm hay dịch vụ mang tính sáng tạo, có thể có hoặc chưa chuyển đổi thành tài sản trí tuệ, cần hiểu về những lựa chọn mình có. Kiểm toán sở hữu trí tuệ sẽ giúp công ty xác định tài sản trí tuệ có thể hỗ trợ chiến lược kinh doanh như thế nào, đánh giá khả năng cạnh tranh và quản lý rủi ro. Kiểm toán sở hữu trí tuệ cũng giúp doanh nghiệp khởi nghiệp trong thế sẵn sàng trước các nhà đầu tư. Các nhà đầu tư đều muốn có một bức tranh rõ ràng về tình trạng sở hữu trí tuệ của một doanh nghiệp khởi nghiệp. Cũng vì những lý do đó, kiểm toán sở hữu trí tuệ cũng hữu ích khi doanh nghiệp khởi nghiệp được mua lại (“giai đoạn thoái vốn”).

Ngoài ra, kiểm toán còn chỉ ra các tài sản không ảnh hưởng trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh lõi, có thể bán hoặc li-xăng để tạo ra thêm dòng doanh thu cho doanh nghiệp; các tài sản trí tuệ dư thừa làm phát sinh các chi phí duy trì không cần thiết và nên bị loại khỏi danh mục.

Bước đầu tiên trong kiểm toán sở hữu trí tuệ là xác định các tài sản trí tuệ của doanh nghiệp. Việc này có nghĩa xác định tất cả các tài sản sở hữu trí tuệ của công ty và phân biệt những tài sản có đủ điều kiện để được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ. Là một cấu phần của tài sản trí tuệ, quyền sở hữu trí tuệ có thể được phân biệt với các tài sản trí tuệ khác bởi được xác định theo quy định của pháp luật và các quyền gắn với chúng.

Trước tiên, trong một quy trình nội bộ, doanh nghiệp khởi nghiệp cần theo dõi những gì doanh nghiệp vận hành khác với các đối thủ để tạo cho mình lợi thế cạnh tranh. Ví dụ: Doanh nghiệp có quy trình hoạt động chặt chẽ dành cho quản lý dự án, kiến thức và kinh nghiệm trong việc lưu trữ các hóa chất nhạy cảm hay quản lý quan hệ khách hàng nội bộ không? Kiến thức của nhân viên có phải là tài sản trí tuệ quan trọng của doanh nghiệp không? Ước lượng kiến thức của nhân viên có thể khó khăn. Một phương pháp có thể sử dụng là theo dõi các mô tả công việc của nhân viên so với yêu cầu dành cho vị trí của họ để xác định giá trị mà mỗi nhân viên đóng góp. Việc này cần được đi kèm bằng các quy trình lưu trữ (sổ nghiên cứu, tóm tắt phát triển dự án, tài liệu nghiên cứu, ...) để cho phép công ty nắm bắt và nội bộ hóa các tài sản trí tuệ.

Bảng 2. Danh sách giảm lược những vấn đề liên quan đến kiểm toán sở hữu trí tuệ

1. Có những loại tài sản trí tuệ tiềm năng nào?

- Dấu hiệu, tên, nhãn sử dụng để phân biệt sản phẩm hoặc dịch vụ.
- Ý tưởng sáng tạo, phương pháp thực hiện mới hoặc giải pháp kỹ thuật.
- Bài viết, phần mềm, âm thanh quảng cáo, video...
- Bao bì, kiểu dáng hấp dẫn, hình dáng có tính phân biệt...
- Thông tin kinh doanh nội bộ, như: báo cáo, kết quả phân tích dữ liệu, thông tin tiếp thị, thông tin sản xuất, bí quyết và bí mật thất bại, danh sách và thông tin khách hàng, cẩm nang thiết kế và vận hành, thiết kế, bản vẽ, biểu đồ, tác phẩm nghệ thuật, ý tưởng và kế hoạch, công thức và phép tính, sản phẩm mẫu, thí nghiệm và số nghiên cứu, thông tin nhà cung cấp và đại lý, thông tin R&D, chi phí, giá, lợi nhuận, dữ liệu tổn thất và lợi nhuận, dự báo và kế hoạch, tài liệu quảng cáo, thông tin tài chính, ngân quỹ và dự báo, phần mềm và mã nguồn.

2. Những tài sản trí tuệ này có thể được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ dưới dạng bí mật kinh doanh, sáng chế, nhãn hiệu, tên miền, kiểu dáng công nghiệp hoặc quyền tác giả không?

3. Có vấn đề liên quan đến quyền sở hữu không?

- Những ý tưởng này có phải do nhà sáng lập, nhân viên theo hợp đồng lao động, đại lý, nhà thầu hay khách hàng phát triển nên không?

4. Có những thỏa thuận liên quan nhằm xác định vai trò của họ đối với các tài sản trí tuệ không?

- Những thỏa thuận này có quy định việc chuyển nhượng quyền không?

5. Nếu các thỏa thuận không có quy định về chuyển nhượng quyền, doanh nghiệp đã làm gì để được nhận chuyển giao, chuyển nhượng quyền?

6. Có vấn đề liên quan đến xâm phạm quyền không?

- Công ty có đang xâm phạm quyền của bên thứ ba nào không?
- Có bên thứ ba nào đang xâm phạm quyền của công ty không?

7. Khi không có vấn đề nào về quyền sở hữu hay xâm phạm quyền:

- Doanh nghiệp đã tiến hành các bước đăng ký nhãn hiệu, tên miền, sáng chế hay kiểu dáng công nghiệp chưa?
- Những đơn đăng ký hoặc tài sản này có đang được duy trì bằng cách nộp phí duy trì đúng hạn theo quy định không?

8. Đơn đăng ký đã được nộp ở tất cả các quốc gia mục tiêu chưa?

9. Đã có biện pháp nào được thực hiện để bảo mật các thông tin kinh doanh là lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp:

- Sử dụng biện pháp bảo vệ, hạn chế tiếp cận thông tin
- Ký thỏa thuận bảo mật với nhân viên và bên thứ ba khi phải bộc lộ thông tin
- Ký thỏa thuận không cạnh tranh với nhân viên nghỉ việc, chính sách trao đổi nội bộ để hạn chế vô tình bộc lộ thông tin

10. Tài sản trí tuệ đóng góp như thế nào cho mục tiêu kinh doanh chiến lược của doanh nghiệp?

NHỮNG Ý TƯỞNG TÁO BẠO

Cẩm nang về sở hữu trí tuệ dành cho doanh nghiệp khởi nghiệp

- Chúng có được sử dụng trong các hoạt động kinh doanh chính của công ty không?
- Các chủ thể khác có thể được chuyển giao quyền sử dụng chúng không?
- Có tài sản nào nên bị loại bỏ, quyền tặng hoặc dùng cho mục đích khác không?
- Chúng có thể được sử dụng để thu hút nhà đầu tư, đối tác hay cộng sự không?

Lưu ý: Thông tin chi tiết, xem South-East Asia IPR SME Helpdesk. IP Audit Checklist. www.southeastasi-aiprhelphdesk.eu/sites/default/files/publications/EN_Audit.pdf. Xem thêm, Alan R. Singleton. IP Audit Checklist (Singleton Law Firm, P.C). <https://nebula.wsimg.com/d88b0ffd498cd797d780f38d40a0a316?AccessKeyId=5320B1B257AADA6A76&disposition=0&alloworigin=1>.

Sau khi đã xác định được những tài sản được bảo hộ hoặc có khả năng được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, hoạt động kiểm toán giúp xác định tình trạng của các tài sản này. Trong các quyền sở hữu trí tuệ đó, quyền nào thuộc sở hữu của doanh nghiệp, các quyền đó có còn hiệu lực không? Nếu quyền sở hữu trí tuệ không thuộc về doanh nghiệp, doanh nghiệp đã làm gì để có quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng các tài sản đó thông qua một thỏa thuận li-xăng?

Những thông tin thu thập được sẽ giúp doanh nghiệp tìm ra được những thiếu sót trong các quy trình nội bộ, tìm cách quản lý chi phí tốt hơn, làm rõ nguy cơ xâm phạm và tìm ra các cơ hội hợp tác. Nhiều doanh nghiệp khởi nghiệp dựa vào sở hữu trí tuệ mắc sai lầm khi không cập nhật danh mục sở hữu trí tuệ của mình. Điều này dẫn đến việc họ có thể đánh mất lợi thế cạnh tranh ban đầu mà họ có được nhờ quyền sở hữu trí tuệ. Thử tưởng tượng sản phẩm đầu tiên được bảo hộ độc quyền sáng chế. Sản phẩm đó thành công. Doanh nghiệp tiếp tục đổi mới và cho ra nhiều thế hệ sản phẩm, bổ sung

những chức năng quan trọng. Tuy nhiên, lúc này họ không thực hiện các biện pháp đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với những cải tiến này mà chỉ dựa hoàn toàn vào bằng độc quyền sáng chế ban đầu. Kết quả là sản phẩm mới của doanh nghiệp sẽ có thể bị sao chép, các đối thủ có cơ hội đe dọa lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp. Chiến lược quản trị sở hữu trí tuệ của doanh nghiệp phải luôn luôn song hành với chiến lược đổi mới sáng tạo. Các doanh nghiệp khởi nghiệp nên tiến hành kiểm toán sở hữu trí tuệ định kỳ để bảo đảm tài sản trí tuệ được bảo hộ một cách đầy đủ, phù hợp và cập nhật.

Ghi chú

1. Về tự kiểm toán sở hữu trí tuệ, truy cập WIPO. IP Diagnostics. www.wipo.int/ipdiagnostic
2. Xem WIPO. Kiểm toán sở hữu trí tuệ, Mô-đun 10. www.wipo.int/export/sites/www/sme/en/Documents/pdf/ip_panorama_10_learning_points.pdf.

PHỤ LỤC 1: ĐƠN VỊ CUNG CẤP DỊCH VỤ HỖ TRỢ



Vì nguồn lực hạn chế, một doanh nghiệp khởi nghiệp thường không thể mời được các nhà cung cấp dịch vụ có chất lượng từ bên ngoài. Hầu hết các doanh nghiệp khởi nghiệp không nhận thức được họ đang cần sự hỗ trợ từ bên ngoài hoặc không có khả năng chi trả. Những người sáng lập có xu hướng bỏ qua nhu cầu này hoặc cố gắng tự giải quyết. Cụ thể, các doanh nghiệp khởi nghiệp có xu hướng không tìm kiếm sự hỗ trợ mà họ cần trong hai lĩnh vực chính là tư vấn pháp lý và hỗ trợ về sở hữu trí tuệ. Mặc dù không có cách khắc phục dễ dàng cho vấn đề này, một doanh nghiệp khởi nghiệp biết khi nào cần trợ giúp sẽ có nhiều khả năng tìm ra các giải pháp kịp thời hơn. Các nhà sáng lập nên tìm kiếm các chương trình sẵn có ở địa phương về tăng tốc hoặc ươm tạo, tham khảo lời khuyên từ các văn phòng chuyển giao công nghệ (TTO) nếu họ đến từ các trường đại học và tìm kiếm các nhà cung cấp khác có thể có dịch vụ hỗ trợ cơ bản miễn phí hoặc với mức giá phù hợp. Các doanh nghiệp khởi nghiệp ở giai đoạn huy động vốn nên dành một khoản kinh phí để chi trả cho nhà cung cấp dịch vụ bên ngoài, cũng như chi phí gia hạn và duy trì quyền sở hữu trí tuệ. Hầu hết các quỹ đầu tư mạo hiểm sẽ không phản đối các khoản chi như vậy vì họ hiểu giá trị quan trọng của những tư vấn chuyên môn.

Các doanh nghiệp khởi nghiệp có thể cần tư vấn về việc soạn thảo đơn đăng ký sáng chế, soạn thảo hồ sơ thành lập hoặc đơn giản là thiết kế một mô hình

kinh doanh khả thi. Một số tổ chức hỗ trợ các nhà khởi nghiệp trong giai đoạn đầu nhưng không phải ở đâu cũng có.

Các tổ chức tăng tốc trung gian

Thông thường, các tổ chức tăng tốc trung gian hoạt động vì lợi nhuận và hỗ trợ thúc đẩy các doanh nghiệp khởi nghiệp tăng trưởng hoạt động kinh doanh. Các tổ chức này cung cấp dịch vụ cố vấn đồng hành, phát triển năng lực và trong một số trường hợp nhất định, cả đầu tư vốn để đổi lấy một phần cổ phần nhỏ. Những tổ chức tăng tốc trung gian hàng đầu rất kén chọn và các ứng viên phải trải qua một quá trình ứng tuyển khắt khe. Mục tiêu của các tổ chức này là chuẩn bị cho doanh nghiệp khởi nghiệp nhận được các nguồn vốn đầu tư mạo hiểm. Ở các nền kinh tế mới nổi, tổ chức tăng tốc trung gian của trường đại học hoặc công viên công nghệ đang dần thực hiện vai trò của các tổ chức tăng tốc kinh doanh; một số chỉ tập trung vào các lĩnh vực nhất định, như khoa học đời sống, công nghệ xanh, ... Một tổ chức tăng tốc trung gian tốt cũng sẽ cung cấp cố vấn đồng hành hoặc nhân sự trong lĩnh vực cụ thể, chuyên gia về pháp lý và sở hữu trí tuệ để hỗ trợ doanh nghiệp giải quyết các thách thức khác nhau được nêu ra ở trên. Một số tổ chức tăng tốc trung gian có văn phòng ở các quốc gia khác nhau và có thể hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp tiềm năng mong muốn thâm nhập thị trường quốc tế.

Các cơ sở ươm tạo

Các cơ sở ươm tạo thường được tài trợ bởi các trường đại học, quỹ đầu tư mạo hiểm hoặc doanh nghiệp. Họ không hướng đến lợi nhuận mặc dù một số có thể yêu cầu (trong tương lai) sở hữu cổ phần trong doanh nghiệp. Hầu hết các cơ sở ươm tạo sẽ tiếp nhận các công ty khởi nghiệp ở giai đoạn rất sớm, thậm chí trước khi chúng được chính thức thành lập, cho phép các nhà sáng lập tương lai khám phá ý tưởng kinh doanh và bước ra khỏi cơ sở ươm tạo với mô hình và chiến lược kinh doanh sáng suốt.

Một cơ sở ươm tạo tốt, cũng như một tổ chức tăng tốc trung gian tốt, sẽ cung cấp (một số) dịch vụ cố vấn đồng hành để giúp định hình mô hình kinh doanh, giải quyết vấn đề sở hữu trí tuệ và các vấn đề pháp lý khác, đồng thời cung cấp thông tin về các khía cạnh khác mà người sáng lập thấy hữu ích.

Văn phòng quản lý công nghệ (TMO)

Cũng được biết đến như các văn phòng chuyển giao công nghệ hoặc quản trị tri thức, những tổ chức này hoạt động trong khuôn khổ một trường đại học hoặc trung tâm nghiên cứu. Các mô hình văn phòng quản lý công nghệ ở các quốc gia có sự khác nhau. Tuy nhiên, mục đích chính của những tổ chức này là chuyển giao tài sản trí tuệ (thường là các sáng chế được tạo ra trong trường đại học) cho doanh nghiệp thông qua li-xăng, từ

đó tạo thu nhập cho trường.

Về lý thuyết, Văn phòng quản lý công nghệ cũng quản lý việc chuyển giao tài sản trí tuệ cho các doanh nghiệp khởi nghiệp hay doanh nghiệp spin out, tuy nhiên phương pháp và mục tiêu của các Văn phòng khác nhau sẽ khác nhau. Sứ mệnh của một số Văn phòng quản lý công nghệ là thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp trong trường đại học hoàn thành hiệu quả nhiệm vụ của một cơ sở ươm tạo hoặc thúc đẩy kinh doanh. Một số khác thì tìm cách khai thác giá trị lớn nhất có thể từ danh mục sở hữu trí tuệ mà không có điều khoản hay quyền lợi đặc biệt dành cho các doanh nghiệp spin out của họ. Nhìn chung, các nhân viên của Văn phòng thường chuyên về những vấn đề liên quan đến sở hữu trí tuệ và các tổ chức này có thể sẵn sàng hỗ trợ doanh nghiệp về hồ sơ đăng ký sáng chế và chi phí để khởi nghiệp, đôi khi để đổi lấy một phần vốn chủ sở hữu, lựa chọn mua cổ phần; hoặc với điều kiện doanh nghiệp khởi nghiệp sẽ trả chi phí liên quan đến bằng độc quyền sáng chế khi bắt đầu có thu nhập.

Chính phủ, các tổ chức phi chính phủ và các chương trình hỗ trợ quốc tế.

Hầu hết các chính phủ đều có các chương trình hỗ trợ thúc đẩy khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo. Điển hình ở Việt Nam là Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025” do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Một số

NHỮNG Ý TƯỞNG TÁO BẠO

Cẩm nang về sở hữu trí tuệ dành cho doanh nghiệp khởi nghiệp

chính phủ cung cấp vốn hạt giống nhỏ để giúp các doanh nghiệp khởi nghiệp khởi động. Một số chính phủ khác cung cấp các khoản tài trợ, dựa trên những điều kiện nhất định, hoặc chi trả các chi phí về để được cấp bằng độc quyền sáng chế. Hầu hết các cơ quan sáng chế quốc gia có bộ phận hỗ trợ để giải thích về cách thức bảo hộ và quy trình đăng ký quyền sở hữu trí tuệ. Một số tổ chức quốc tế cung cấp dịch vụ ươm tạo và tăng tốc trung gian trong các lĩnh vực công nghệ hoặc thị trường mà họ quan tâm. Cuối cùng, rất nhiều tổ chức quốc tế cung cấp thông tin miễn phí, thậm chí là kết nối với mạng lưới chuyên gia có trình độ, cơ sở dữ liệu hữu ích và thông tin về những thực tiễn tốt trên thế giới (xem phụ lục 2: Các nguồn).

PHỤ LỤC 2: CÁC NGUỒN



1. WIPO (2006). Creative Expression: An Introduction to Copyright and Related Rights for Small and Medium-sized Enterprises. Intellectual Property for Business Series no. 4. www.wipo.int/edocs/pubdocs/en/sme/918/wipo_pub_918.pdf
2. WIPO (2015) Successful Technology Licensing. https://www.wipo.int/edocs/pubdocs/en/licensing/903/wipo_pub_903.pdf
3. WIPO (2017). Making a Mark - An introduction to Trademarks for Small and Medium Sized Enterprises. Intellectual Property for Business Series no. 1. www.wipo.int/edocs/pubdocs/en/wipo_pub_900_1.pdf
4. WIPO (2018). Inventing the Future - An Introduction to Patents for Small and Medium sized Enterprises. Intellectual Property for Business Series no. 3. www.wipo.int/edocs/pubdocs/en/wipo_pub_917_1.pdf
5. WIPO (2019). In Good Company: Managing Intellectual Property Issues in Franchising. Intellectual Property for Business Series no. https://www.wipo.int/edocs/pubdocs/en/sme/1035/wipo_pub_1035.pdf
6. https://www.wipo.int/edocs/pubdocs/en/sme/1035/wipo_pub_1035.pdf
7. WIPO (2019). Looking Good: An Introduction to Industrial Designs for Small and Medium sized Enterprises. Intellectual Property for Business Series no. 2. www.wipo.int/edocs/pubdocs/en/wipo_pub_498_1.pdf
8. WIPO (2020). Identifying Inventions in the Public Domain - A Guide for Inventors and Entrepreneurs. www.wipo.int/edocs/pubdocs/en/wipo_pub_1062.pdf
9. WIPO (2020). Using Inventions in the Public Domain - A Guide for Inventors and Entrepreneurs. www.wipo.int/edocs/pubdocs/en/wipo_pub_1063.pdf
10. WIPO Academy. Distance learning program. www.wipo.int/academy/en
11. WIPO Global Brand Database. www.wipo.int/reference/en/branddb
12. WIPO Global Design Database. www.wipo.int/reference/en/designdb
13. WIPO Green Licensing Check List . www3.wipo.int/wipogreen/en/network/index.html#licensing
14. WIPO Inventor Assistance Program (IAP). www.wipo.int/iap
15. WIPO IP Diagnostics. www.wipo.int/ipdiagnostic/
16. WIPO IP for Business website. www.wipo.int/sme/en
17. WIPO IP PANORAMA. www.wipo.int/sme/en/multimedia
18. WIPO Lex Database Search. <https://wipo.lex.wipo.int/en/main/legislation>
19. WIPO Patent Landscape Reports. www.wipo.int/patentscope/en/programs/patent_landscapes
20. WIPO PATENTSCOPE database. www.wipo.int/patentscope
21. WIPO Technology and Innovation Support Centers (TISCs). www.wipo.int/tisc

22. WIPO Universities and Intellectual Property. www.wipo.int/about-ip/en/universities_research
23. WIPO Website. www.wipo.int
24. WIPO and the International Chamber of Commerce (2012). Making Intellectual Property Work for Business -A Handbook for Chambers of Commerce and Business Associations Setting Up Intellectual Property Services. www.wipo.int/publications/en/details.jsp?id=295&plang=EN
25. WIPO and the International Trade Center (2003). Marketing Crafts and Visual Arts: The Role of Intellectual Property. www.wipo.int/publications/en/details.jsp?id=281&plang=EN
26. WIPO (2003). Secrets of Intellectual Property: A Guide for Small and Medium-sized Exporters. www.wipo.int/publications/en/details.jsp?id=294&plang=EN
27. WIPO (2005). Exchanging Value, Negotiating Technology Licensing Agreements-A Training Manual. www.wipo.int/publications/en/details.jsp?id=291&plang=EN

NHỮNG Ý TƯỞNG TÁO BẠO
Cẩm nang về sở hữu trí tuệ dành cho doanh nghiệp khởi nghiệp

-----*-----

NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG

Địa chỉ: Tầng 4 - Khu A Tòa nhà số 97 Trần Quốc Toản - Hoàn Kiếm - Tp. Hà Nội

Điện thoại: 024 38515380; Fax: 024 38515381

Email: info@nxblaodong.com.vn

Website: www.nxblaodong.com.vn

Chi nhánh phía Nam

Số 85 Cách mạng Tháng Tám, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

ĐT: 028 38390970; Fax: 028 39257205

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc - Tổng biên tập

Mai Thị Thanh Hằng

Biên tập: Hoàng Thị Thanh Dung

Trình bày: Cục Sở hữu trí tuệ

Bìa: Cục Sở hữu trí tuệ

Sửa bản in: In Đại Minh

LIÊN KẾT XUẤT BẢN

CÔNG TY TNHH TỔNG HỢP SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI ĐẠI MINH

Địa chỉ: Số 29 ngõ 371/2 Kim Mã, P. Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội, Việt Nam

In 1000 cuốn, khổ 17x24cm, tại công ty TNHH In và Thương mại Linh Gia

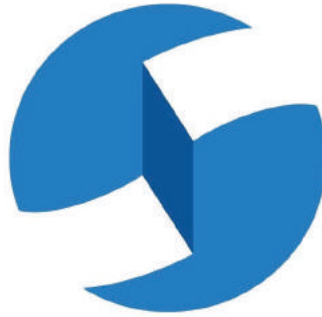
Địa chỉ: P4F5B, Tập thể Xà Phòng, Ngõ 330 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội

Số xác nhận ĐKXB: 982-2023/CXBIPH/02-62/LĐ

Số quyết định: 351/QĐ-NXBLĐ ngày 31/03/2023

Mã ISBN: 978-604-393-460-1

In xong và nộp lưu chiểu năm 2023



IP VIET NAM

Giới hạn trách nhiệm:

Ấn phẩm này được dịch và biên tập lại từ tài liệu gốc “Enterprising Ideas”, ISBN: 978-92-805-3265-4 do Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO) xuất bản theo Giấy phép tài sản sáng tạo công cộng (CC BY 3.0 IGO License). Tham khảo nội dung Giấy phép tại <https://creativecommons.org/licenses/by/3.0/igo/>

WIPO không có nghĩa vụ hay trách nhiệm gì liên quan đến việc chuyển thể, dịch hay biên tập từ nội dung tài liệu gốc.

Cục Sở hữu trí tuệ chịu trách nhiệm và sở hữu quyền tác giả đối với ấn phẩm tiếng Việt này.



Sách không bán